

Biểu mẫu 18E
THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Thủ Dầu Một
năm học 2022 -2023

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, báo cáo tốt nghiệp

Chương trình: Ngôn ngữ Trung Quốc

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Tìm hiểu thành ngữ tiếng Trung trong giáo trình Đọc viết tiếng Trung 5 ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một	Võ Đức Minh	ThS. Phạm Nguyễn Nhật Minh	Đề tài tiến hành tìm hiểu các khái niệm liên quan và nguồn gốc của thành ngữ đồng thời phân tích thành ngữ trong giáo trình Đọc – Viết tiếng Trung 5, ngành NNTQ, Trường ĐH TDM, mục đích chính là giúp quá trình học tập của người học thuận lợi hơn, hiểu được ý nghĩa, ngữ cảnh áp dụng thành ngữ, thông qua đó người học sẽ được củng cố và nâng cao trình độ tiếng Trung mình, để người học đạt được kết quả tốt hơn trong học tập và giao tiếp tự tin sử dụng thành ngữ trong quá trình học môn đọc viết tiếng Trung.
2	Đại học	Khảo sát những trở ngại về việc tiếp thu tiếng Hán của tân sinh viên trường Đại học Thủ Dầu Một trong bối cảnh học tập trực tuyến.	Hồ Thị Yến Nhi	ThS. Phạm Nguyễn Nhật Minh	Ngày 11/3/2020, Tổ chức Y tế Thế giới tuyên bố Covid-19 là đại dịch toàn cầu, yêu cầu các nước thực hiện các biện pháp quyết liệt để ngăn chặn và kiểm soát dịch. Trong bối cảnh “Tạm ngừng lớp học, không ngừng học tập” thì học tập trực tuyến đã trở thành lựa chọn hàng đầu. Tuy nhiên sự tách biệt giữa giáo

					viên và học sinh về vấn đề thời gian và không gian cũng mang đến những thách thức mới cho việc học. Kết quả nghiên cứu thông qua các cuộc khảo sát trực tuyến với 454 tân sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một cho thấy phương pháp giảng dạy, môi trường học tập và đặc biệt là các đặc điểm của tiếng Trung Quốc chính là ba nguyên nhân chính khiến cho việc học trực tuyến của tân sinh viên gặp nhiều trở ngại gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng đào tạo của trường sau này. Trong bài báo cáo đã đưa ra một vài kiến nghị để làm cơ sở để phát triển phương pháp dạy học trực tuyến sau này.
3	Đại học	Phân tích điểm giống và khác nhau của từ "neng" và "keneng" trong tiếng Hán hiện đại	Cổ Hồng Phúc	ThS. Phạm Nguyễn Nhật Minh	Chương Một, giới thiệu sơ lược về đề tài . Chương thứ hai nghiên cứu các đặc điểm ngữ pháp chính, các chức năng ngữ pháp khác nhau và các đặc điểm ngữ nghĩa khác nhau của “可能” và “能” trong tiếng Trung Quốc hiện đại. Chương thứ ba, chương này so sánh “可能” và “能” theo các đặc điểm chính của “可能” và “能” đã được chỉ ra trong chương đầu tiên của “可能” và “能”. Chương thứ tư, nội dung của chương này tập trung vào sự khác biệt của “可能” và “能” của Trung Quốc; đưa ra sự khác biệt của “可能” và “能” của Trung Quốc; và sau đó đề xuất cách sử dụng phù hợp của “可能” và “能” theo kết quả so sánh. Từ đó, trong phần cuối của bài viết này, tôi đưa ra kết luận về sự giống và khác nhau giữa “可能” và “能”, đồng thời giải thích cách sử dụng “可能” và

					“能” trong tiếng Trung để diễn đạt chúng một cách chính xác. Bài viết này hy vọng rằng nghiên cứu này có thể giúp mọi người hiểu rõ hơn về “可能” và “能”, đồng thời có thể dễ dàng phân biệt và sử dụng tiếng Trung để diễn đạt chúng một cách chính xác.
4	Đại học	Tìm hiểu từ Hán Việt trong giáo trình dịch nói tiếng Trung Quốc ngành ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại Học Thủ Dầu Một	Thị Huyền	ThS. Phạm Nguyễn Nhật Minh	"Tìm hiểu từ Hán Việt trong giáo trình dịch nói tiếng Trung Quốc ngành ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại Học Thủ Dầu Một " bài báo cáo của em sẽ đi tìm hiểu các từ Hán Việt trong giáo trình dịch nói tiếng Trung Quốc, cụ thể là trong chương II em khái quát về từ Hán Việt bao gồm khái niệm, đặc điểm vai trò của từ Hán Việt vv,,ở chương tiếp theo em sẽ đi sâu phân tích,giải thích nghĩa của từ và đặt ví dụ cụ thể trong mỗi từ. Đồng thời, bài báo cáo của em cũng sẽ đưa ra 1 vài phương pháp cho giảng viên và sinh viên trong việc dạy và học từ Hán Việt được dễ dàng và hiệu quả hơn.
5	Đại học	Tìm hiểu từ Hán Việt trong giáo trình dịch nói tiếng Trung Quốc ngành ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại Học Thủ Dầu Một	Nông Phương Linh	ThS. Phạm Nguyễn Nhật Minh	"Tìm hiểu từ Hán Việt trong giáo trình dịch nói tiếng Trung Quốc ngành ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại Học Thủ Dầu Một " bài báo cáo của em sẽ đi tìm hiểu các từ Hán Việt trong giáo trình dịch nói tiếng Trung Quốc, cụ thể là trong chương II em khái quát về từ Hán Việt bao gĐã nhậphồm khái niệm, đặc điểm vai trò của từ Hán Việt vv,,ở chương tiếp theo em sẽ đi sâu phân tích,giải thích nghĩa của từ và đặt ví dụ cụ thể trong mỗi từ. Đồng thời, bài báo cáo của em cũng sẽ đưa ra 1 vài phương pháp cho giảng viên và sinh viên trong việc dạy và học từ Hán Việt được dễ dàng và hiệu quả hơn.
6	Đại học	Nhu cầu du học Trung	Trần Thị Kim	ThS. Trần	Du học Trung Quốc chẳng còn là vấn đề gì mới nữa cả. Nó đã trở thành một

		Quốc của sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc tại trường Đại học Thủ Dầu Một	Thoa	Khánh Linh	trào lưu lan rộng khắp cả nước và độ tuổi du học nhiều nhất là những học sinh, sinh viên. Bởi nó là một trào lưu, nên hiện tượng này diễn ra hàng ngày, hàng giờ. Số lượng học sinh Việt Nam đi du học đến cao đẳng, đại học, sau đại học và với nhiều hình thức phong phú. Du học nhờ học bổng, học bổng toàn phần, hay tự túc điều rất nhiều. Rất nhiều công ty du học, tư vấn du học đã trở thành con đường mà giới trẻ quan tâm và chọn lựa để trau dồi thêm hành trang kiến thức cho tương lai sau này. Việc du học Trung Quốc trở thành “con sốt”, mặc dù biết rằng du học là một cơ hội để phát triển bản thân nhưng chúng ta nên hiểu rõ du học như thế nào là tốt và nên xem xét nhiều góc độ rằng việc du học có phù hợp và cần thiết với chính bản thân không.
7	Đại học	Tìm hiểu về câu tồn tại trong tiếng Trung và cách diễn đạt tương ứng trong tiếng Việt	Phạm Thị Hà Linh	ThS. Trần Khánh Linh	Nói về ngữ pháp tiếng Trung Quốc, chúng ta không khỏi nghĩ đến những kiểu câu có cấu tạo vô cùng phức tạp, cùng một câu nhưng chỉ cần thay đổi vị trí một từ thì lập tức ý nghĩa sẽ khác. câu tồn tại là một trong những ví dụ điển hình. Câu tồn tại là một kiểu câu khá đặc biệt, Song song với ý nghĩa trong tiếng Trung thì việc sử dụng câu tồn tại trong tiếng Việt ý nghĩa cũng giống nhau. Nó biểu thị một sự vật sự việc hoặc hiện tượng nào đó xuất hiện, đang tồn tại hoặc biến mất. Mặc dù câu tồn tại xuất hiện thường xuyên trong cuộc sống hằng ngày nhưng nếu sử dụng sai ngữ pháp thì câu văn sẽ không còn là câu tồn tại nữa. Chính vì thế để hiểu rõ hơn về cấu tạo, cấu trúc ngữ pháp của loại câu này, bài báo cáo dưới đây sẽ nghiên cứu về câu tồn tại trong tiếng Trung và cách diễn đạt của nó tương ứng trong tiếng Việt.
8	Đại học	Nghiên cứu đối chiếu ý nghĩa và cách dùng của	Trần Thị Giang	ThS. Trần Khánh Linh	Từ "Lao" trong tiếng Hán hiện đại là từ đa nghĩa, mỗi nghĩa tùy thuộc vào từng

		từ "lao" (老) trong tiếng Hán và từ diễn đạt tương ứng trong tiếng Việt.			hoàn cảnh sử dụng từ. khi nghĩa của nó dịch ra tiếng việt " già, rất, cũ, luôn luôn" chúng ta phải biết nắm chắc ý nghĩa và mục đích sử dụng từ để tránh trường hợp bị hiểu nhầm và sai ý của câu nói hoặc đoạn văn. Bài báo cáo tiểu luận gồm có 4 chương đã trình bày đầy đủ và khái quát về những chức năng, ngữ nghĩa của từ và sự khác nhau giữ từ tiếng hán và từ tiếng việt giúp sinh viên dễ nhận biết trong việc sử dụng ngôn ngữ. Từ đó rút ra được những điểm khác nhau cơ bản về ngữ nghĩa của từ đặc biệt và với từ "lao".
9	Đại học	Cách sử dụng quán ngữ dùng tiếng Trung trong đời sống	Trần Thị Hải Anh	ThS. Trần Khánh Linh	Quán dụng ngữ là một loại cụm từ cố định được sử dụng phổ biến, cấu tạo tương đối linh hoạt. Quán dụng tiếng Trung chứa đựng vô số nội dung tri thức bách khoa như nhân văn, phong tục, lễ nghi, v.v., và là một bộ phận tương đối phức tạp trong hệ thống từ vựng tiếng Trung. Ngôn ngữ là người chuyên chở văn hóa. Là một hình thức diễn đạt ngôn ngữ được mọi người yêu thích, thành ngữ có ý nghĩa văn hóa sâu sắc. Dân tộc Hán là một dân tộc có nguồn gốc văn hóa cổ xưa, và truyền thống văn hóa lâu đời và phong phú của nó cung cấp một nguồn nước sống vô tận cho việc lựa chọn các thành ngữ Trung Quốc. . Là một từ vựng văn hóa độc đáo trong tiếng Trung Quốc, thành ngữ chứa đựng ý nghĩa văn hóa phong phú. Các hình thức thành ngữ tiếng Hán có quan hệ chặt chẽ với các giai đoạn lịch sử khác nhau, phong tục xã hội, tín ngưỡng tôn giáo, tập quán sinh hoạt, tâm lý văn hóa, giá trị và thẩm mỹ của dân tộc Hán. Tuy nhiên, do phức tạp về ngữ nghĩa, hình thức thành ngữ, cộng với ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và các yếu tố khác trong quá trình học tập, học sinh Việt Nam đã sử dụng sai thành ngữ. Vì vậy, trong bài viết này, tôi đưa ra một

					vài lý do và tìm ra một vài cách để áp dụng thành ngữ trong cuộc sống.
10	Đại học	Tìm hiểu cách sử dụng của các động từ đồng nghĩa "nong", "zuo", "gao", "ban" trong tiếng Trung Quốc và từ "Làm" trong tiếng Việt Nam	Nguyễn Thị Minh Thư	ThS. Trần Khánh Linh	Động từ đồng nghĩa là các động từ có nghĩa giống hoặc gần giống nhau. Do có một số đặc điểm khác biệt nhất định về văn hóa truyền thống và cách diễn đạt của việc sử dụng các động từ "弄, 做, 搞, 干, 办" đều có nghĩa chung là "Làm". bên cạnh đó mỗi từ sẽ sự khác biệt nhất định. Báo cáo này muốn làm rõ và đồng thời so sánh sự khác biệt của các động từ "弄, 做, 搞, 干, 办" trong Tiếng Trung Quốc với từ "Làm" trong tiếng Việt Nam, về mặt ngữ pháp (cấu trúc ngữ pháp, đặc điểm và chức năng ngữ pháp) , về mặt ngữ nghĩa (nghĩa gốc, nghĩa mở rộng,...). Từ đó, chúng ta có thể hiểu sâu hơn về đặc điểm của các động từ "弄, 做, 搞, 干, 办" trong Tiếng Trung và "Làm" trong tiếng Việt Nam, từ đó giúp cho sinh viên có thêm tài liệu tham khảo, giảm khả năng mắc lỗi trong cách sử dụng trong giao tiếp và trên giảng đường.
11	Đại học	Phân tích so sánh phó từ "cai", "jiu" trong tiếng Trung và từ diễn đạt tương ứng trong tiếng Việt	Nguyễn Thị Như Quỳnh	ThS. Trần Khánh Linh	"Jiu" và "cai" là một cặp phó từ đa chức năng, ý nghĩa phức tạp và cách sử dụng linh hoạt, có nhiều ý nghĩa khác nhau trong từng ngữ cảnh , chính vì mang nhiều ý nghĩa nên nó mang lại không ít rắc rối cho người học. Do đó, việc phân tích ý nghĩa và chức năng của hai phó từ này là rất cần thiết, đồng thời tìm hiểu về nghĩa tương ứng của nó trong Tiếng Việt để giúp người học tiếng Trung hiểu rõ hơn , sử dụng đúng và giúp nâng cao trình độ giao tiếp của người học tiếng Trung.
12	Đại học	Nghiên cứu về ảnh hưởng của ngôn ngữ mạng Trung Quốc đến	Lê Thị Kim Anh	ThS. Trần Khánh Linh	Trong thời kì mà các phương tiện truyền thông, các nền tảng mạng xã hội phát triển như vũ bão, có thể kể đến như weibo, wechat, douyin, facebook, zalo,

		giới trẻ Việt Nam			tiktok,..... Truyền thông đại chúng chính là nhân tố quan trọng làm thay đổi bản sắc ban đầu của ngôn ngữ, hình thành nên một phương thức ngôn ngữ mới mẻ, khác lạ, với tên gọi là “ngôn ngữ mạng”. Ngôn ngữ mạng được sử dụng rộng rãi. Nó cũng có tính chất “truyền bá”. Ở đất nước tỉ dân Trung Quốc, ngôn ngữ mạng lại truyền đi với tốc độ chóng mặt, thậm chí đã vượt khỏi biên giới quốc gia, len lỏi vào “kho tàng” ngôn ngữ mạng của những quốc gia lân cận, trong đó có Việt Nam. Những bạn trẻ theo học tiếng Hán cũng khá thích thú với thứ ngôn ngữ mạng này. Tiếp thu và ứng dụng vào trong kho ngôn ngữ mạng của mình. Thực tế thì trong quá trình tiếp thu và sử dụng không trách khỏi việc “tam sao thất bản”, làm cho ý nghĩa ban đầu bị hiểu sai đi. Hoặc giới trẻ Việt Nam đã căn cứ vào đặc điểm tiếng nói và hoàn cảnh riêng mà đã biến đổi thành một ngữ nghĩa khác. Và ngôn ngữ mạng cũng mang lại một số lợi ích, thuận tiện nhất định, tuy nhiên cũng ảnh hưởng tiêu cực đến việc học của chúng ta nếu sử dụng bừa bãi, không kiểm soát.
13	Đại học	Phân biệt cách sử dụng của từ "zhidao", "renshi, liaojie", "lijie" trong tiếng trung quốc và liên hệ từ "biết" trong tiếng Việt	Lưu Huyền Thanh Trúc	ThS. Trần Khánh Linh	Từ vựng đóng vai trò quan trọng khi học ngoại ngữ. Đối với người học tiếng Trung, từ đồng nghĩa luôn là điểm khó khăn, đa số mọi người chỉ biết nghĩa của một từ, còn những từ khác có nghĩa tương tự, cách dùng ra sao thì luôn mơ hồ, không phân biệt rõ ràng sự khác biệt, cho nên người học hay mắc sai lầm trong quá trình sử dụng. Ví dụ như là các từ "zhidao", "renshi", "liaojie", "lijie" trong tiếng Trung và tương đương với từ "biết" trong tiếng Việt. Vậy giữa 4 từ có khác biệt như thế nào? Thông qua bài nghiên cứu báo cáo, chúng

					ta sẽ làm rõ sự giống nhau và khác nhau khi sử dụng các từ để tránh mắc sai lầm.
14	Đại học	Khảo sát tình hình và phương pháp giảng dạy tiếng Trung của các Trung tâm ngoại ngữ ở thành phố Thủ Dầu Một	Phạm Thị Ngọc Mai	ThS. Trần Khánh Linh	Mặc dù tiếng Anh là ngôn ngữ toàn cầu, nhưng tiếng Trung Quốc là ngôn ngữ được sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới. Tiếng Trung giúp chúng ta trò chuyện với gần 1/6 dân số thế giới, bao gồm hơn 1,4 tỷ người Hoa. Với tình hình phát triển kinh tế cũng như xu hướng đổi mới toàn cầu hiện nay phải công nhận rằng tầm ảnh hưởng của ngôn ngữ này vô cùng rộng rãi. Việt Nam là một trong những nước có vốn đầu tư Trung Quốc và Đài Loan khá cao. Đặc biệt là các vùng trọng điểm kinh tế, có rất nhiều khu công nghiệp dần mọc lên với sự đầu tư của Trung Quốc, Đài Loan. Đây chính là lý do khiến nhiều người học tiếng Trung. Vì những lý do khác nhau thay vì chọn học Tiếng Trung ở các Trường đại học thì mọi người đang có xu hướng đi học Tiếng trung tại các Trung tâm. Và gần đây các trung tâm ở Thành phố Thủ Dầu Một dần mọc lên như nấm. Mọi người đang phân vân không biết trung tâm nào phù hợp với mình. Vậy các Trung Tâm ngoại ngữ này dùng phương pháp gì để dạy học, tình hình giảng dạy tiếng trung và các vấn đề liên quan đến học phí, chiêu sinh, chất lượng như thế nào, bài báo cáo này sẽ làm rõ.
15	Đại học	Tìm hiểu Câu phủ định trong tiếng Trung và đối chiếu với câu phủ định trong tiếng Việt	Trần Thị Ly	ThS. Trần Khánh Linh	Câu phủ định xuất hiện trong hầu hết tất cả ngôn ngữ trên thế giới. Thể phủ định cũng là một trong những điểm ngữ pháp quan trọng trong tiếng Trung và tiếng Việt. Câu phủ định ở cả tiếng Trung và tiếng Việt chủ yếu đều được thể hiện thông qua các từ ngữ mang ý nghĩa phủ định như “không” “chẳng” “chả” “đừng” hay “不” ”没” ”别”...Song chính vì sự tương đồng trong cách biểu đạt

					ý phủ định ở hai ngôn ngữ này khiến một số bộ phận người học tiếng Trung ở Việt Nam nhầm tưởng rằng thể phủ định trong tiếng Trung đơn giản và dễ học. Tuy nhiên, trên thực tế, người học lại thường rất dễ mắc lỗi. Luận văn này tập trung tìm hiểu về câu phủ định trong tiếng trung hiện đại, qua đó đối chiếu với tiếng việt để thấy rõ những điểm giống và khác ở 2 ngôn ngữ này.
16	Đại học	Tìm hiểu phương pháp học môn đọc viết tiếng Trung hiệu quả.	Nguyễn Đặng Yến Mi	ThS. Trần Khánh Linh	Trong thời kì phát triển ngày nay,việc học thêm một ngôn ngữ mới góp phần giúp cho rất nhiều sinh viên có thể tìm được việc làm ổn định trong tương lai. Đề tài" Tìm hiểu phương pháp học môn đọc viết tiếng Trung hiệu quả" sẽ đưa ra những nguyên nhân,khảo sát của sinh viên để có thể cải thiện tốt việc học môn Đọc Viết. Sau đó đưa ra kết luận dựa trên quá trình đã phân tích.
17	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của phim Trung Quốc đối với việc học tiếng Trung của sinh viên chuyên ngành tiếng Trung trường đại học Thủ Dầu Một	Đặng Thị Thu Tuyền	ThS. Trần Khánh Linh	Trong thời kỳ xã hội hóa, con người được tiếp xúc nhiều hơn với công nghệ tiên tiến. Những bạn muốn học tiếng Trung cũng có nhiều phương tiện để tiếp cận. Nhưng đôi khi quá nhiều lại không tốt với người mới bắt đầu, có thể gây nên bị bội thực thông tin. Mỗi người đều có cách học, cách tiếp thu hay thậm chí là cả cách sử dụng riêng, không ai giống ai. Có thể học tiếng trung bằng rất nhiều cách như tự tìm tòi học qua internet, qua bạn bè, qua phim ảnh, Để hiểu hơn về cách học tiếng trung qua phim ảnh, tiến hành tìm hiểu cách học qua phim, mặt tốt và mặt không tốt, nguyên nhân và cách khắc phục thông qua cách học của các bạn sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một.
18	Đại học	Tình trạng lạm dụng từ Hán Việt khi phiên dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt hiện nay	Nguyễn Ngọc Trà My	ThS. Trần Khánh Linh	Phiên dịch là một trong những kỹ năng cơ bản của quá trình học tiếng trung. Và trong quá trình phiên dịch thì chúng ta sẽ thường bắt gặp từ Hán Việt. Vậy từ Hán Việt là gì? Từ Hán Việt là một bộ phận không nhỏ của tiếng Việt, có

					vai trò quan trọng không thể tách rời và xóa bỏ. Đối với chúng ta là những người học ngôn ngữ Trung Quốc thì từ Hán Việt có ảnh hưởng quan trọng giúp cho việc phiên dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt dễ dàng hơn, bên cạnh sự thuận lợi đó thì có nhiều trường hợp ngày nay khi phiên dịch đã lạm dụng quá nhiều từ Hán Việt gây khó hiểu cho người nghe hoặc đọc, thậm chí có thể dẫn đến dịch sai nghĩa của câu. Thông qua quá trình sưu tầm, tổng hợp và phân tích hiện tượng lạm dụng từ Hán Việt từ đó đề xuất một vài biện pháp khắc phục.
19	Đại học	Ứng dụng những bài hát tiếng Trung Quốc vào việc học phát âm của sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc.	Mai Thị Như Huỳnh	ThS. Trần Khánh Linh	Tóm tắt sơ lược nền âm nhạc Trung Quốc qua từng thời kì. Chỉ ra những điểm hay trong việc sử dụng âm nhạc để phục vụ cho việc học tập tiếng Trung của sinh viên . Từ đó nói lên được tác dụng của âm nhạc trong việc học tập, về hình thức học tập, về tác dụng của lời bài hát cũng như giai điệu của nó. Sau đó đưa ra kết luận về việc ứng dụng âm nhạc vào trong học tập.
20	Đại học	So sánh đối chiếu lượng từ "ge" trong tiếng Trung và "cái" trong tiếng Việt	Nguyễn Yến Hòa	ThS. Trần Khánh Linh	Lượng từ “个” là lượng từ được sử dụng rộng rãi và phổ biến trong tiếng trung . Đồng thời lượng từ "cái " trong tiếng việt cũng mang nghĩa tương tự . hai bộ lượng từ này có nhiều điểm giống và khác nhau nhưng trước đây khá ít người nghiên cứu về vấn đề này vì vậy thông qua bài báo cáo nghiên cứu này có thể khiến người đọc hiểu rõ và sử dụng hai bộ định lượng này một cách dễ dàng và tránh nhầm lẫn hơn . bài viết chủ yếu làm rõ khái niệm và cách dùng của từng 2 bộ lượng từ sau đó so sánh , đưa ra những điểm chung và riêng của chúng khiến người đọc dễ dàng hình dung và sử dụng chúng 1 cách thuận tiện hơn .

21	Đại học	Tìm hiểu các phương pháp học tiếng Trung hiệu quả cho SV chuyên ngành tiếng Trung trường ĐH TDM.	Nguyễn Huỳnh Thúy Loan	ThS. Trần Khánh Linh	Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành về các phương pháp học đem lại hiệu quả cho sinh viên chuyên ngành tiếng trung trường Đại Học Thủ Dầu Một. Đối với ngành ngôn ngữ Trung Quốc sinh viên cần học bao gồm chữ Hán, Ngữ pháp,..Ngoài ra còn các kĩ năng cơ bản khác như nghe, nói, đọc, viết. Tuy nhiên trình độ ngoại ngữ sau khi tốt nghiệp của sinh viên được đánh giá thấp bởi tỷ lệ chữ viết sai, ngữ pháp sai, phát âm và giao tiếp còn kém. Nguyên nhân dẫn đến việc học tập và phát triển ngoại ngữ không hiệu quả phần lớn là do phương pháp học không phù hợp, mà phương pháp học không đúng sẽ gây mất thời gian cho sinh viên và hiệu quả cũng không cao. Bài báo cáo này sẽ đưa ra những ảnh hưởng và khó khăn của sinh viên khi học tiếng trung và đưa ra một số phương pháp học hiệu quả để sinh viên có thể nâng cao trình độ ngoại ngữ và việc học tiếng trung trở nên dễ dàng hơn.
22	Đại học	Phân tích lỗi sai của sinh viên năm hai ngành Ngôn ngữ TQ trường đại học Thủ Dầu Một khi dùng câu khiếm ngữ trong tiếng Trung.	Trương Tấn Lộc	ThS. Trần Khánh Linh	Đề tài thông qua phiếu khảo sát để phân tích những lỗi sai khi sử dụng câu khiếm ngữ của sinh viên năm hai ngành ngôn ngữ Trung Quốc trường đại học Thủ Dầu Một. Từ đó đưa ra khái niệm về câu khiếm ngữ, từ những lỗi sai sinh viên mắc phải đưa ra được những nguyên nhân và giải pháp, giúp cho quá trình học tiếng Trung có sinh viên ngày càng thuận lợi.
23	Đại học	Tìm hiểu ưu và nhược điểm của sách từ điển và từ điển online đối với việc học tiếng Trung của sinh viên chuyên ngữ trường Đại học Thủ Dầu Một.	Nguyễn Thị Mỹ Thu	ThS. Trần Khánh Linh	Giới thiệu về khái niệm, nội dung và quá trình hình thành từ điển sách, từ điển mạng cũng như mức độ việc sử dụng từ điển của sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Trung. Từ đó, đưa ra được những điểm mạnh và điểm yếu của cả hai từ điển giúp mọi người có thể hiểu rõ hơn trong quá trình sử dụng từ điển học tập. Mọi người có thể đưa ra được những giải pháp học từ điển sách và từ điển

					online một cách hiệu quả cho bản thân mình.
24	Đại học	Nghiên cứu kỹ năng và phương pháp dịch thuật Hán- Việt của sinh viên ngành ngôn ngữ Trung trường Đại học Thủ Dầu Một	Quảng Thị Thiên	ThS. Trần Khánh Linh	Dịch Hán-Việt là quá trình chuyển đổi ngôn ngữ từ văn bản nguồn (tiếng Trung) sang ngôn ngữ đích (tiếng Việt), là một hoạt động giao tiếp liên ngôn ngữ và văn hóa được xác lập trên cơ sở so sánh đối chiếu về các bình diện của ngôn ngữ, văn hóa giữa hai dân tộc hay hai quốc gia. Trong bài viết này, sẽ đề cập một số phương pháp và kỹ năng dịch thuật Hán - Việt nhằm tìm hiểu về tính hoạt dụng, sắc thái biểu thị khác nhau và tính phức tạp trong quá trình dịch Hán-Việt cũng như hiện tượng ngữ pháp giống và khác nhau của hai ngôn ngữ để phân tích nhằm tìm ra được kỹ thuật dịch tốt hơn.
25	Đại học	Nghiên cứu phương pháp học từ vựng của sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc Trường Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Thị Hằng	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Từ vựng đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc học ngôn ngữ, việc học từ vựng cần được khám phá sâu qua từng góc độ học tập của sinh viên. Học từ vựng không dễ, cách chúng ta học từ vựng mới là điều quan trọng nhất. Phương pháp học có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc học ngoại ngữ vì nó là công cụ hữu hiệu để phát triển trình độ học ngoại ngữ của người học. Hiện nay đã có rất nhiều phương pháp học tập hiệu quả để người học áp dụng. Các nhà nghiên cứu vẫn đang cố gắng tìm ra những phương pháp mới để học từ vựng. Đặc biệt là đối với sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Trung riêng và những người học từ vựng nói chung có nhiều cơ hội để thử các phương pháp học từ vựng khác nhau. Mỗi phương pháp đều có ưu điểm riêng. Lựa chọn một phương pháp phù hợp và mang lại hiệu quả cao nhất là yếu tố vô cùng cần thiết đối với người học tiếng Trung. Xuất phát từ những lý do trên bài báo cáo được đi sâu nghiên cứu nhằm tìm hiểu các phương pháp học từ vựng chủ yếu

					của sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc. Để tăng cường và cải thiện các phương pháp học tập của sinh viên trong tương lai.
26	Đại học	Phân tích những lỗi sai cơ bản khi sử dụng từ "zhe" trong tiếng Hán hiện đại của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một	Thân Thị Thúy Thanh	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Trong xã hội hiện đại, ngoại ngữ đã trở thành một trong những công cụ giao tiếp vô cùng quan trọng trong nhiều lĩnh vực. Hiện nay ở Việt Nam tiếng Trung đã trở nên rất phổ biến và dần hình thành một trào lưu học tiếng Trung. Ngoài ra, ngữ pháp là một trong những yếu tố quan trọng tạo nên một ngôn ngữ. Đặc biệt là trong quá trình học tiếng Trung, tần suất xuất hiện của trợ từ động thái “Zhe” rất cao, cách sử dụng tương đối phức tạp, học sinh trong quá trình học tiếng Trung thường sử dụng sai. “Zhe” là một trợ từ quan trọng thường được sử dụng trong tiếng Trung Quốc hiện đại, nhiều học giả đã thực hiện rất nhiều nghiên cứu về ý nghĩa ngữ pháp, sự phân bố và chức năng của “Zhe”. Nhưng vẫn còn nhiều cuộc tranh luận xung quanh “Zhe” và cách sử dụng độc đáo của “Zhe” vẫn chưa được thảo luận đầy đủ, rõ ràng. Sử dụng một số khái niệm và lý thuyết cơ bản của ngôn ngữ học và ngữ pháp, bài báo cáo này thảo luận về các đặc điểm ngữ nghĩa của từ “Zhe” từ nhiều khía cạnh, cũng như biểu thị cú pháp và các chức năng ngữ dụng được xác định bởi các đặc điểm ngữ nghĩa. Trước đây khi phân tích về các hạn chế ngữ pháp, điều kiện câu, cách sử dụng phủ định, sự mơ hồ về động từ và tính, chức năng thực dụng của “Zhe” cũng như mối quan hệ chặt chẽ của trợ từ “Zhe”, các học giả đã cố gắng để tìm hiểu, thực hiện nghiên cứu toàn diện và chuyên sâu về các vấn đề khác nhau xung quanh “Zhe”. Hy vọng rằng trên cơ sở các bài nghiên cứu trước đây, tôi có thể đúc kết và hoàn thiện bài báo cáo này nhằm giúp

					người đọc nắm vững cách sử dụng trợ từ “Zhe” trong tiếng Trung Quốc hiện đại một cách có hệ thống, toàn diện và sâu sắc hơn. Bên cạnh đó, giúp người đọc tránh được những lỗi sai thường gặp khi sử dụng trợ từ “Zhe”.
27	Đại học	Nghiên cứu đối chiếu giới từ “gen” trong tiếng Hán hiện đại và giới từ “vớ” trong tiếng Việt	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Giới từ là một phần quan trọng của chức năng từ, trong đó giới từ “Gen” là một trong những giới từ được sử dụng thường xuyên nhất trong tiếng Trung. Giới từ “Vớ” cũng là một từ được dùng phổ biến trong tiếng Việt, cả hai đều mang đặc điểm mạnh mẽ và cách sử dụng phong phú. Giới từ tiếng Hán “Gen” và giới từ tiếng Việt “Vớ” có những điểm giống và khác nhau cả về cấu trúc cú pháp và ngữ nghĩa. Chính vì những điểm khác biệt này mà học sinh Việt Nam thường mắc những lỗi sai trong quá trình học và sử dụng giới từ “Gen”. Do đó, trên cơ sở các nghiên cứu trước đây, bài báo cáo này sẽ thảo luận về sự khác biệt giữa giới từ tiếng Trung “Gen” và giới từ tiếng Việt “Vớ” về cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa. Từ đó, người viết đưa ra một số giải pháp nhằm giúp các sinh viên học tốt hơn. Người viết cũng hy vọng sẽ cung cấp một tài liệu tham khảo cho sinh viên Việt Nam, giúp ích cho việc học tập và nghiên cứu Hán - Việt.
28	Đại học	Nghiên cứu kỹ năng giao tiếp của sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc Trường Đại học Thủ Dầu Một	Trần Văn Anh	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Kỹ năng giao tiếp là kỹ năng không thể thiếu trong quá trình học tiếng Trung. Nhờ kỹ năng giao tiếp mà chúng ta có thể truyền đạt được ý muốn, suy nghĩ của bản thân cho người khác. Một người có kỹ năng giao tiếp tốt sẽ có nhiều cơ hội để phát triển bản thân hơn. Do đó, bài báo cáo này đã nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp của sinh viên chuyên ngành tiếng Trung trường Đại học Thủ Dầu Một. Mục đích là để nắm rõ tình hình thực tế, phân tích những ưu nhược

					điểm của sinh viên khi sử dụng tiếng Trung trong giao tiếp. Từ đó đưa ra những giải pháp khắc phục và những phương án cải thiện giúp nâng cao kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung của sinh viên.
29	Đại học	Nghiên cứu đối chiếu tính từ trùng điệp trong tiếng Trung và tiếng Việt	Lê Thảo Nhi	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Trong tiếng Trung, hiện tượng "trùng lặp" là một phạm trù trùng điệp ngữ pháp phổ biến bao gồm các dạng trùng lặp của tính từ, động từ, danh từ, trạng từ... Trong đó, tính từ trùng điệp là tính từ có số lượng lớn nhất, hình thức phức tạp nhất và chức năng ngữ dụng phong phú nhất. Bài báo cáo này đã đưa ra một bức tranh tổng thể về các hình thức tính từ trùng điệp trong cả tiếng Hán và tiếng Việt trong đó có nghiên cứu khá chi tiết về hình thức, phạm vi, phân loại và tầm quan trọng của tính từ trùng điệp. Bên cạnh đó là phân tích so sánh các tính trùng điệp trong tiếng Hán và tiếng Việt (AA, AABB, ABAB, ABB và A li AB) dưới góc độ hình thức trùng điệp, ý nghĩa ngữ pháp, chức năng ngữ pháp. Từ đó, đáp ứng được phần nào nhu cầu thực tiễn học tập của một bộ phận sinh viên khi học tiếng Hán.
30	Đại học	Nghiên cứu đối chiếu phó từ “dou” trong tiếng Hán hiện đại và phó từ “đều” trong tiếng Việt	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	“dou” trong tiếng Trung hiện đại là một phó từ có ngữ nghĩa và ngữ dụng phong phú, được sử dụng thường xuyên. Trong quá trình học tiếng Trung, tôi nhận thấy trạng từ "dou" có ngữ nghĩa và cách sử dụng phức tạp hơn so với từ "Đều" trong tiếng Việt. do đó chữ "dou" trong tiếng Hán có nhiều nghĩa khác với chữ "Đều" trong tiếng Việt. Bài báo cáo này, đi phân tích các đặc điểm cú pháp và ngữ nghĩa của "dou" trong tiếng Trung hiện đại. Cho biết nghĩa của từ "dou" được dùng trong câu. Đồng thời tập trung nghiên cứu và làm rõ ngữ nghĩa, ngữ pháp của từ “Đều” trong tiếng Việt. nghiên cứu, làm rõ ngữ nghĩa,

					ngữ pháp của từ “Đều” trong tiếng Việt. Chỉ ra công dụng và chức năng chính của từ "Đều". đi phân tích các khía cạnh cú pháp và ngữ nghĩa của "dou" trong tiếng Hán hiện đại và "đều" trong tiếng Việt, đồng thời tìm ra những điểm giống và khác nhau về cú pháp và ngữ nghĩa giữa hai từ này. Cấu trúc cú pháp và sự khác biệt về ngữ nghĩa tương ứng, chỉ ra sự khác biệt giữa hai từ này rõ ràng nhất về mặt ý nghĩa. Bám sát ngữ nghĩa và ngữ pháp mà người nói sử dụng để linh hoạt hơn trong quá trình nghe hiểu và dịch.
31	Đại học	Nghiên cứu đối chiếu từ "zhen" trong tiếng Hán hiện đại với từ "thật" trong tiếng Việt	Lê Thị Thảo	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Tiếng trung hiện đại "zhen" và "thật" trong tiếng Việt được sử dụng rất thường xuyên trong đời sống hàng ngày. Phó từ chỉ trạng thái chiếm một vị trí quan trọng trong hệ thống từ vựng tiếng Trung và tiếng Việt, do tính đặc thù của chúng nên chúng luôn là một trong những điểm khó nhất trong việc học và giảng dạy tiếng Trung cũng như tiếng Việt với tư cách là một ngoại ngữ. Tần suất xuất hiện của các phó từ trong tiếng Trung và tiếng Việt rất cao, và hai phó từ "zhen" và "thật" có giá trị giao tiếp rất lớn trong cuộc sống cũng như trong sách vở. Đối với những người học tiếng Trung không phải là người bản địa, "zhen" là một trong những phó từ chỉ trạng thái mà họ cần phải nắm vững, tuy nhiên trong quá trình tiếp thu và sử dụng vẫn không thể tránh khỏi việc xảy ra sai sót. Bài báo cáo này sẽ thực hiện nghiên cứu so sánh từ góc độ cách sử dụng và ngữ nghĩa, thông qua phương pháp phân tích so sánh, phương pháp này được sử dụng để nghiên cứu các từ "zhen" và "thật", tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa hai từ này để người học tiếng Việt hay tiếng trung đều có thể nắm đầy đủ cách sử dụng cũng như ngữ nghĩa của "zhen" và "thật"

					từ đó có thể tìm ra nguyên nhân dẫn đến việc sử dụng sai từ và giảm khả năng xảy ra lỗi khi sử dụng hai từ này. Ngoài lời nói đầu và kết luận, bài báo này cũng chia nội dung nghiên cứu thành bốn chương. Chương đầu tiên trình bày lý do và mục đích nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, thực trạng nghiên cứu, phương pháp và quy trình nghiên cứu. Chương hai nói về đặc điểm ngữ pháp và ngữ nghĩa của từ "zhen" trong tiếng Hán hiện đại, chương thứ ba nói về đặc điểm ngữ pháp và ngữ nghĩa của từ "thật" trong tiếng Việt và chương bốn là phân tích nghiên cứu so sánh giữa "zhen" trong tiếng Trung hiện đại và "thật" trong tiếng Việt. Qua Chương hai và chương ba, chúng ta có thể, thể hiện rõ đặc điểm của từng ngôn ngữ. Và thông qua đó chúng ta cũng sẽ thấy rõ cách sử dụng cũng như vị trí được đảm nhận trong mỗi câu văn. Cuối cùng, thông qua chương bốn có thể giúp người đọc hiểu rõ hơn những điểm giống và khác nhau giữa từ "zhen" trong tiếng Hán hiện đại và từ "thật" trong tiếng Việt. Bởi vì có sự khác biệt trong cấu trúc cú pháp, nên cũng có sự khác biệt tương ứng trong ngữ nghĩa, cho nên thông qua bài báo cáo này có thể giúp cho người Việt học tiếng Trung cũng như người Trung học tiếng Việt nắm rõ hơn.
32	Đại học	Tìm hiểu về quan niệm trong nam khinh nữ trong xã hội Trung Quốc thông qua một số chữ Hán có bộ "nu"	Hoàng Thị Thùy Dung	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Chữ Hán được sáng tạo đặc biệt trên cơ sở về các ký tự tượng hình và các ký tự có nghĩa từ thời cổ đại. Mỗi chữ Hán có một nghĩa biểu đạt một ý nghĩa khác nhau. Vì vậy, khi học chữ Hán, chúng ta sẽ phần nào hiểu được văn hóa, quan điểm, quan niệm của người Trung Quốc trong xã hội cũ. Tôi bắt đầu hiểu nghĩa chữ Hán qua chữ Hán bên cạnh chữ “nữ”, và hiểu quan niệm “trọng nam khinh nữ” trong xã hội Trung Quốc xưa. Từ chữ Hán bên cạnh có bộ “nữ”, có

					thể giúp chúng ta hiểu được cách nhìn của người Trung Quốc đối với phụ nữ trong xã hội cổ đại, đồng thời khơi dậy hứng thú học chữ Hán và hiểu ý nghĩa cấu tạo của từ.
33	Đại học	Phân tích những khó khăn trong quá trình học từ vựng của sinh viên năm nhất chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc Đại học Thủ Dầu Một	Bùi Thị Nhị	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Sự phổ biến của tiếng trung trên toàn thế giới, tiếng Trung hiện được coi là môn học ngoại ngữ được nhiều học sinh lựa chọn nhất tại các trường đại học. Chúng ta đều biết rằng khi học một ngôn ngữ, người ta phải nắm vững vốn từ vựng của ngôn ngữ đó. Đối với các bạn học sinh Việt Nam muốn học tốt tiếng Trung thì nắm vững từ vựng tiếng Trung rõ ràng là con đường duy nhất. Tích lũy kiến thức trong quá trình học từ vựng chính là mấu chốt của việc học tiếng Trung. Tuy nhiên, học sinh vẫn chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc học từ vựng và cách học tốt nhất. Nghiên cứu này tập trung vào khó khăn trong việc học từ vựng của sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành tiếng Trung tại trường Đại học Thủ Dầu Một. Từ đó đưa ra một số phương pháp học từ vựng tiếng Trung phù hợp với học sinh năm nhất nhằm giúp các em học từ vựng tiếng Trung một cách hiệu quả nhất. Tôi hy vọng nghiên cứu này sẽ có giá trị tham khảo cho những người sắp học tiếng Trung và những người đã học tiếng Trung.
34	Đại học	So sánh nghĩa của động từ "fang" trong tiếng Hán hiện đại và từ "đặt" trong tiếng Việt	Nguyễn Đào Tuyết Nhi	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Nghiên cứu động từ, đặc biệt là động từ đa nghĩa luôn là một trong những lĩnh vực nghiên cứu quan trọng của ngôn ngữ học. Trong tiếng Hán hiện đại, động từ "fang" là một động từ thường được sử dụng trong tiếng Hán hiện đại. Ngoài ra, "fang" là một động từ vị trí điển hình có nhiều nghĩa và khả năng hình thành từ mạnh mẽ. "Từ điển tiếng Hán hiện đại" liệt kê ra động từ "fang" có

					18 ý nghĩa, và một trong số đó là "đặt vào một vị trí nhất định" tương đương với động từ "đặt" trong tiếng Việt. Mục đích của bài nghiên cứu là làm rõ về sự giống và khác nhau về mặt ngữ nghĩa của động từ "fang" trong tiếng Hán hiện đại và động từ "đặt" trong tiếng Việt, nhằm cung cấp một phần tài liệu tham khảo có thể giúp cho người học tiếng trung phân biệt và hiểu rõ được hai từ này.
35	Đại học	Phân tích một số lỗi phát âm thường gặp của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc Đại học Thủ Dầu Một và giải pháp khắc phục	Lê Văn Nguyên	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Hiện nay có rất nhiều quốc gia đẩy mạnh việc học ngôn ngữ Trung Quốc và Việt Nam cũng không ngoại lệ. Tại Việt Nam, "Cơn sốt tiếng Trung" đang trên đà phát triển, hằng năm có nhiều người học tập và sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc. Thế nhưng chất lượng người học ngôn ngữ Trung Quốc nói chung và sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc tại trường đại học Thủ Dầu Một nói riêng vẫn còn nhiều thiếu sót, đặc biệt là phương diện phát âm. Bài báo cáo này chỉ rõ việc học phát âm là một giai đoạn quan trọng, rào cản phát âm sao cho chuẩn là một trong những trở ngại mấu chốt nhất trong việc có học tốt ngôn ngữ Trung Quốc hay không. Bên cạnh phân tích rõ ràng những điểm giống và khác nhau của hai ngôn ngữ Trung - Việt, thì việc tìm ra nguyên nhân, đề xuất một số phương pháp có thể cải thiện phát âm cũng là mục tiêu chính của bài báo cáo, nhằm giúp sinh viên khắc phục được nhược điểm và cải thiện hơn phát âm của mình.
36	Đại học	So sánh “yiqie” và “suoyou”	Trần Thị Tuyết Nhung	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Trong tiếng hán hiện đại “yiqie” và “suo you” là từ thường dùng với tần suất cao. Trong quá trình học tập và giao tiếp nếu không chú ý hoặc không hiểu rõ thì rất dễ nhầm lẫn giữa hai từ không biết khi nào nên sử dụng từ này khi nào

					nên sử dụng từ kia. Bài báo cáo này chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích và so sánh để tìm ra điểm khác nhau giữa cặp từ đồng nghĩa này. Bài báo cáo này gồm 4 phần: Phần 1 trình bày ý nghĩa nghiên cứu, bối cảnh nghiên cứu, hiện trạng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu. Phần 2 tiến hành phân tích đặc điểm ngữ nghĩa và ngữ pháp của “yiqie” . Phần 3 tiến hành phân tích đặc điểm ngữ nghĩa và ngữ pháp của “suo you” Phần 4 so sánh sự giống nhau và khác nhau về mặt ngữ nghĩa và ngữ pháp của “yiqie” và “suo you”. Hy vọng bài báo cáo này có thể giúp cho người học tiếng trung phân biệt và hiểu rõ được hai từ này từ đó nâng cao kiến thức bản thân, không bị nhầm lẫn khi sử dụng cặp từ đồng nghĩa này.
37	Đại học	Nghiên cứu đối chiếu đại từ nghi vấn "shenme" trong tiếng Hán hiện đại và "gì" trong tiếng Việt	Lâm Bảo Minh	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Trong quá trình học tiếng Trung các bạn sẽ gặp rất nhiều khó khăn về cách sử dụng đại từ nghi vấn trong tiếng Trung và tiếng Việt sẽ có sự khác nhau, chẳng hạn như đại từ nghi vấn "shenme" trong tiếng Hán hiện đại và "gì" trong tiếng Việt. Vì thế bài báo cáo này sẽ nghiên cứu đại từ nghi vấn "shenme" trong tiếng Hán hiện đại và "gì" trong tiếng Việt. Do là đại từ nghi vấn “shenme” trong tiếng Hán và từ nghi vấn “gì” trong tiếng Việt có nét tương đồng về nghĩa và cách sử dụng. Nên vài nghiên cứu này sẽ cung cấp một số tài liệu tham khảo giúp cho người học có thể sử dụng hai từ này vào đúng ngữ cảnh và dễ dàng hơn trong giao tiếp.
38	Đại học	Nghiên cứu về câu chữ "bei" trong tiếng Hán	Võ Thị Thùy Dương	ThS. Nguyễn Thị Thùy	Nghiên cứu câu chữ “Bei” trong tiếng Hán hiện đại. Câu bị động là một trong

		hiện đại		Dung	những mẫu câu cơ bản trong tiếng Hán hiện đại, được coi là mẫu câu bị động tiêu biểu nhất, được sử dụng rộng rãi trong văn nói và văn viết. Việc nghiên cứu các câu bị động là một khía cạnh quan trọng của việc nghiên cứu ngữ pháp tiếng Trung hiện đại. Bài báo cáo này gồm bốn phần chính: phần mở đầu trình bày ý nghĩa chính của việc chọn đề tài, phương pháp nghiên cứu, hiện trạng và phạm vi nghiên cứu. Thứ hai, tổng quan nghiên cứu giới thiệu định nghĩa về câu chữ “Bei”, những nguyên nhân ra đời của câu chữ “Bei”. Thứ ba phân tích về câu chữ “Bei”, giới thiệu cụ thể các đặc trưng, cách dùng của câu chữ “Bei”. Cuối cùng, so sánh “bị” và “được” trong tiếng Việt mang nghĩa bị động trong câu và “Bei” trong tiếng Trung, chương này phân tích và tổng kết “bị” và “được” trong tiếng Việt và “Bei” trong tiếng Trung, đồng thời chỉ ra những điểm giống và khác nhau. Hy vọng bài báo cáo này có thể giúp cho người học tiếng trung hiểu rõ về câu chữ “Bei” để diễn đạt nó một cách chính xác.
39	Đại học	Nghiên cứu đối chiếu cấu trúc ngữ pháp "Ruguo...jiu" trong tiếng Trung và cấu trúc ngữ pháp "Nếu...thì..." trong tiếng Việt	Lê Thị Thanh Xuân	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Nghiên cứu so sánh đối chiếu cấu trúc ngữ pháp "Ruguo...jiu..." trong tiếng Trung và cấu trúc ngữ pháp "Nếu...thì..." trong tiếng Việt. Dùng các lý thuyết nguyên mẫu của ngôn ngữ học, lý thuyết, ngữ pháp cấu trúc cũng như các lý thuyết khác để cố gắng xem xét đầy đủ và toàn diện câu điều kiện "Ruguo...jiu..." của tiếng Trung từ các góc độ ngữ nghĩa, cú pháp và ngữ dụng. So sánh câu điều kiện " Ruguo...jiu..." tiếng Trung và các hình thức diễn đạt tương ứng trong tiếng Việt . Nhằm tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa hai loại điều kiện trong tiếng Trung và tiếng Việt, nhằm cung cấp tài liệu tham khảo cho người Việt Nam học tiếng Trung.

40	Đại học	Nghiên cứu các phó từ chỉ thời gian dễ bị nhầm lẫn khi sử dụng của sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc Trường Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Ngọc Trâm	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Ngày nay tiếng Trung Quốc đang là một trong những ngôn ngữ phổ biến nhất trên Thế Giới và có ảnh hưởng rất lớn đối với sinh viên ở Việt Nam. Chúng ta cũng biết rằng một người học ngoại ngữ đã không dễ dàng, hiện nay để học tốt ngoại ngữ lại càng khó hơn. Chính vì vậy nên những đề tài về ngôn ngữ Trung dần chiếm số lượng lớn và được sự chú ý từ sinh viên và nhà trường. Nói về từ vựng, ngữ pháp, thành ngữ, tục ngữ tiếng Trung Quốc, chúng ta không khỏi nghĩ đến những kiểu câu có cấu tạo vô cùng phức tạp. Đặc biệt, qua điều tra cho thấy sinh viên chuyên ngành tiếng Trung của trường Đại học Thủ Dầu Một gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình phân biệt và sử dụng các trạng từ chỉ thời gian. Để giúp giảm bớt gánh nặng học tập cho học viên, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo và đầu ra, chúng ta cần tìm ra những phương pháp phù hợp và áp dụng vào quá trình giảng dạy để nâng cao kỹ năng phân biệt các trạng từ chỉ thời gian trong tiếng Trung của học viên. Bài báo cáo “Nghiên cứu các phó từ chỉ thời gian dễ bị nhầm lẫn khi sử dụng của sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một” sẽ nghiên cứu thực trạng chung của sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một về cách sử dụng trạng từ chỉ thời gian. Sau đó sẽ chỉ ra những khó khăn, sai lầm và nhầm lẫn trong quá trình học tập và vận dụng trong đời sống hằng ngày. Đồng thời sau đó sẽ phân tích những nguyên nhân dẫn đến sự nhầm lẫn này. Cuối cùng, đề xuất các phương pháp giảng dạy hiệu quả nhất và có thể áp dụng cho sinh viên, nhằm thu được kết quả cao nhất.
41	Đại học	Nghiên cứu đối chiếu các liên từ "he, yu, ji"	Lê Thị Cẩm Nang	ThS. Nguyễn Thị Thùy	Liên từ Hán Việt tuy hạn chế về số lượng nhưng thường được dùng trong hoạt

		trong tiếng Hán hiện đại và liên từ "và" trong tiếng Việt		Dung	động giao tiếp ngôn ngữ, dùng trong câu phức để biểu thị các quan hệ ngữ nghĩa đa dạng. Trong đó liên từ “He, Yu, Ji” là một trong những giới từ được sử dụng thường xuyên nhất trong tiếng Trung, đồng thời liên từ "Và" cũng là một từ được dùng phổ biến trong tiếng Việt. Nhìn bề ngoài, liên từ của hai ngôn ngữ rất gần gũi và giống nhau về bản chất, nhưng có những điểm giống và khác nhau cả về cấu trúc cú pháp và ngữ nghĩa. Báo cáo này dựa trên các kết quả nghiên cứu trước đây về liên từ Hán Việt, đặc biệt là liên từ tiếng Trung "He, Yu, Ji" với liên từ tiếng Việt "Và", thảo luận so sánh giữa liên từ tiếng Trung "He, Yu, Ji" với liên từ tiếng Việt "Và" về ngữ pháp và ngữ nghĩa. Qua đó, đưa ra một số giải pháp nhằm giúp các sinh viên học tốt hơn. Cung cấp tài liệu tham khảo cho sinh viên Việt Nam học tập và nghiên cứu Hán - Việt.
42	Đại học	Nghiên cứu đối chiếu kính ngữ trong thư tín tiếng Trung và tiếng Việt	Đoàn Thị Thu Hà	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Kính ngữ là một yếu tố quan trọng ngôn ngữ nói và viết. Xuất phát từ những nét tương đồng và khác biệt giữa văn hóa sử dụng kính ngữ Trung Quốc và Việt Nam, bài viết này phân tích việc sử dụng và nghiên cứu kính ngữ trong văn hóa Trung Quốc và Việt Nam, cả hai đều có nhiều điểm tương đồng, chẳng hạn như các khái niệm về ứng dụng, lễ nghi, v.v. Trong giao tiếp, kính ngữ được tác động bởi hai yếu tố văn hóa và lịch sử. Vì vậy, sự khác biệt trong văn hóa lịch sử của hai nước là yếu tố tác động sâu sắc đối với việc ứng dụng kính ngữ trong giao tiếp và sử dụng trong thư từ của sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam, vì vậy trong quá trình học tiếng Trung sinh viên sẽ gặp phải những khó khăn nhất định. Vì vậy, bài viết này nhằm phân tích

					các lỗi phổ biến trong việc sử dụng kính ngữ , đưa ra gợi ý học tập, thảo luận về các vấn đề đưa ra những khó khăn và giải pháp nhằm phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu, đồng thời đề xuất các phương pháp học tập tương phản và đối thoại cố định, hy vọng sẽ giúp sinh viên Việt Nam sử dụng tốt hơn kính ngữ Trung Quốc, nhằm tránh những trở ngại trong giao tiếp và viết thư với người sử dụng tiếng Trung Quốc.
43	Đại học	Nghiên cứu đối chiếu “xin” trong tiếng Hán hiện đại và “tâm” trong tiếng Việt	Nguyễn Tú Phương	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Ngôn ngữ là một tinh hoa, văn hóa đặc trưng của mỗi nền văn hóa khác nhau trên thế giới. Như vậy, khi có thể hiểu, biết sử dụng thêm được một hoặc nhiều ngôn ngữ khác là khi đó bạn gần như có thể đã khám phá thêm một nền văn hóa mới. Như đại sứ Rumania ở Việt Nam đã từng viện dẫn ở câu nói của người Hy Lạp cổ và tiếng La tinh như sau: “ Biết thêm một ngoại ngữ là biết thêm một cuộc đời”. Trong tiếng Hán và tiếng Việt hiện đại, chúng ta có thể thấy vô số từ nhiều nghĩa và chúng ta sử dụng chúng thường xuyên. Nhận ra rằng cả từ “xin” trong tiếng Hán hiện đại và từ "tâm" trong tiếng Việt đều được sử dụng thường xuyên. Trong báo cáo này, giới thiệu một cách toàn diện ngữ nghĩa, ngữ pháp, thành ngữ, ý nghĩa văn hóa của chữ “Tâm” nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn về chữ “xin” trong tiếng Hán và chữ “Tâm” trong tiếng Việt. Từ xưa đến nay, trong bất kì xã hội nào, chữ tâm cũng luôn được coi trọng bởi nó đánh giá phẩm chất của con người, đánh giá giá trị cốt lõi của dân tộc chữ tâm đối với mỗi cá nhân và với toàn xã hội. Thông qua chữ “tâm”, tôi mong rằng có thể truyền tải đến mọi người khái niệm tích cực của chữ “tâm” và để mọi người hiểu rõ hơn về nguồn gốc, ý nghĩa của chữ “tâm”.

44	Đại học	Nghiên cứu so sánh thành ngữ có yếu tố chỉ động vật trong tiếng Trung và tiếng Việt	Lâm Thị Diễm Tuyết	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Trung Quốc và Việt Nam là hai nước nằm cạnh nhau và có mối quan hệ gần bó lâu đời. Hơn 2000 năm giao lưu văn hoá Trung Việt, Việt Nam đã chịu rất nhiều ảnh hưởng từ văn hoá Trung Quốc. Trong đó có sự ảnh hưởng về chữ viết và nó có vai trò rất quan trọng góp phần vào sự phát triển của Việt Nam. Hiện nay, từ vựng tiếng Việt có một số lượng lớn từ mượn tiếng Hán và thành ngữ. Báo cáo này nhằm tìm hiểu sự giống và khác nhau của thành ngữ có yếu tố động vật trong tiếng Trung và tiếng Việt, từ đó giúp cho quá trình dịch thành ngữ Trung – Việt được chính xác hơn, góp phần vào quá trình dịch thành ngữ Trung – Việt để giảng dạy có hiệu quả hơn.
45	Đại học	Nghiên cứu về ngôn ngữ từ chối trong tiếng Hán hiện đại (đối chiếu với tiếng Việt)	La Thị Thiên Lộc	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Ngày nay, rất nhiều người chọn ngôn ngữ Trung Quốc làm ngôn ngữ thứ 2 để học tập. Trong giao tiếp hàng ngày, chúng ta sẽ đồng ý hoặc từ chối ai đó. Và từ chối là hành động thường xuyên gặp phải, đồng thời cũng là một trong những hành động dễ dẫn đến thất bại trong giao tiếp hoặc làm mất lòng người đối diện. Nói “không” không chỉ đơn giản là nói “không”, đó là cả một nghệ thuật, giao lưu văn hóa luôn khác biệt, hai người có tư duy và văn hóa khác nhau sẽ sử dụng nó. Vì vậy, so sánh hành vi từ chối của người Trung Quốc và người Việt Nam sẽ giúp chúng ta phân biệt được sự giống và khác nhau của hành vi từ chối, để tránh nhầm lẫn và đạt được hiệu quả giao tiếp tốt nhất
46	Đại học	Phân tích cách đặt câu hỏi dùng từ để hỏi “ma” và “ba”	Võ Thị Ngân	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Vì yêu thích ngôn ngữ nên ngoài tiếng Việt, tôi còn chọn tiếng Trung để học. Sau một thời gian học trên lớp và giao tiếp với bạn bè. Sau đó tôi nhận ra rằng vẫn còn nhiều thiếu sót trong ngữ pháp. Vì vậy, tôi quyết định phân tích vấn đề từ "ba" và "ma" để giúp bạn và tôi khắc phục những lỗi giao tiếp và cải

					thiện bản thân. Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích từ nghi vấn “ba” và “ma”. Trên cơ sở tham khảo và nắm vững tư liệu, tiếp thu những kết quả nghiên cứu của các bậc tiền bối, tập trung nghiên cứu hai chữ “ba” và “ma” trên bình diện khái niệm và cách dùng, đồng thời rút ra kết luận và đưa ra ví dụ. Luận án bắt đầu từ cơ sở lựa chọn đề tài, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, mục đích nghiên cứu, v.v. Phần một và hai tập trung phân tích ngữ nghĩa, khái niệm, cách dùng và ví dụ. Phần thứ ba là so sánh ngữ nghĩa giữa "ba" và "ma", giải thích sự khác biệt về nghĩa và ngữ điệu trong câu hỏi. Báo cáo này giúp sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ và người học ngoại ngữ hiểu rõ hơn về ngữ pháp và cách sử dụng. Giúp người đọc nhận ra lỗi sai và biết cách sửa lỗi thông đạt.
47	Đại học	Những khó khăn trong việc nghe hiểu tiếng Trung của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc và cách cải thiện kỹ năng nghe	Phạm Thị Ngọc Thảo	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Hiện nay tiếng Trung có ảnh hưởng vô cùng quan trọng không chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều nước khác, điều này có nghĩa là nền kinh tế Trung Quốc cũng ảnh hưởng lớn đến kinh tế Việt Nam. Vì Trung Quốc là quốc gia có nền kinh tế phát triển nhất nhì thế giới với tốc độ phát triển nhanh chóng, giao thương giữa Việt Nam và Trung Quốc ngày càng gần gũi. Và cho chúng ta thấy rằng việc học tiếng Trung hiện nay là điều cần thiết và quan trọng. Đối với sinh viên Việt nam thì trong quá trình học tiếng Trung, người học luôn gặp phải những khó khăn liên quan đến bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, đặc biệt là kỹ năng nghe. Có rất nhiều nguyên nhân cho thấy người học gặp nhiều khó khăn khi học nghe, có nhiều lí do như là sinh viên không có hứng thú với việc học nghe, thời gian học nghe chưa hợp lí, khó nhận ra các âm tiết, thiếu kiến thức

					về các chủ đề nghe,... và các sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Trung trường Đại học Thủ Dầu Một cũng gặp phải nhiều khó khăn trong việc học nghe, dẫn tới điểm số không cao, kỹ năng nghe không tốt. Chính vì điều đó, nghiên cứu này được thực hiện với mục đích tìm hiểu khó khăn trong việc học nghe của sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Trung trường Đại học Thủ Dầu Một, và đề xuất giải pháp nâng cao kỹ năng nghe của sinh viên.
48	Đại học	So sánh cách sử dụng con số trong tiếng Trung và tiếng Việt	Huỳnh Thị Thu Hà	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Kể từ khi con người của các nền văn minh cổ đại tạo ra các con số, con người đã nghiên cứu ý nghĩa của các con số từ nhiều khía cạnh khác nhau. Số tự nhiên đơn giản là một hệ thống các ký tự giúp con người truyền đạt thông tin về số lượng, ngày tháng, cấp bậc... Khi nền văn minh nhân loại ngày càng phát triển phức tạp thì ý nghĩa của các con số cũng được phát triển, đa dạng hơn. Theo văn hóa phương Đông, đặc biệt là văn hóa Trung Quốc, mỗi con số đều có nhiều tầng ý nghĩa khác nhau nên chúng ta cũng sẽ có nhiều cách lí giải, luận giải. Đề tài “ so sánh cách sử dụng con số trong tiếng Trung và tiếng Việt” sẽ đề cập đến các tầng ý nghĩa của con số dưới góc độ phát triển con người, kết nối ngôn ngữ và sáng tạo. Đề tài giúp chúng ta làm rõ sự giống và khác nhau khi sử dụng con số của tiếng Trung và tiếng Việt.
49	Đại học	Nghiên cứu động lực học tiếng Trung của sinh viên năm nhất chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc Trường Đại học Thủ Dầu Một	Lê Thị Hoàn	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Nghiên cứu này tiến hành điều tra các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên chuyên ngành tiếng Trung tại trường Đại học Thủ Dầu Một bằng phương pháp điều tra bằng bảng câu hỏi. Học ngoại ngữ là một quá trình vô cùng phức tạp liên quan đến nhiều yếu tố. Trong đó, động lực học tập là một trong những yếu tố then chốt ảnh hưởng trực tiếp đến người học ngoại ngữ.

					Động cơ học tập sẽ chi phối hoạt động nhận thức và ảnh hưởng đến kết quả của hoạt động đó. Động cơ học tập là một trong những yếu tố quan trọng đặc biệt là trong hoạt động học tập của sinh viên. Nó không chỉ ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên mà còn ảnh hưởng đến hướng phát triển nhân cách của mỗi cá nhân. Từ kết quả nghiên cứu này, đã đưa ra một số gợi ý cho việc giảng dạy của giáo viên từ góc độ nâng cao động lực học tập tiếng Trung của sinh viên, nhằm làm phong phú thêm phương pháp giảng dạy tiếng Trung của giáo viên.
50	Đại học	Nghiên cứu so sánh thành ngữ chỉ bộ phận cơ thể (mắt, mũi, tim, miệng) trong tiếng Trung và tiếng Việt	Phan Thị Thanh Hương	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Trung Quốc và Việt Nam là láng giềng cùng chung sông núi. Mặc dù Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Trung Quốc, nhưng cũng có nhiều điểm khác biệt giữa các nền văn hóa truyền thống, lối sống, phong tục và tôn giáo. Vì vậy, họ thường có xu hướng khác nhau khi thể hiện cùng một điều, từ đó xuất hiện khoảng cách giữa họ về ngôn ngữ và văn hóa dân tộc. Thành ngữ mang một giá trị lịch sử được kết thúc thông qua hệ thống ngôn ngữ. Mỗi thành ngữ đo lường các đặc điểm của trí tuệ cổ xưa mà ngày nay chúng ta sử dụng hàng ngày. Thành ngữ sau đó là một câu chuyện mang hàm ý sâu sắc là một phần của lịch sử. Mỗi câu tục ngữ ý nghĩa con người ứng xử theo thời gian đều vô cùng sâu sắc và súc tích. Cho đến nay, đã có nhiều học giả Việt Nam nghiên cứu, so sánh nhiều khía cạnh của ngôn ngữ nhưng thành ngữ cơ thể người ít được nghiên cứu. Các chủ đề thành ngữ về cơ thể người (mắt , mũi, tim , miệng) của cả tiếng Việt và tiếng Trung đều rất phổ biến. Trong chính hệ thống ngôn ngữ của loài người đã có những từ chỉ các bộ phận cơ thể

					người tương ứng. Nhờ sự liên tưởng phong phú, con người thường sử dụng những bộ phận cơ thể quen thuộc để thành lập từ. Bài viết này vận dụng phương pháp so sánh và lý thuyết so sánh ngôn ngữ học để so sánh phạm vi ngữ nghĩa, cách thức phiên dịch.
51	Đại học	Phân tích so sánh từ “de” trong tiếng Hán hiện đại với từ tương đương trong tiếng Việt	Phan Thị Yên Nhi	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Trung Quốc và Việt Nam là hai quốc gia châu Á có lịch sử quan hệ gắn bó lâu đời và có nhiều điểm tương đồng. Như chúng ta đã biết, quan hệ hữu nghị truyền thống giữa Trung Quốc và Việt Nam đã có từ lâu đời. Với sự phát triển kinh tế như hiện nay, yêu cầu xã hội và nhu cầu giao lưu văn hóa giữa hai nước, số lượng người Việt Nam học tiếng Trung ngày càng tăng. Với sự phát triển bền vững và nhanh chóng của nền kinh tế Việt Nam, ngôn ngữ là công cụ và phương tiện quan trọng để con người giao tiếp. Tiếng Trung cũng là một trong sáu ngôn ngữ chính thức của Liên Hợp Quốc. Vì vậy, học tiếng Trung sẽ mang đến cho bạn nhiều cơ hội giao tiếp và hội nhập với thế giới, cũng như một công việc lý tưởng với mức thu nhập cao. Từ “得” là một từ được sử dụng thường xuyên trong tiếng Trung và nó rất hiệu quả. Các từ “得” trong tiếng Trung là trợ động từ, trợ động từ và trợ động từ. Tiếng Việt cũng có những từ tương ứng với tần suất sử dụng nhiều, từ phức, đó là từ “được”. Chữ “得” và từ “được” trong tiếng Việt đều là những từ thông dụng giống nhau về mặt ngữ pháp và chức năng ngữ nghĩa, nhưng giữa chúng có một số điểm khác biệt. Chính vì vậy, chữ “得” là trọng điểm và khó đối với học sinh Việt Nam khi học tiếng Trung. Vì vậy, một nghiên cứu so sánh sơ bộ đã được thực hiện giữa chữ Hán “得” và chữ “được” trong tiếng

					Việt. Ký hiệu cú pháp của "得" và "được" được dùng để phân tích sự giống và khác nhau về mặt cú pháp giữa "得" trong tiếng Hán và "được" trong tiếng Việt. Tôi hy vọng nghiên cứu này có thể cung cấp một số tài liệu tham khảo có giá trị cho sinh viên Việt Nam học tiếng Trung Quốc.
52	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm ngữ nghĩa và ngữ pháp của từ “gou” trong tiếng Hán hiện đại (Đối chiếu với từ "đủ" trong tiếng Việt)	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Hiện nay, tiếng Trung được sử dụng rất rộng rãi trên thế giới đặc biệt là chuyên ngành học tiếng Trung rất phổ biến, và nhiều sinh viên tràn đầy nhiệt huyết và hứng thú với việc học chuyên ngành này. Vì vậy, khi học tiếng Trung sẽ mang lại rất nhiều lợi ích quan trọng cũng như có nhiều cơ hội việc làm. Từ "gou" trong tiếng Hán hiện đại và từ "đủ" trong tiếng Việt là một nhóm từ tương ứng có độ tương đồng về ngữ nghĩa và cách sử dụng. Hai từ này có mức độ sử dụng tương đối nhiều trong tiếng Hán lẫn trong tiếng Việt, đồng thời nó cũng có nhiều cách dùng. Dù về khía cạnh nào thì hai từ này cũng có nhiều điểm khác biệt nhau. Bài viết này cố gắng phân tích những đặc điểm ngữ nghĩa và cách sử dụng của từ "gou" trong tiếng Hán hiện đại và từ "đủ" trong tiếng Việt nhằm góp phần cung cấp thêm những tài liệu mới cho người học, giúp cho người học sử dụng tốt hơn về hai từ này và không bị hiểu sai ý.
53	Đại học	Nghiên cứu đối chiếu từ "dui" trong tiếng Hán hiện đại và từ "đúng" trong tiếng Việt	Nguyễn Thị Vân Anh	ThS. Đào Thị Hà	Từ "dui" trong tiếng hán hiện đại là từ nhiều nghĩa và được sử dụng rộng rãi. Còn từ "đúng" trong tiếng việt cũng được sử dụng rộng rãi nhưng về nghĩa thì hẹp hơn. Bài báo cáo này sẽ giúp chúng ta hiểu rõ và sử dụng đúng hai từ này. Bài báo cáo gồm có 4 chương. Chương 1: trình bày hoàn cảnh, ý nghĩa, hiện trạng, phương pháp nghiên cứu. Chương 2: nghiên cứu về ngữ nghĩa, ngữ pháp của từ "dui". Chương 3: nghiên cứu về ngữ ngữ nghĩa, ngữ pháp của từ

					"đúng". Chương 4: so sánh sự giống nhau và khác nhau về mặt ngữ nghĩa và ngữ pháp của "dui" và "đúng".
54	Đại học	Nghiên cứu nét đặc sắc trong văn hoá ẩm thực của thành phố Thành Đô, Tứ Xuyên, Trung Quốc	Đỗ Hồng Thuận	ThS. Đào Thị Hà	Tiếng Trung là một trong những ngôn ngữ và ngành học có sức ảnh hưởng rất lớn đến sinh viên hiện nay ở Việt Nam. Chính vì vậy nên những đề tài về ngôn ngữ Trung dần chiếm số lượng lớn và được sự chú ý từ sinh viên và nhà trường. khi học ở bất kì một ngôn ngữ nào luôn có những rào cản, gặp những sai lầm và từ những yếu tố khác nhau của mỗi cá nhân. Bài báo cáo về “Nghiên cứu về những lỗi thường mắc phải khi giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc của sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một ” nói lên những vấn đề khi sinh viên ngành ngôn ngữ Trung trong vấn đề sử dụng tiếng Trung khi giao tiếp. Tìm hiểu sâu hơn về những những lý do khác nhau từ cá nhân và phương pháp học, cho biết được những quả ảnh hưởng đến sự thành công của mỗi cá nhân , cuối cùng đề xuất những giải pháp khắc phục. Trước thực trạng của sinh viên học ngành ngôn ngữ Trung Quốc, đề tài với mong muốn có thể đưa ra những biện pháp phù hợp với mỗi cá nhân và có thể giúp ích cho tài liệu nghiên cứu khoa học của khoa ngoại ngữ thêm phong phú hơn.
55	Đại học	Nghiên cứu quá trình đi thực tập ở các công ty, việc nghe và nói đã gặp khó khăn gì đối với sinh viên năm 3 chuyên ngành Ngôn ngữ Trung trường đại học học Thủ Dầu Một	Nguyễn Thị Thương	ThS. Đào Thị Hà	Ngày nay, tiếng trung đóng vai trò quan trọng trong nhiều lĩnh vực ở Việt Nam và trên thế giới. Do đó, có trình độ tiếng Trung tốt là lợi thế của nhiều người trong học tập, nghiên cứu và công việc. Trong các kỹ năng tiếng Trung thì kỹ năng nghe và nói là hai kỹ năng quan trọng nhưng cũng không kém phần khó đối với người học. Mục đích của nghiên cứu này là để tìm hiểu các

					kỹ năng của chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc. Thực trạng và những khó khăn trong việc nghe hiểu nói, nhằm tìm ra giải pháp phù hợp giúp người học nâng cao khả năng nghe hiểu. Bài viết sử dụng bảng câu hỏi điều tra những khó khăn mà sinh viên gặp phải trong quá trình thực tập, mẫu khảo sát là sinh viên năm 3 chuyên ngành tiếng Trung trường Đại học Thủ Dầu Một đang thực tập tại các công ty trong quá trình thực tập. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên sẽ gặp một số khó khăn trong việc nghe và nói. Do thiếu kiến thức từ vựng và thiếu kiến thức ngữ pháp nên khả năng nhận biết và phân biệt âm thanh chưa tốt, việc sử dụng các chiến lược nghe như khả năng suy luận và phán đoán, hoặc hạn chế trong việc ghi chép và kể lại, sử dụng nhiều từ chuyên môn. ngữ vựng. Không có sự học hỏi và không chú ý trong quá trình giao tiếp và giải thích. Vì vậy tôi mong rằng hướng nghiên cứu này có thể nhận được sự quan tâm và chia sẻ của mọi người, để mọi người có thể tìm hiểu sâu hơn. Giúp người học tìm ra giải pháp hiệu quả và tối ưu để cải thiện kỹ năng nghe nói của bản thân.
56	Đại học	Khảo sát việc vận dụng tài nguyên Internet vào việc học tiếng Trung của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Đại học Thủ Dầu Một	Bùi Thị Kiều Trinh	ThS. Đào Thị Hà	Bài viết sử dụng bảng câu hỏi điều tra những khó khăn mà sinh viên gặp phải trong quá trình thực tập, mẫu khảo sát là sinh viên năm 3 chuyên ngành tiếng Trung trường Đại học Thủ Dầu Một đang thực tập tại các công ty trong quá trình thực tập. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên sẽ gặp một số khó khăn trong việc nghe và nói. Do thiếu kiến thức từ vựng và thiếu kiến thức ngữ pháp nên khả năng nhận biết và phân biệt âm thanh chưa tốt, việc sử dụng các chiến lược nghe như khả năng suy luận và phán đoán, hoặc hạn chế trong việc ghi

					chép và kể lại, sử dụng nhiều từ chuyên môn. ngữ vựng. Không có sự học hỏi và không chú ý trong quá trình giao tiếp và giải thích. Vì vậy tôi mong rằng hướng nghiên cứu này có thể nhận được sự quan tâm và chia sẻ của mọi người, để mọi người có thể tìm hiểu sâu hơn. Giúp người học tìm ra giải pháp hiệu quả và tối ưu để cải thiện kỹ năng nghe nói của bản thân.
57	Đại học	Phân tích so sánh phó từ "ZAI" trong tiếng Hán hiện đại và phó từ "NỮA" trong tiếng Việt	Trần Thị Trâm	ThS. Đào Thị Hà	Trong những năm gần đây, các nghiên cứu về phân tích lỗi dần có xu hướng kết hợp với các quốc gia, cụ thể là thảo luận về các lỗi xảy ra trong quá trình học tập của người học ở các quốc gia khác nhau. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu trước đây, tác giả liệt kê cách dùng trạng từ “Zai” trong tiếng Trung và cách dùng của trạng từ “nữa” trong tiếng Việt, từ đó so sánh trạng từ “Zai” trong tiếng Trung với trạng từ trong tiếng Việt trên hai bình diện cấu trúc cú pháp và ngữ nghĩa. So sánh các từ "nữa" và tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa chúng. Tương tự như vậy, ngay cả những người nói tiếng Trung bản ngữ đôi khi cũng cảm thấy khó khăn trong việc chỉ ra ý nghĩa ngữ pháp của chúng, chứ đừng nói đến những sinh viên nước ngoài nói tiếng Trung như ngôn ngữ thứ hai của họ. Trong quá trình học tiếng Trung, tôi nhận thấy người Việt Nam rất hay mắc lỗi khi sử dụng trạng ngữ. Tôi tập trung so sánh sự khác nhau giữa trạng từ “lại” trong tiếng Trung và trạng từ “nữa” trong tiếng Việt nhằm mục đích giúp sinh viên Việt Nam ít nhiều tránh được sự giao thoa của tiếng mẹ đẻ khi sử dụng “zai” và “nữa”. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu trước đây, tôi liệt kê cách dùng từ “zai” trong tiếng Trung và cách dùng từ “nữa” trong tiếng

					Việt, từ đó so sánh trạng từ “zai” trong tiếng Trung với trạng từ trong tiếng Việt trên hai bình diện ngữ nghĩa và cấu trúc cú pháp. " để tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt của chúng. Hy vọng bài viết này có thể mang lại một số sinh viên Việt Nam học tiếng Trung
58	Đại học	Nghiên cứu về tình trạng tư duy chuyển ngữ từ tiếng Trung sang tiếng Việt trên các kênh truyền thông hiện nay	Trần Thị Ngọc Thy	ThS. Đào Thị Hà	Trong bối cảnh công nghệ phát triển như hiện nay, đã kéo theo sự phát triển đa dạng của ngôn ngữ, đặc biệt là ngôn ngữ Trung Quốc. Từ đó các nhà dịch thuật và các thiết bị, phần mềm hỗ trợ phiên dịch ngày càng nhiều nhằm phục vụ, giúp đỡ cho mọi người trong việc dịch thuật hoặc giao tiếp với người Trung Quốc. Trên thực tế, một người có giỏi tiếng Trung đến đâu cũng không thể tránh khỏi những lỗi khi dịch từ tiếng Việt sang tiếng Trung và ngược lại. Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến những sai sót khi dịch thuật không chỉ là do người dịch thuật chưa nghiên cứu kỹ từ ngữ, mà còn do những thiết bị dịch thuật gây ra. Vì vậy đề tài nghiên cứu này nhằm tìm ra những lỗi sai của người dịch để khắc phục chúng và giúp cho những nhà sáng lập ra những thiết bị hỗ trợ dịch thuật có thể cải thiện chúng tốt hơn, phục vụ cho công việc dịch thuật thêm dễ dàng và hiệu quả hơn.
59	Đại học	Khảo sát thực trạng việc làm của sinh viên khóa D18 ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một	Đặng Tiến Sĩ	ThS. Đào Thị Hà	Trong những năm gần đây, khoa học và công nghệ đã có những bước phát triển vượt bậc, nền kinh tế tri thức đang hình thành và phát triển. Bên cạnh những thuận lợi cũng nảy sinh nhiều khó khăn, tiêu cực, tỷ lệ thất nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp ngày càng cao. Đất nước ngày càng phát triển tốt đẹp, có một số công nghệ hiện đại trong sản xuất kinh doanh và một trong những nhân tố quyết định sự phát triển của đất nước chính là lực lượng lao

					động. Lực lượng lao động là sinh viên đang đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng, v.v. Sinh viên là nguồn nhân lực rất quan trọng, chúng ta cần phải biết sử dụng sao cho hợp lý và hiệu quả nhất. Nhưng tình trạng sinh viên ra trường thất nghiệp đã ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Vậy câu hỏi được các nhà quản lý và nhà nước đặt ra là nguyên nhân nào dẫn đến việc này? Phải chăng vì còn nhiều mặt phải hoàn thiện trong quá trình đào tạo của trường đại học, hay do chính sách về việc làm của nước này chưa hợp lý. Tôi mong rằng bài nghiên cứu này sẽ giúp sinh viên tìm ra một số giải pháp thích hợp trong quá trình lập nghiệp.
60	Đại học	Tìm hiểu vận dụng học thuyết âm dương, ngũ hành trong y học cổ truyền Trung Quốc	Hà Thị Thu	ThS. Đào Thị Hà	Đại từ nhân xưng là một hệ thống con trong hệ thống ngôn ngữ của con người và đóng vai trò vô cùng quan trọng trong giao tiếp. Trong quá trình tìm hiểu và học hỏi, tôi nhận thấy hệ thống đại từ nhân xưng của tiếng Việt và tiếng Hán có nhiều điểm giống nhau về chức năng (cả hai đều có chức năng giống nhau. Chỉ thay thế người hoặc vật) nhưng trên thực tế, trong giao tiếp hàng ngày, chúng có sự khác biệt lớn về chức năng, trong đó cũng bao gồm sự khác biệt về yếu tố văn hóa giao tiếp giữa hai quốc gia. Vì vậy, tôi chọn đề tài này để đi sâu nghiên cứu về sự khác biệt chức năng giữa đại từ nhân xưng tiếng Việt và tiếng Hán, với hy vọng cung cấp cho các nhà nghiên cứu tiếng Việt và tiếng Trung một cách hiểu mới, những tư liệu và quan điểm mới. Trên cơ sở những lý thuyết đã có, sau khi giới thiệu sơ lược về hệ thống đại từ nhân xưng trong tiếng Hán và tiếng Việt, tôi đã phân loại, nghiên cứu số lượng đại từ và so sánh chức năng của các đại từ nhân xưng trong tiếng Hán và tiếng

					Việt. Bài báo cáo được chia thành 5 chương. Cấu trúc cụ thể như sau: chương 1: mở đầu, chương 2: giới thiệu về hệ thống đại từ nhân xưng, chương 3: số lượng đại từ nhân xưng trong tiếng Hán và tiếng Việt, chương 4: chức năng ngữ pháp của đại từ nhân xưng trong tiếng Hán và tiếng Việt, chương 5: so sánh sự giống nhau và khác nhau của đại từ nhân xưng trong tiếng Hán và tiếng Việt.
61	Đại học	Phân tích nguồn gốc, ý nghĩa biểu tượng và thực trạng bảo tồn quốc bảo của Trung Quốc - gấu trúc	Nguyễn Thị Thuận	ThS. Đào Thị Hà	Chữ Hán là văn tự của tiếng Trung Quốc, là một bộ phận cấu thành nét đặc sắc của ngôn ngữ này. Tuy nhiên, do số lượng chữ Hán hiện nay quá nhiều, chữ lại có cấu tạo phức tạp, nhiều nét, nhiều quy tắc, khó nhớ, khó viết. Điều này gây ra không ít khó khăn cho người học chữ hán và khiến cho số lượng lỗi sai khi viết chữ hán càng ngày càng nhiều mà không được giải quyết. Vì vậy, nội dung bài báo cáo này chủ yếu ôn lại những kiến thức cơ bản về chữ hán, phân tích những lỗi sai khi viết chữ hán, nguyên nhân gây ra lỗi sai và đưa ra một số biện pháp khắc phục những lỗi sai đó và cuối cùng là phân tích kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc tại trường Đại học Thủ Dầu Một được thu thập thông qua trả lời khảo sát trực tuyến. Đây là tài liệu tham khảo nhằm giảm bớt khó khăn trong quá trình học tập và nghiên cứu tiếng Trung đồng thời nâng cao chất lượng kiến thức cho người học tiếng Trung nói chung và sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc trường đại học Thủ Dầu Một nói riêng khi viết chữ hán.
62	Đại học	Hình ảnh thực vật của những bài thơ về hôn nhân và tình yêu của Chu Nam, Vệ Phong và	Dương Tử Yên	ThS. Đào Thị Hà	Số lượng người học tiếng Trung đang tăng lên từng ngày. Nhiều người học để tìm công việc, vì sở thích, vv. Cho dù lý do là gì, mỗi người học phải chú ý

		Trịnh Phong trong Kinh Thi			đến hình thức của ngôn ngữ và cách sử dụng của nó, để con đường học tập có thể tiến bộ. Tôi là một sinh viên đại học Trung Quốc, và tôi cũng hiểu tâm lý của những người học tiếng Trung Quốc. Tôi được biết phần lớn người học tiếng Trung chỉ cần học các kỹ năng đối thoại mà không quan tâm nhiều đến đặc điểm của ngôn ngữ, đặc biệt là cách sử dụng văn nói và văn viết. Báo cáo này chủ yếu so sánh sự khác biệt văn nói và văn viết thông qua "Kinh Thi", để mọi người hiểu rõ hơn về hình thức ngôn ngữ. Một số đề xuất được đưa ra sau khi phân tích và nghiên cứu. Báo cáo này trước tiên giới thiệu bối cảnh nghiên cứu, tầm quan trọng của nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, lựa chọn ngữ liệu và lý do thực hiện báo cáo này, tập trung vào văn nói và văn viết.
63	Đại học	Đối chiếu từ “XIN” trong tiếng Hán hiện đại với từ ngữ tương ứng trong tiếng Việt	Ngô Thanh Thúy Hằng	ThS. Đào Thị Hà	Để cải thiện tình trạng mắc lỗi khi dùng từ “心”, sử dụng phương pháp phân tích và so sánh để nghiên cứu cách dùng và đặc điểm của từ “心” trong tiếng Hán hiện đại và cách diễn đạt của nó trong cách diễn đạt của tiếng Việt. Tìm hiểu những điểm tương đồng và khác biệt giữa từ “心” trong tiếng Hán hiện đại và từ “tâm” trong tiếng Việt. “心” có thể dùng làm động từ, tính từ, danh từ, thành ngữ. Mặc dù từ “心” có sự tương đồng về ngữ nghĩa, ngữ pháp và cấu trúc trong tiếng Hán và tiếng Việt. Đồng thời nó có một số khía cạnh khác khiến việc học ngoại ngữ trở nên khó khăn hay dùng từ sai, mắc lỗi về ngữ pháp hay cách dùng từ không đúng ngữ cảnh.
64	Đại học	Phân tích lỗi sai của sinh viên trường Đại học Thủ Dầu Một khi sử dụng từ trợ từ ngữ khí "	Trần Thị Hoài Phương	ThS. Đào Thị Hà	Nghiên cứu này khảo sát về việc cách sử dụng sai của trợ từ ngữ khí. Những từ này chỉ có nghĩa chức năng chứ không có nghĩa cụ thể nên người học tiếng Trung rất dễ dùng sai. Mục đích của nghiên cứu này là tìm hiểu việc sử dụng

		吧, 呢, 吗"			sai ba trợ từ “吧, 呢, 吗” của sinh viên trường Đại học Thủ Dầu Một, nhằm giúp sinh viên có thêm kiến thức và hiểu biết về ba từ này trong quá trình học tiếng Trung. Khi có sự nghiên cứu cụ thể, rõ ràng hơn sẽ giúp sinh viên tránh được những lỗi sai, từ đó tìm ra nguyên nhân và biện pháp, giúp sinh nắm được cách dùng của ba từ này.
65	Đại học	Đối chiếu câu chữ "bei" trong tiếng Hán hiện đại với câu chữ “ bị “ trong tiếng Việt	Bùi Thị Bích Trâm	ThS. Đào Thị Hà	Tiếng Trung có một cấu trúc câu độc đáo được gọi là câu bị động, đây cũng là một thách thức trong tiếng Trung của người Việt. Do đặc thù của câu chữ “bei” trong tiếng Hán, mấu chốt và độ khó của câu chữ “bei” nằm ở chức năng ngữ dụng của nó. Vì vậy, nguyên tắc của chữ “bei” trong tiếng Hán nên là: làm nổi bật công dụng trên cơ sở yếu tố cú pháp và ngữ nghĩa. Mỗi ngôn ngữ đều có những dạng bị động khác nhau, tiếng Trung và tiếng Việt cũng không ngoại lệ. Cả tiếng Hán và tiếng Việt đều là ngôn ngữ âm tiết; do sự tiếp xúc giữa tiếng Hán và tiếng Việt, hai ngôn ngữ có quan hệ gần gũi hơn. Có nhiều điểm tương đồng về từ vựng, cách phát âm và cấu trúc ngữ pháp, nhưng cũng có một số điểm khác biệt. Bài viết so sánh hình thức, đặc điểm, chức năng biểu đạt của hai từ này, cùng sự giống và khác nhau về cấu tạo của câu bị trong tiếng Hán hiện đại và câu bị trong tiếng Việt, nhằm giúp học sinh, sinh viên Việt Nam học tiếng Hán.
66	Đại học	Nghiên cứu cách sử dụng lượng từ trong tiếng Trung	Nguyễn Thị Ninh Trang	ThS. Đào Thị Hà	Lượng từ là một điểm ngữ pháp cực kỳ quan trọng. Trong tiếng Trung Quốc hiện đại, các con số không đếm một cách độc lập như một danh từ, mà dựa vào các từ phân loại (thường được gọi là "từ định lượng"). Tôi nghiên cứu cách sử dụng các lượng từ trong tiếng Trung để làm rõ các đặc điểm ngữ nghĩa và ngữ

					pháp cơ bản của các lượng từ trong tiếng Trung hiện đại. Thông qua việc sử dụng lượng từ tiếng Hán và nghiên cứu giáo trình Hán ngữ bōya, tôi tập trung làm sáng tỏ hơn những đặc điểm ngữ nghĩa, ngữ pháp của lớp từ này.
67	Đại học		Nguyễn Như Quỳnh	ThS. Đào Thị Hà	Việc học tập hay tham khảo thông tin trên mạng xã hội đã trở nên rất phổ biến với mọi người, ngoài ra nhằm kích lệ, tạo thêm niềm hứng thú học tập thì mọi người có thể lên chia sẻ với nhau rất nhiều phương pháp học tập có hiệu quả, nhất là học ngoại ngữ. Nhìn vào nhu cầu thực tế đó, các giảng viên, các bạn trẻ có vốn kiến thức sâu rộng, có những mẹo học rất hữu ích đã lập lên kênh Vlog trên nhiều nền tảng mạng xã hội như facebook, Instagram và phổ biến nhất là Youtube để chia sẻ đến những ai đang có nhu cầu, hứng thú với ngoại ngữ, muốn tìm kiếm các phương pháp học nhanh, nhớ lâu hơn. Nói về ngoại ngữ thì Tiếng Trung hiện đang được rất nhiều người quan tâm và muốn học; nhưng khi học đến ngữ pháp thì đa phần mọi người sẽ cảm thấy khó, không thể tiếp cận được, mong muốn tìm được phương pháp học ngữ pháp tiếng Trung dễ nhớ, dễ áp dụng. Và nhìn vào góc độ đó, một xu hướng mới đó là các bạn trẻ đang học về Chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc lập các kênh Vlog để chia sẻ nhiều thông tin bổ ích và lan tỏa động lực học tiếng Trung đến mọi người. Bài nghiên cứu về đề tài này sẽ cung cấp thêm tư liệu để các bạn hiểu được Vlog là gì, cách lập kênh Vlog, và cách các bạn trẻ chia sẻ những phương pháp học ngữ pháp tiếng Trung trên Vlog.
68	Đại học		Phạm Thị Hoài Thương	ThS. Đào Thị Hà	Nghiên cứu này giới thiệu về văn hóa trà Long Tỉnh Chiết Giang được truyền từ đời này sang đời khác ở Trung Quốc; nêu nét độc đáo của loại trà nổi tiếng

					và niềm tự hào của người Chiết Giang, đặc biệt là người Hoa; tìm hiểu nguồn gốc và sự phổ biến của văn hóa trà trong đời sống hàng ngày. Các trường phái lý luận được sử dụng để nghiên cứu vấn đề này: khái niệm, chức năng, phong tục, tín ngưỡng; việc nghiên cứu tín ngưỡng bao hàm nhiều lý thuyết: lý thuyết cụ thể về mặt lịch sử; tổng quan về tỉnh Chiết Giang (điều kiện lịch sử tự nhiên, xã hội, quá trình hình thành, nguồn gốc của Long Tỉnh). văn hóa trà, tổng quan về văn hóa trà Long Tỉnh Chiết Giang và ý nghĩa của nó, Xuất phát từ mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu trên, phương pháp nghiên cứu được vận dụng, dự kiến phương pháp nghiên cứu này bao gồm các phương pháp liên ngành: phương pháp nghiên cứu thực tiễn, phương pháp toàn diện, phương pháp phân tích, so sánh. phương pháp; phương pháp quan sát khoa học, nhận thức về tầm quan trọng của nó và chào đón Văn hóa trà của trà nổi tiếng Trung Quốc.
69	Đại học		Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	ThS. Đào Thị Hà	“Biết thêm một ngoại ngữ là sống thêm một cuộc đời” Đây là câu nói mà tôi rất thích. Cũng là câu nói khiến nhiều người phải suy nghĩ và quyết định nên học tập thêm một ngôn ngữ mới chẳng. Việc chọn một ngoại ngữ học thì có lẽ không quá khó khăn. Nhưng việc học nó là một chuyện vô cùng khó. Bởi lẽ nhiều người khi chọn học ngoại ngữ thường thì người ta chọn học tiếng anh một loại ngoại ngữ khá phổ biến và cũng có vài nét tương đồng với tiếng việt. Nhưng có một số bạn cũng như là bản thân tôi thì lại chọn một loại ngôn ngữ tượng hình khá trừu tượng như tiếng trung để học. Việc học tiếng trung tưởng chừng là dễ nhưng lúc đầu ai cũng sẽ dễ gặp cái vấn đề trong lúc học từ vựng.

					Bởi vì mọi người ai cũng biết tiếng trung là chữ tượng hình rất khác so với tiếng việt. Đối với việc phải ghi nhớ và học như thế nào để thuộc lâu đã là vấn đề đầu tiên trong công cuộc học tập rồi. Để giúp mọi người không còn lo về việc học ngoại ngữ nói chung cũng như học tiếng trung nói riêng thì em đã tìm hiểu và tổng hợp một số phương pháp giúp mọi người học tập tốt hơn.
70	Đại học		Đỗ Huỳnh Như	ThS. Đào Thị Hà	Từ lâu, khiêm tốn là một đạo đức không thể thiếu ở Việt Nam và Trung Quốc. Khiêm tốn là một đức tính truyền thống của dân tộc Trung Hoa, luôn được mọi người ngưỡng mộ “khiêm tốn trong giao tiếp làm thế nào để biểu đạt? Đây quả thực là vấn đề mà nhiều người thắc mắc, trong quá trình phát triển và lớn lên của mỗi người, thường thì mọi người sẽ biểu đạt sự khiêm tốn như sau: 哪里, 哪里; 不敢当; 您过讲了, 我还差得远; 不用谢, 没什么, 别客气 ;v.v... Khi ai đó khen ngợi hoặc cảm ơn mình, điều đó làm cho cuộc trò chuyện trở nên thoải mái và tự nhiên hơn. Cũng giống như tiếng Trung, tiếng Việt thường dùng những cụm từ này để thể hiện sự khiêm tốn. Luận án này thảo luận về khái niệm và phân loại ngôn ngữ khiêm tốn, mẫu câu khiêm tốn và thành ngữ của ngôn ngữ khiêm tốn. Nghiên cứu sâu hơn về so sánh sự khiêm tốn của người Trung Quốc và người Việt Nam sẽ giúp hiểu rõ hơn về đặc điểm sử dụng sự khiêm tốn trong giao tiếp của người Trung Quốc và người Việt Nam.
71	Đại học		Vũ Nguyễn Thu Hương	ThS. Đào Thị Hà	“renwei” và “yiwei” là những động từ tâm lý phổ biến trong tiếng Trung, đều thể hiện ý kiến, quan điểm hoặc đưa ra phán đoán. Trong quá trình học, người học bị nhầm lẫn về cách dùng của hai từ này và sử

					dụng một cách bừa bãi. Ngoài ra còn có vấn đề trong ứng dụng thực tế. Để hiểu được những mặt nắm vững và khó khăn của “renwei” và “yiwei”, bài viết này chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích để mô tả và phân tích những điểm giống và khác nhau giữa “renwei” và “yiwei” xét từ hai bình diện ngữ pháp, ngữ nghĩa, . Phần thứ nhất trình bày ý nghĩa của đề tài được lựa chọn, với các nội dung chính bao gồm: bối cảnh nghiên cứu và ý nghĩa nghiên cứu, thực trạng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu. Phần thứ hai là đặc điểm ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng của "renwei" và "yiwei". Phần thứ ba chủ yếu phân tích sự giống và khác nhau giữa “renwei” và “yiwei”, đồng thời xem xét sự giống và khác nhau giữa hai từ này về mặt ngữ pháp, ngữ nghĩa.
72	Đại học	Nghiên cứu về tầm quan trọng của thành ngữ tiếng Trung trong quá trình giao tiếp	Phạm Lý Thùy Dương	ThS.Đoàn Văn Hảo	Thành ngữ chứa đựng văn hóa truyền thống phong phú của Trung Quốc, bản thân thành ngữ cũng có những khó khăn nhất định, đây chính là khó khăn và mấu chốt trong việc học tiếng Trung. Bài viết này tìm hiểu, phân tích cách sử dụng thành ngữ tiếng Hán của người học tiếng Trung, từ đó tìm ra những khó khăn và phương pháp, nhằm giúp bản thân tôi và người học hiểu và sử dụng thành ngữ tốt hơn. Qua điều tra bảng hỏi và phân tích thống kê 100 sinh viên Việt Nam, tác giả nhận thấy: Thứ nhất, chỉ có một bộ phận nhỏ rất quan tâm đến việc học thành ngữ tiếng Hán, còn lại có thái độ chung chung và không chú ý đến việc học thành ngữ. Thứ hai, hầu hết các sinh viên học thành ngữ

					với mục đích yêu thích thành ngữ Trung Quốc, muốn hiểu ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc, đồng thời mở rộng vốn từ vựng tiếng Trung và làm phong phú khả năng diễn đạt tiếng Trung của họ. Thứ ba, trong giao tiếp hàng ngày, hơn 80% sinh viên thỉnh thoảng sử dụng hoặc không sử dụng thành ngữ tiếng Trung. Thứ tư, học sinh Việt Nam thường gặp khó khăn khi học thành ngữ chủ yếu nằm ở việc phân tích nghĩa của thành ngữ. Thứ năm, học sinh sử dụng các chiến lược học tập khác nhau, nhưng hầu hết các em học thành ngữ theo một cách duy nhất, chủ yếu thông qua truyện ngụ ngôn, truyền thuyết và truyện thành ngữ, và thông qua việc thực hành thành ngữ Trung Quốc thông qua tích lũy và thực hành lặp đi lặp lại. Đối với các vấn đề trong khảo sát, bài viết cuối cùng đưa ra các gợi ý dạy và học tương ứng từ góc độ người học và dạy thành ngữ: thứ nhất, nâng cao hứng thú và sự nhiệt tình của sinh viên Việt Nam trong việc học thành ngữ Trung Quốc. Thứ hai, khuyến nghị phù hợp với chiến lược học tập.
73	Đại học	Nâng cao năng lực tiếng Hán văn phòng cho sinh viên ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại Học Thủ Dầu Một	Phạm Thị Hà	ThS.Đoàn Văn Hảo	Như chúng ta đã biết, hiện nay, Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất, thị trường nhập khẩu lớn nhất, đồng thời là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam, sau Mỹ. Ngày càng có nhiều công ty xí nghiệp Trung Quốc đầu tư phát triển ở Việt Nam, do đó số lượng người chọn học tiếng Trung để phát triển tương lai cũng như tìm cho bản thân một công việc ổn định lâu dài sau này ngày càng tăng. Bằng phương pháp nghiên cứu tài liệu liên quan của những người đi trước, liệt kê, phân tích hay là giải thích suy luận để đưa ra những phương pháp giúp sinh viên nâng cao tiếng trung văn phòng của bản

					thân. Bài nghiên cứu gồm có 4 chương. Chương 1: Giới thiệu bối cảnh nghiên cứu, ý nghĩa nghiên cứu, tình trạng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của bài viết. Chương 2: kiến thức cơ bản viết các công văn và các kỹ năng cần thiết khi làm việc ở văn phòng. Chương 3: phân tích khảo sát các kỹ năng, ngôn ngữ trong văn phòng của sinh viên chuyên ngành tiếng trung trường đại học Thủ Dầu Một. Tìm ra một số nguyên nhân cơ bản khiến sinh viên không tìm được việc làm và hiểu hơn việc sử dụng tiếng trung trong văn phòng của sinh viên D19. Chương 4: Đi sâu vào phân tích những khó khăn, những vấn đề mà sinh viên gặp phải khi sử dụng tiếng trung ở văn phòng, từ đó đưa ra các giải pháp hữu ích để sinh viên có thể nâng cao được các kỹ năng tiếng Trung trong văn phòng, giúp ích cho việc tìm việc làm sau khi ra trường. Ngoài ra, bài nghiên cứu này còn giúp sinh viên hiểu được tầm qua trọng của kỹ năng tiếng trung văn phòng, chsư trọng trau dồi các kiến thức liên quan để có thể tìm được một công việc như mong muốn. Đây cũng xem như là 1 tài liệu tham khảo dành cho sinh viên sắp ra trường muốn làm việc trong môi trường văn phòng của các xí nghiệp, doanh nghiệp Trung Quốc.
74	Đại học	Đối chiếu đặc điểm của chữ phồn thể và chữ giản thể	Hồ Ngọc Yến Lan	ThS.Đoàn Văn Hảo	Chữ phồn thể và chữ giản thể là hai hệ thống chữ viết của tiếng Trung, có chung nguồn gốc nhưng đã phát triển theo hai hướng khác nhau từ những năm 1950. Đây là các hình thức của văn viết, không phải ngôn ngữ địa phương. Kể từ khi tiến hành cải cách chữ Hán, đã có rất nhiều ý kiến đối lập nhau về hai thể chữ này. Bài báo cáo này tìm hiểu về đặc điểm của chữ phồn thể và chữ giản thể (bao gồm: lịch sử hình thành chữ phồn thể và quá trình phát triển chữ

					giản thể), đồng thời bài báo cáo cũng đối chiếu một vài điểm khác biệt giữa chữ phồn thể và chữ giản thể. Từ đó, chúng ta có cái nhìn sâu sắc hơn về đặc điểm của hai thể chữ này, nâng cao khả năng lĩnh hội chữ hán cũng như dễ dàng hơn trong quá trình tìm hiểu về văn hóa, lịch sử Trung Quốc.
75	Đại học	Nâng cao năng lực tiếng Hán du lịch cho sinh viên ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một	Chu Khánh Ly	ThS.Đoàn Văn Hào	Cùng với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, ngành du lịch Việt Nam đang có xu hướng tăng trưởng chưa từng có. Du lịch được ví là ngành “công nghiệp không khói” ngày càng thu hút được nhiều sự quan tâm. “Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê Du lịch, năm 2019, Việt Nam đón 18 triệu lượt khách du lịch quốc tế, trong đó lượng khách Trung Quốc đạt 5,8 triệu lượt, tăng 16,9 lần so với năm trước.” Sau gần 2 năm , do dịch bệnh nên đóng cửa đón nhận khách du lịch, sau khi dịch bệnh được kiểm soát vào năm 2022 và Việt Nam mở cửa hoàn toàn đón khách du lịch từ khắp nơi trên thế giới đến thăm Việt Nam, lượng khách Trung Quốc vẫn là một trong những nguồn khách du lịch nước ngoài chính đến Việt Nam. Việc giảng dạy và truyền thụ kiến thức nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch cho sinh viên chuyên ngành tiếng Trung là một lựa chọn đúng đắn. Bởi lượng khách Trung Quốc đến Việt Nam không ngừng tăng nhưng nguồn nhân lực lại thiếu hụt, nhiều hướng dẫn viên du lịch trình độ ngoại ngữ kém. Bài viết này lấy sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Quốc tại trường Đại học Thủ Dầu Một làm đối tượng nghiên cứu nhằm tìm hiểu lợi ích của việc học tiếng Trung Quốc du lịch. Cung cấp cho sinh viên phương pháp để cải thiện các kỹ năng liên quan đến nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch kết hợp với việc học trước đó. Tuy nhiên, đối với việc giảng dạy tiếng

					Trung du lịch hay các kiến thức về hướng dẫn viên du lịch cho sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc của trường đại học Thủ Dầu Một vẫn chưa nhận được sự quan tâm. Bài viết này gồm 4 chương. Chương 1: Giới thiệu bối cảnh nghiên cứu, ý nghĩa nghiên cứu, tình trạng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của bài viết. Chương 2: giới thiệu về môn học “Tiếng Trung du lịch” trong chương trình đào tạo của 2 khóa D19TQ và D18TQ, bao gồm quá trình học tập và giảng dạy của môn học, mục tiêu của việc học và giảng dạy môn tiếng Trung du lịch, giới thiệu tài liệu giảng dạy, từ giáo trình dạy học đưa ra những kỹ năng và yêu cầu mà một hướng dẫn viên du lịch cần có. Chương 3: Khảo sát về tình hình học tập và trình độ của sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc, đặc biệt là tìm hiểu năng lực khẩu ngữ và khả năng thuyết trình, diễn giải một vấn đề của sinh viên. Cảm nhận và suy nghĩ của sinh viên khóa D19TQ về quá trình học và lợi ích của môn học “Tiếng Trung du lịch”. Từ đó đưa ra những lợi ích và khó khăn trong quá trình học môn tiếng Trung du lịch. Chương 4 là chương đi sâu vào phân tích những vấn đề tồn tại từ các khía cạnh khác nhau sau đó đưa ra những ý kiến để giúp nâng cao chất lượng giảng dạy và tiếp thu kiến thức của môn học “Tiếng Trung du lịch”, đưa ra các đề xuất giải pháp giúp cho sinh viên nâng cao được vốn từ vựng hiểu biết kết cấu sử dụng câu trong tiếng Trung du lịch, mô phỏng những tình huống để giúp cho sinh viên có thể nâng cao được khả năng khẩu ngữ và khả năng xử lý tình huống. Đưa ra các phương pháp học giúp cho sinh viên có thể dễ nắm bắt được kiến thức nhất.
--	--	--	--	--	---

76	Đại học	Đề xuất phương pháp học thành ngữ hiệu quả cho sinh viên Ngôn ngữ Trung trường Đại học Thủ Dầu Một	Lê Thị Cúc Phương	ThS.Đoàn Văn Hảo	Ngày nay Trung Quốc là một trong những quốc gia phát triển nhất trên thế giới và ngày càng có nhiều người học tiếng Trung. Nhiều chuyên gia, học giả nghiên cứu và quan tâm đến tiếng Hán. Nhiều sinh viên đại học cũng chú ý đến thành ngữ tiếng Trung khi học tiếng Trung, chúng ta cũng biết rằng một người học ngoại ngữ đã không dễ dàng, hiện nay để học tốt thành ngữ lại càng khó hơn, bởi vì thành ngữ rất phức tạp và có nhiều loại. Là những câu chuyện có cấu trúc khác nhau. Đơn giản thì có nhiều loại số như ba ký tự, bốn ký tự, năm ký tự, v.v. Vì vậy, bài viết chọn nghiên cứu đề tài này nhằm đề xuất một số biện pháp giúp sinh viên đại học chuyên ngành tiếng Trung Khoa Ngoại ngữ trường Đại học Thủ Dầu Một học tốt thành ngữ tiếng Trung, hiểu sâu hơn về thành ngữ và sử dụng thành ngữ thành thạo. Luận án này chủ yếu thảo luận từ năm chương, chương đầu tiên là phần giới thiệu của luận án này. Trước hết là trình bày cơ sở chọn đề tài, bối cảnh nghiên cứu và ý nghĩa nghiên cứu của bài báo. sử dụng thành ngữ và hiểu rõ hơn về văn hóa Trung Quốc. Sau đó là phần giới thiệu phương pháp nghiên cứu, thực trạng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của luận án. Nội dung chính của chương hai của luận án là phân tích và tìm hiểu thành ngữ Trung Quốc, nội dung bao gồm trước tiên là phân tích khái niệm và đặc điểm của thành ngữ Trung Quốc, thứ hai là phân tích cấu tạo và phân loại thành ngữ Trung Quốc, sau đó là phân tích nguồn gốc của thành ngữ Trung Quốc. Chương 3 của luận án là tiến hành khảo sát việc học thành ngữ của sinh viên chuyên ngành tiếng Trung trường Đại học Thủ Dầu Một. Phần thứ tư của luận văn là nội dung quan trọng nhất của luận văn,
----	---------	--	-------------------	------------------	--

					chương chính là đưa ra một số phương pháp học thành ngữ hiệu quả cho sinh viên chuyên ngành Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một: Lưu ý và phương pháp học chủ yếu: một số lỗi sai thường mắc phải, và học thành ngữ là quan trọng nhất. Việc dạy thành ngữ trong dạy học tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ: một số phương pháp được đề xuất cho giáo viên để học sinh hứng thú và hiệu quả trong việc học thành ngữ tiếng Trung Quốc. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu và tích lũy thành ngữ một cách hiệu quả: nêu một số biện pháp tích lũy thành ngữ. Với sự trợ giúp của Internet thuận tiện: Một số phần mềm được đề xuất cho các học giả để học thành ngữ. Bài báo này hy vọng rằng những phương pháp này sẽ có ích cho sinh viên đại học học thành ngữ.
77	Đại học	Tìm hiểu về quán dụng ngữ tiếng Trung thường dùng trong giao tiếp	Ngô Thị Thu Vy	ThS.Đoàn Văn Hảo	Tiếng Trung luôn được coi là tinh hoa của văn hóa Trung Quốc, đồng thời cũng là cách giao tiếp của người Trung Quốc từ bao đời nay. Khi nhắc đến tiếng Trung, người ta không thể không nhắc đến những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ, quán dụng ngữ, v.v. Thông qua báo cáo này, tôi muốn truyền đạt đến các bạn rằng một trong những khó khăn và điểm mấu chốt của tiếng Trung là quán dụng ngữ. Như chúng ta đã biết, bất kỳ ngôn ngữ nào cũng bao gồm nhiều yếu tố. Do đó, quán dụng ngữ được coi là một công cụ tuyệt vời trong diễn đạt bằng lời nói. Mặc dù quán dụng ngữ Trung Quốc có hình thức ngắn gọn nhưng nội hàm sâu sắc, sinh động và giàu cảm xúc. Báo cáo này chủ yếu nghiên cứu về khái niệm, nguồn gốc, đặc điểm, cấu tạo và chức năng của thành ngữ. Ngoài ra, báo cáo này cũng tập trung vào việc sử dụng các quán dụng ngữ tiếng Trung thông dụng trong giao tiếp. Tôi hy vọng bài viết này có

					thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho mọi người học tiếng Trung. Ngoài ra, tôi mong rằng bài báo cáo sẽ ít nhiều giúp ích cho những ai có ý định học tiếng Trung, đồng thời hiểu được quán dụng ngữ tiếng Trung, đem lại nguồn cảm hứng tốt trong quá trình học quán dụng ngữ.
78	Đại học	Nghiên cứu thái độ học tập môn Tiếng Trung Quốc không chuyên của sinh viên ngành Ngôn Ngữ Anh trường Đại học Thủ Dầu Một	Bùi Thị Lan Hương	ThS.Đoàn Văn Hảo	Báo cáo này chủ yếu nghiên cứu về khái niệm, nguồn gốc, đặc điểm, cấu tạo và chức năng của thành ngữ. Ngoài ra, báo cáo này cũng tập trung vào việc sử dụng các thành ngữ tiếng Trung thông dụng trong giao tiếp. Tôi hy vọng bài viết này có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho mọi người học tiếng Trung. Ngoài ra, tôi mong rằng bài báo cáo sẽ ít nhiều giúp ích cho những ai có ý định học tiếng Trung, đồng thời hiểu được thành ngữ tiếng Trung, đem lại nguồn cảm hứng tốt trong quá trình học thành ngữ.
79	Đại học	Giải pháp nâng cao vốn từ vựng tiếng Trung đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một	Đặng Nguyễn Kiều Mỹ	ThS.Đoàn Văn Hảo	Từ vựng đóng vai trò quan trọng trong việc học và sử dụng tiếng Trung. Trong việc học và rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ như nghe, nói, đọc, viết. Từ vựng giúp người học hiểu hầu hết các thông tin được truyền đạt qua văn bản, nghe bài giảng và giao tiếp với người khác. Trong thời đại công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước ngày nay và thời đại công nghệ thông tin thịnh hành trong bối cảnh toàn cầu hóa, ngoại ngữ đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo cũng như trong sự phát triển của các quốc gia. Chính vì vậy em muốn nghiên cứu vấn đề “Giải pháp nâng cao vốn từ vựng tiếng Trung đối với sinh viên ngành Ngôn Ngữ Trung Quốc Trường Đại học Thủ Dầu Một”. Mục đích của nghiên cứu này là điều tra việc sử dụng các phương pháp học từ vựng để mở rộng vốn từ và nâng cao kỹ năng giao tiếp của sinh viên.

80	Đại học	So sánh cách sử dụng của cặp từ "yidianer" và "yixie"	Nguyễn Thanh Thiên Ngọc	ThS.Đoàn Văn Hảo	Trong tiếng Trung hiện đại, lượng từ được chia thành hai loại: vật lượng từ và động lượng từ. Các vật lượng từ thể hiện đơn vị tính của người và vật, chẳng hạn như "một" trong "một người". Các động lượng từ cho biết số lượng hành động và tổng lượng thời gian xảy ra, chẳng hạn như "lần" trong "xem ba lần" và "ngày" trong "xem ba ngày". Lượng từ trong tiếng Hán hiện đại và lượng từ trong tiếng Việt có nhiều điểm giống nhau, nhưng cũng có nhiều điểm khác biệt. Những điểm giống và khác nhau về lượng từ giữa tiếng Hán và tiếng Việt rất khó để sinh viên Việt Nam đang học tiếng Trung hiện đại nắm bắt được, vì vậy khi sử dụng các lượng từ trong tiếng Trung, việc mắc lỗi là điều thường gặp và khó tránh khỏi. Khi học sinh Việt Nam học tiếng Trung, các lượng từ khá phổ biến là "dian", "xie", v.v. Các cụm từ cố định phổ biến nhất khi sử dụng "dian" và "xie" là "yidianer", "yixie". Giữa "yidianer" và "yixie" luôn tồn tại sự khác biệt, điều này gây khó khăn cho học sinh Việt Nam khi học và nắm vững "yidianer" và "yixie". Bài viết này sẽ tiến hành nghiên cứu so sánh giữa hai từ "yidianer" và "yixie" trong tiếng Trung hiện đại. Để hoàn thành báo cáo này, bài báo đã áp dụng các phương pháp nghiên cứu sau: thứ nhất là phương pháp nghiên cứu tài liệu, nghiên cứu tài liệu có liên quan của những người đã nghiên cứu trước đó; thứ hai, phương pháp phân tích so sánh; thứ ba, phương pháp khảo sát. Bài báo có các nội dung như sau: Phần mở đầu chủ yếu đề cập đến một số khái niệm cơ bản về lượng từ "yidianer" và "yixie" tiếng Hán hiện đại và tiếng Việt, tình hình nghiên cứu, đồng thời trình bày tóm tắt lý do chọn đề tài này, ý
----	---------	---	-------------------------	------------------	---

					nghĩa nghiên cứu và nội dung nghiên cứu. Phần đầu tiên là về các đặc điểm ngữ pháp và ngữ nghĩa của "yidianer" và "yixie" trong tiếng Hán hiện đại. Trước hết, phân phát âm và ngữ nghĩa của "yidianer" và "yixie" được phân tích. Tiếp theo, thực hiện phân tích đặc điểm ngữ pháp và đặc điểm ngữ nghĩa của "yidianer" và "yixie". Cuối cùng, thực hiện nghiên cứu so sánh giữa "yidianer" và "yixie". Những thiếu sót của bài viết này: có ít tài liệu nghiên cứu về "yidianer" và "yixie", mặc dù một số sách ngữ pháp tiếng Trung do các học giả Việt Nam xuất bản có đề cập đến "yidianer" và "yixie", nhưng chúng không toàn diện, vì vậy tài liệu tham khảo là không đủ. Phạm vi nghiên cứu của phiếu điều tra không đủ lớn, chỉ điều tra là sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc Đại học Thủ Dầu Một. Cuối cùng, tôi hy vọng báo cáo này có thể nâng cao hiểu biết về "yidianer" và "yixie" cho những người mới bắt đầu học tiếng Trung.
81	Đại học	Đối chiếu từ "huozhe" trong tiếng Hán hiện đại với từ tương ứng trong tiếng Việt	Nguyễn Thị Yến Nhi	ThS.Đoàn Văn Hảo	Trong tất cả các phương tiện con người sử dụng để giao tiếp, ngôn ngữ là phương tiện duy nhất có thể đáp ứng mọi nhu cầu của con người. Ngôn ngữ đóng vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống. Hiện nay, tiếng Hán có ảnh hưởng lớn đến nhiều quốc gia. Đặc biệt ở Việt Nam, tiếng Hán sớm được đưa vào quá trình giảng dạy. Mặc dù tiếng Hán và tiếng Việt có một số từ có nghĩa và cách dùng giống nhau. Nhưng trong quá trình học tập, mọi người sẽ không tránh khỏi những sai sót. Vì vậy, để thuận tiện cho việc học tiếng Hán, tôi chọn từ “hoặc” để phân tích và so sánh với từ tương đương trong tiếng Việt. Mục đích chính là để hiểu rõ hơn về ngữ nghĩa và cú pháp của "huozhe" và m

					rộng kiến thức chuyên sâu liên quan đến nó. Bài này được chia thành bốn chương: Chương đầu tiên là phần mở , chủ yếu giới thiệu bối cảnh nghiên cứu, ý nghĩa nghiên cứu, tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phương pháp nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu. Chương hai nghiên cứu đặc điểm ngữ nghĩa và ngữ pháp của từ “huozhe” trong tiếng Hán hiện đại. Chương ba nghiên cứu đặc điểm ngữ nghĩa và ngữ pháp của các từ tương ứng với “huozhe” trong tiếng Việt. Chương 4 so sánh từ “huozhe” trong tiếng Hán hiện đại và từ tương đương trong tiếng Việt, tìm ra những điểm giống và khác nhau về ngữ nghĩa và ngữ pháp. Thông qua bài văn này, tôi hy vọng nó sẽ là tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy tiếng tiếng Hán tại Việt Nam. Đồng thời giúp mọi người sử dụng từ "huozhe" một cách chính xác và hiệu quả.
82	Đại học	So sánh từ "hao" trong tiếng Trung Quốc hiện đại và từ "tốt" trong tiếng Việt	Huỳnh Thị Thu Phiên	ThS.Đoàn Văn Hảo	Để hiểu rõ bản chất trong giao tiếp của một ngôn ngữ cụ thể, không những cần xem xét nói một cách toàn diện từ lý thuyết đến ứng dụng thực tiễn mà còn phải có sự so sánh đối chiếu giữa các ngôn ngữ để tìm ra sự tương đồng và khác biệt. Tôi chọn đề tài “So sánh từ “hảo” trong tiếng Hán hiện đại và từ “tốt” trong tiếng Việt” với mục đích nghiên cứu là góp phần hiểu biết rộng hơn, toàn diện hơn về lý thuyết ngữ pháp tiếng Việt, đồng thời bổ sung thêm tư liệu hữu ích cho việc học tập, nghiên cứu và dịch thuật tiếng Hán ở nước ta. Để đạt được các mục đích nghiên cứu nêu trên, nhiệm vụ cần hoàn thành của bài báo này bao gồm: phân tích tổng hợp và quy nạp những điểm giống và khác nhau giữa từ “好” trong tiếng Hán hiện đại và từ “tốt” trong tiếng Việt;

					trong quá trình phân tích từ “好” trong tiếng Hán hiện đại chỉ ra nghĩa và cách dùng, từ đó làm rõ đặc điểm ngữ nghĩa, cú pháp của hình thức liên quan đến từ “好”; so sánh từ “好” trong tiếng Hán hiện đại với từ “tốt” trong tiếng Việt, chỉ ra những điểm giống và khác nhau giữa từ “好” và từ “tốt”. Từ đó có thể kết luận rằng từ “tốt” trong tiếng Việt và từ “好” trong tiếng Trung Quốc có phần khác nhau về ngữ nghĩa và cú pháp.
83	Đại học	Nâng cao kỹ năng dịch hiện trường cho sinh viên ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một thông qua thực tập doanh nghiệp	Trần Dương Anh Thư	ThS.Đoàn Văn Hảo	Với việc tiếng Trung ngày càng phổ biến, số lượng người học ngôn ngữ này cũng tăng lên, nhu cầu của xã hội đối với nhân tài tiếng Trung ngày càng tăng, đồng thời yêu cầu về kỹ năng nghề tiếng Trung cũng ngày càng cao. Trước đây, nhiều doanh nghiệp sẽ cung cấp phiên dịch viên chuyên nghiệp tương ứng cho các sự kiện kinh doanh liên quan đến nước ngoài và những phiên dịch viên này thường là sinh viên tốt nghiệp đại học. Tuy nhiên, không phải ai cũng thiết lập được phương pháp học hiệu quả cho mình trong quá trình học. Đặc biệt, qua điều tra cho thấy sinh viên chuyên ngành tiếng Trung của trường Đại học Thủ Dầu Một gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình phiên dịch tại chỗ. Mặc dù hơn 60% sinh viên tự tin vào kỹ năng dịch thuật của mình, tỷ lệ này vẫn chưa phải là con số tốt nhất. Để giúp giảm bớt gánh nặng học tập cho học viên, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo và đầu ra, chúng ta cần tìm ra những phương pháp phù hợp và áp dụng vào quá trình giảng dạy để nâng cao kỹ năng phiên dịch tiếng Trung của học viên. Vì vậy, luận văn này sẽ bắt đầu từ việc

					tìm hiểu thực trạng học tập chung của sinh viên chuyên ngành tiếng Trung tại trường Đại học Thủ Dầu Một. Sau đó phân tích những khó khăn mà học viên có thể gặp phải trong quá trình phiên dịch Hán Việt và tìm hướng giải quyết. Sau đó tìm hiểu và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến học viên trong quá trình phiên dịch Hán Việt để từ đó đánh giá kết quả phiên dịch của học viên. Cuối cùng, đề xuất các phương pháp dịch hiệu quả nhất và có thể áp dụng cho sinh viên, sau đó phân tích cách sử dụng để sinh viên kết hợp nhằm thu được kết quả cao nhất.
84	Đại học	Giải pháp nâng cao khả năng khẩu ngữ đối với sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một	Đặng Thị Thùy	ThS.Đoàn Văn Hào	Ngày nay, tiếng Trung đã trở thành ngôn ngữ phổ biến trên thế giới. Nói tiếng Hoa trong các trường đại học ở Việt Nam. Ngôn ngữ nói đóng một vai trò quan trọng trong việc học ngôn ngữ. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc nói. Nhiều hoạt động giúp đỡ học sinh vượt khó đã được triển khai nhưng vẫn còn hạn chế. Tiến hành khảo sát, nghiên cứu phát hiện những khó khăn về dịch thuật của sinh viên khoa tiếng Trung trường Đại học Thủ Dầu Một. Điều tra để tìm ra nguyên nhân sâu xa. Phương pháp nghiên cứu và khảo sát có thể được sử dụng để giải quyết các rào cản dịch thuật của sinh viên khoa tiếng Trung tại Đại học Thủ Dầu Một và đề xuất các chiến lược cải thiện kỹ năng dịch thuật. Bảng câu hỏi nghiên cứu và khảo sát được thiết kế để áp dụng cho các mẫu nghiên cứu và khảo sát. Bài viết này sẽ giúp các bạn sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Đại học Thủ Dầu Một tiến bộ hơn, tự tin giao tiếp hơn và cảm thấy tự hào khi trở thành sinh viên của Khoa tiếng Trung. Ngôn ngữ có vai trò quan trọng trong đời sống con người. Là một công cụ giao tiếp, ngôn ngữ rất

					quan trọng trong việc thể hiện ý định với người khác. Mọi người cũng có thể tiết lộ cảm xúc của họ thông qua việc sử dụng ngôn ngữ. Thực tế là con người không thể tách rời cuộc sống, ngôn ngữ và giao tiếp. Nói chuyện là cách tốt nhất để giao tiếp. Tiếng Trung là một ngôn ngữ thiết yếu được sử dụng như một phương tiện giao tiếp trên toàn thế giới. Nó thể hiện trong các hoạt động kinh doanh, kinh tế, truyền thông, du lịch, truyền thông, v.v. Học tiếng Trung là cách tốt nhất để giúp chúng ta trong tương lai.
85	Đại học	Những lỗi sai trong cách sử dụng quán ngữ dụng của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một	Đào Thị Anh Vân	ThS.Đoàn Văn Hào	Chữ viết và văn hóa là hai khái niệm tưởng chừng không liên quan nhưng thông qua chữ viết của một dân tộc, văn hóa của dân tộc đó cũng được thể hiện rõ nét, thể hiện nét đặc sắc của dân tộc này, đất nước kia. quán ngữ dụng cũng vậy, thông qua ý nghĩa của quán ngữ dụng , văn hóa Trung Quốc cũng được thể hiện một cách cụ thể và rõ ràng nhất. Tuy nhiên, do sự khác biệt lớn về văn hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc, sinh viên Việt Nam cũng dễ bị ảnh hưởng bởi tiếng mẹ đẻ khi học tiếng Trung, đó là lý do tại sao sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc đại học Thủ Dầu khi sử dụng quán ngữ dụng tiếng Trung dễ mắc phải sai lầm. Vì vậy, bài báo cáo này đã chỉ ra những lỗi sai cũng như những nguyên nhân và đưa ra một số biện pháp nhằm giúp sinh viên khoa tiếng Trung trường Đại học Thủ Dầu Một sử dụng quán ngữ dụng đúng cách, tránh mắc lỗi sử dụng, qua đó giúp các bạn hiểu văn hóa Trung Quốc và nâng cao khả năng học quán ngữ dụng , rèn luyện thói quen sử dụng quán ngữ dụng trong giao tiếp, nâng cao hiệu quả giao tiếp, học thêm vốn từ vựng về quán ngữ , từ đó các bạn học sinh chuyên ngành ngôn ngữ Trung

					không còn e ngại hay ngại dùng thành ngữ vì sợ mắc lỗi.
86	Đại học	Phân tích hiệu quả sử dụng giữa từ điển online và từ điển giấy của sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một	Triệu Thị Hà	ThS.Đoàn Văn Hảo	Với “con sốt tiếng Trung” trên toàn thế giới, sinh viên Việt Nam cũng có thêm một sự lựa chọn ngành học để theo học, và ngày càng nhiều sinh viên Việt Nam theo học tiếng Trung. Trong quá trình học tiếng Trung, Từ điển Hán Việt đã đồng hành cùng người học và trở thành trợ thủ đắc lực của họ. Từ điển có tác động rất lớn đến vốn từ vựng mà học sinh nắm vững. Hiện nay, việc nghiên cứu sử dụng từ điển đã dần phát triển, nhưng đối tượng nghiên cứu chủ yếu tập trung vào người học nước ngoài và việc ứng dụng từ điển tiếng Hán, còn thiếu nghiên cứu về việc sử dụng từ điển Hán Việt của sinh viên Việt Nam. Đặc biệt là sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một. Vì vậy, việc nghiên cứu khía cạnh này là hết sức cấp thiết. Qua bài viết này, các bạn học sinh có thể hiểu rõ hơn về ưu nhược điểm của từ điển điện tử và từ điển.
87	Đại học	Tìm hiểu cách sử dụng của các từ "quanbu", "yiqie", "suoyou" trong tiếng Hán hiện đại	Phan Thị Thanh Ngân	ThS.Đoàn Văn Hảo	Trong những năm gần đây, số lượng người học tiếng Trung tăng lên, nhưng chủ yếu là do khi học tiếng Trung, họ phải dịch sang tiếng mẹ đẻ của mình để hiểu nghĩa của câu, nhưng vẫn còn một khoảng cách khi dịch. Sai nghĩa hoặc lỗi ngữ pháp. Ngoài ra, tiếng Trung và tiếng Việt có nhiều điểm tương đồng không chỉ về ngữ âm, từ vựng mà còn về ngữ pháp, ngữ nghĩa. Vì vậy, bài báo cáo này đã chọn nghiên cứu nghiên cứu cách sử dụng của "quanbu", "yiqie" và "suoyou" trong tiếng Hán hiện đại, để có thể tìm hiểu thêm về những từ có nghĩa tương tự. Luận văn này chủ yếu sử dụng các phương pháp phân tích, so sánh đối chiếu,

				phương pháp nghiên cứu văn học. Để từ đó so sánh cả ba từ này với nhau, ngoài ra cũng tìm hiểu thêm các từ tương ứng của ba từ này trong tiếng Việt, tìm ra điểm giống nhau của ba từ với tiếng Việt, dùng đúng và hiểu tư duy logic của người Trung Quốc. Nội dung của luận văn được chia làm 5 chương, chương 1 trình bày cơ sở chọn đề tài, bối cảnh nghiên cứu, ý nghĩa nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu. Chương 2 là cơ sở lý luận. Sau đó là chương 3, nội dung chủ yếu là sự khác biệt giữa 3 từ “quanbu”, “yiqie”, “suoyou”. Nội dung chính của chương 4 là “quanbu”, “yiqie”, “suoyou” trong tiếng Hán hiện đại và các từ tương ứng trong tiếng Việt. Chương 5 là những kiến nghị và mong muốn đối với người học và giáo viên dạy tiếng Trung. Về mặt ngữ pháp, “Quanbu” được dùng như một định ngữ để giới hạn danh từ hoặc cụm danh từ. “Yiqie” cũng có thể làm định ngữ để giới hạn danh từ, cụm danh từ và các thành phần danh từ khác, lúc này, phía sau “yiqie” không cần thêm “de”. “Suoyou” cũng có thể làm định ngữ để giới hạn danh từ và cụm danh từ, nhưng khi “Suoyou” giới hạn danh từ thì thường có chữ “de”, và ở phía trước đó sẽ có một câu để chỉ phạm vi cụ thể. Về mặt ngữ nghĩa, “quanbu” có nghĩa là toàn bộ, tổng thể, thường sử dụng để chỉ sự việc và sự vật. “Yiqie” có nghĩa là tổng thể của một sự vật được bao hàm, chỉ sử dụng để biểu thị sự vật. “Suoyou” có nghĩa là tất cả người trong phạm vi nhất định và đồ vật trong phạm vi nhất định, nhấn mạnh về số lượng. Trên cơ sở kết quả của bài báo này, phân tích và đưa ra một số gợi ý dạy từ
--	--	--	--	---

					vững phù hợp cho sinh viên trong quá trình học tiếng Hán ở Việt Nam, cũng như một số phương pháp học hiệu quả. Hy vọng sẽ cung cấp một tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy tiếng Hán hiện đại ở Việt Nam.
88	Đại học	Tìm hiểu các phó từ cơ bản trong tiếng Trung hiện đại và đối chiếu với phó từ trong tiếng Việt.	Hồ Thị Phụng Nghi	ThS.Đoàn Văn Hảo	Ngôn ngữ là một trong những công cụ giao tiếp quan trọng, để có thể sử dụng thành thạo một ngôn ngữ thì ta cần phải hiểu ngôn ngữ đó. Khi học một ngôn ngữ, phó từ là một trong những phần khó nhất trong ngữ pháp. Vì vậy, bài báo cáo này chọn phó từ trong tiếng Trung hiện đại và đem phó từ phủ định tổng tiếng Trung hiện đại và trong tiếng Việt so sánh với nhau. Bài viết sử dụng năm phương pháp: phương pháp nghiên cứu văn học, phương pháp so sánh, phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết, phương pháp liệt kê và phương pháp quy nạp, trong đó phương pháp nghiên cứu văn học và phương pháp so sánh được sử dụng làm phương pháp chủ yếu. Về nội dung, bài báo cáo này được chia thành 5 chương với nội dung như sau: Nội dung của chương thứ nhất là bối cảnh nghiên cứu và ý nghĩa nghiên cứu; Chương hai là cơ sở lý luận, bao gồm: kiến thức về phó từ thông dụng trong tiếng Hán hiện đại và tìm hiểu sơ lược về phó từ trong tiếng Việt, nghiên cứu về định nghĩa, phân loại, chức năng ngữ pháp và cách sử dụng.;Chương thứ ba là tìm hiểu cách sử dụng các phó từ trong tiếng Trung hiện đại;Chương 4 đối chiếu ý nghĩa ngữ pháp và cấu trúc cú pháp của phó từ phủ định trong tiếng Trung hiện đại và trong tiếng Việt; Chương thứ năm là một số gợi ý cho người học tiếng Trung và một số mong đợi cho người dạy tiếng Trung.
89	Đại học	Tìm hiểu về quan niệm trọng nam khinh nữ	Đặng Thị Thanh	ThS.Đoàn Văn Hảo	Chữ Hán có quan hệ mật thiết với văn hóa Trung Quốc, sự ra đời và phát triển

		trong xã hội phong kiến Trung Quốc thông qua một số chữ Hán có bộ "Nữ"			của chữ Hán phản ánh nền văn hóa lâu đời của dân tộc Trung Hoa. Chữ Hán là loại ký tự tượng hình độc nhất vô nhị trên thế giới, không chỉ là ký hiệu để ghi lại ngôn ngữ Trung Quốc mà còn là ký hiệu ba chiều mang tri thức khoa học và khái niệm văn hóa cổ đại. Chữ Hán thuộc hệ thống chữ tượng hình nên bản thân mỗi chữ Hán đều chứa đựng những yếu tố văn hóa phong phú. Như chúng ta đã biết, chữ Hán không chỉ là ký hiệu để người Hán ghi lại lịch sử, mà còn phản ánh các hiện tượng văn hóa khác nhau trên nhiều phương diện. Phụ nữ là thành viên không thể thiếu của xã hội loài người. Từ xa xưa, dù ở xã hội mẫu hệ hay phụ hệ, dù ở ngoài xã hội hay trong gia đình, người phụ nữ luôn gánh vác những trọng trách quan trọng. Họ là hiện thân của vẻ đẹp cuộc sống, suốt đời họ luôn hy sinh vì người khác, nhân cách cao đẹp của họ đáng được muôn đời ca ngợi. Mặc dù người phụ nữ có địa vị cao trong xã hội mẫu hệ nhưng địa vị của phụ nữ lại rất thấp trong xã hội phong kiến, đặc biệt là do chịu ảnh hưởng của quan niệm “trọng nam khinh nữ”. Bên cạnh thiện ý tích cực, chữ Hán bên cạnh bộ "Nữ" còn chứa những hàm ý tiêu cực liên quan mật thiết đến quan niệm “trọng nam khinh nữ” trong xã hội phong kiến Trung Quốc. Trọng tâm của bài viết này là tìm hiểu quan niệm trọng nam khinh nữ trong xã hội phong kiến Trung Quốc thông qua một số chữ Hán có bộ "Nữ", đồng thời đề xuất biện pháp xóa bỏ quan niệm này.
90	Đại học	So sánh thói quen sử dụng chữ số trong thành ngữ của Việt Nam và Trung Quốc	Đào Thị Cẩm Tiên	ThS. Đoàn Văn Hảo	Tiếng Trung đã và đang ngày càng phổ biến trên thế giới, đặc biệt là Việt Nam. Đối với sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc tại Việt Nam, từ vựng tiếng Trung chính là một trong những yếu tố không thể thiếu để nâng cao trình

					độ tiếng Trung của mình, đặc biệt một trong những cách học từ vựng mà sinh viên hứng thú nhất đó là học thông qua thành ngữ. Khá giống với thành ngữ tiếng Việt, thành ngữ tiếng Trung là trí tuệ của dân tộc Trung Hoa, có vị trí đặc biệt quan trọng trong bất kỳ môi trường giao tiếp nào. Bản thân thành ngữ có cấu trúc đặc biệt và nội hàm văn hóa sâu sắc. Đặc biệt thành ngữ số, là một trong những thành phần quan trọng của thành ngữ, có rất nhiều loại thành ngữ số, đa dạng đa màu sắc. So sánh và phân tích đặc điểm của thành ngữ số trong hai ngôn ngữ về mặt ngôn ngữ, diện mạo ngôn ngữ và giá trị ngôn ngữ để giúp người học tiếng Trung nắm cụ thể các thành ngữ số để sử dụng đúng, tránh mắc lỗi trong thực tế.
91	Đại học	Nghiên cứu khảo sát về định hướng việc làm của sinh viên D19 ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Đình Vinh	ThS.Đoàn Văn Hào	Đa số sinh viên định hướng việc làm theo hướng phù hợp với chuyên môn được đào tạo và điều đó thể hiện rõ nét khi sinh viên định hướng những công việc cụ thể liên quan tới ngành học. Tôi nghĩ hầu hết sinh viên mong muốn làm công việc đúng chuyên môn, phù hợp năng lực. Có rất nhiều các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng việc làm của sinh viên, song trong nghiên cứu này tập trung vào các yếu tố ảnh hưởng như trường học, gia đình và cá nhân sinh viên. Trong đó, yếu tố trường học là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến định hướng việc làm của sinh viên. Bên cạnh đó, yếu tố gia đình cũng có ảnh hưởng rất lớn đến việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai của con cái. Vì thế, tôi nghĩ rằng cần phải “Nghiên cứu khảo sát về định hướng việc làm của sinh viên D19 ngành Ngôn ngữ Trung Quốc Trường Đại học Thủ Dầu Một”

92	Đại học	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp học từ vựng tiếng Trung hiệu quả của sinh viên khoa ngôn ngữ Trung Quốc Trường Đại Học Thủ Dầu Một	Trần Thị Ngọc Giang	ThS.Đào Chí Hiếu	Chúng ta biết rằng các thành phần của tiếng Trung là phát âm, ngữ pháp và từ vựng, trong việc học tiếng Trung, từ vựng là nội dung cốt lõi của việc học ngôn ngữ. Là một phần không thể thiếu của ngôn ngữ, từ vựng đóng một vai trò quan trọng trong quá trình học ngôn ngữ. Nhiệm vụ đầu tiên trong việc học một ngôn ngữ là nắm vững từ vựng và thực hành sử dụng nó. Từ vựng là yếu tố cơ bản cần thiết để thông thạo một ngôn ngữ. Mục đích của việc học một ngôn ngữ thứ hai là để giao tiếp. Khi chúng ta học một ngôn ngữ, chúng ta cần thành thạo 4 kỹ năng đó là nghe, đọc, nói và viết. Đồng thời, kiến thức về từ vựng là nền tảng đối với họ. Không thể hiểu một câu mà không biết nghĩa của hầu hết các từ. Thiếu kiến thức từ vựng ảnh hưởng đến cả bốn kỹ năng ngôn ngữ. Thật không may, nhiều sinh viên cảm thấy khó nắm vững từ vựng. Thiếu kiến thức từ vựng đầy đủ là một trở ngại rõ ràng và nghiêm trọng đối với nhiều sinh viên học tiếng Trung Quốc như một ngôn ngữ thứ hai. Bản thân người học dễ dàng thừa nhận rằng họ gặp khó khăn đáng kể với từ vựng và hầu hết người học cho rằng việc tiếp thu từ vựng là vấn đề lớn nhất của họ. Đồng thời, từ vựng là một lĩnh vực đã bị bỏ quên trong việc giảng dạy ngoại ngữ trong nhiều năm. Từ vựng là một vấn đề lớn, đặc biệt đối với sinh viên đến từ các nước châu Á. Từ vựng rất lớn và cần có thời gian để thành thạo nó, ngay cả đối với người nói tiếng Anh bản địa. Tầm quan trọng của tiếng Trung đã được chứng minh qua từng ngày, ngày càng có nhiều người học và sử dụng tiếng Trung mỗi ngày. Hiện nay, tiếng
----	---------	---	---------------------	------------------	--

					Trung là ngôn ngữ được nhiều người trên thế giới chọn học như ngôn ngữ thứ hai. Vì vậy, việc học từ vựng tiếng Trung cũng vô cùng quan trọng và cần thiết. Kỹ năng ngôn ngữ Trung Quốc giúp ích rất nhiều. Tiếng Trung là ngôn ngữ được hơn 1/5 dân số thế giới sử dụng rộng rãi, và nó đã được đưa vào chương trình giảng dạy của các trường đại học Mỹ. Lựa chọn học tiếng Trung luôn được mọi người lựa chọn là ngôn ngữ thứ hai sau tiếng Anh. Học một ngôn ngữ không phải ngôn ngữ mẹ đẻ của họ là một thách thức thực sự đối với nhiều người. Khi bắt đầu, từ vựng là nền tảng để bắt đầu. Vốn từ vựng phong phú sẽ giúp bạn rất nhiều trong việc phát triển và trau dồi các kỹ năng khác hiệu quả hơn. Vì vậy, chúng ta cần phải có phương pháp học phù hợp với mình.
93	Đại học	Nâng cao hiệu quả học chữ Hán thông qua bộ thủ đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một	Phan Thị Kim Oanh	ThS.Đào Chí Hiếu	Nhiều người học tiếng Trung ở Việt Nam cảm thấy chữ Hán khó học, bài viết này chủ yếu thảo luận về bộ thủ dùng trong việc học chữ Hán. Luận văn này tìm hiểu quá trình nhận thức chữ Hán của người học tiếng Trung và nghiên cứu các chiến lược học chữ Hán mà họ sử dụng. Nội dung khảo sát bao gồm: mô tả và tổng kết kinh nghiệm học chữ Hán và quá trình nhận biết chữ Hán; kiến thức về cấu trúc chữ Hán và bộ thủ có thể được sử dụng trong quá trình nhận biết chữ Hán để kiểm tra mức độ hiểu biết của người học đối với bộ thủ . Bài viết này chỉ ra vấn đề khiếm khuyết trong việc học cấu trúc chữ Hán trong tiếng Trung, để người học chú ý nhiều hơn đến việc học tập bộ thủ cấu trúc chữ Hán, trong khi người học cũng học cấu trúc chữ Hán trong quá trình tiếp

					thu tiếng Trung, nhưng ít chú ý đến việc học bộ thủ. Thông thường người học tiếng Trung thường sử dụng ba phương pháp học và nhận thức chữ Hán, đó là sử dụng phương pháp nghiên cứu, phương pháp khảo sát, v.v. Bố cục luận án (1) Phương pháp cơ học - học viết chữ Hán theo thứ tự bút nét thuận, luyện theo sách vở; (2) Phương pháp phân tích - phân tích các thành phần chữ Hán, liên tưởng (3) Phương pháp tổng hợp.
94	Đại học	Nghiên cứu lời chào hỏi trong tiếng Hán hiện đại	Nguyễn Minh Phương Thảo	ThS.Đào Chí Hiếu	Lời chào hỏi là một nét đẹp văn hóa ứng xử, thể hiện nhân cách, đạo đức, trình độ văn minh hiện đại của con người và xã hội. Đặc biệt chào hỏi ở Trung Quốc được xem là một trong những hình thức giao tiếp quan trọng nhất. Sử dụng lời chào một cách chính xác và khôn ngoan sẽ giúp người chào và người được chào cảm nhận được sự tôn trọng, thoải mái với nhau, từ đó giúp cho cuộc hội thoại và mối quan hệ trong tương lai có phát triển hơn. Lời chào trong tiếng Trung hiện đại rất đa dạng và phong phú, vì thế người học nên tìm hiểu các cách chào hỏi phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh để tránh xảy ra những lỗi không hay. Để hoàn thành báo cáo này, tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau, bao gồm: phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp phân tích tài liệu và phương pháp thu thập tài liệu. Trong bài viết này, tôi đã tìm hiểu tổng quan về cách chào hỏi của người Trung Quốc, sau đó là tìm hiểu mối quan hệ giữa 问候语, 招呼语 và 寒暄语, cuối cùng là trọng tâm nghiên cứu, bao gồm: hình thức chào hỏi trong tiếng trung hiện đại, các câu chào thường dùng trong xã giao, các câu chào thường dùng trong gia đình và cấu trúc câu, giọng điệu lời

					chào. Lời chào hỏi mặc dù rất đơn giản, nhưng nó lại mang ý nghĩa to lớn. Chào hỏi được xem là nét đẹp văn hóa của Trung Quốc cũng như là cách thức giao tiếp hiệu quả giữa người với người, vì thế việc lựa chọn lời chào hỏi cho phù hợp là điều quan trọng nhất khi học tập và tìm hiểu về Trung Quốc.
95	Đại học	Nâng cao kỹ năng đánh máy tiếng Trung của sinh viên khóa D19 ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một	Phùng Đăng Thái Trân	ThS.Đào Chí Hiếu	Giáo trình tiếng Trung của trường tập trung vào các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Kỹ năng đánh máy là tự trang bị. Không phải sinh viên nào cũng có cơ hội hoặc môi trường để gõ nhiều. Và đây cũng là một trong những kỹ năng quan trọng cho việc làm sau này của sinh viên. Yêu cầu học sinh phải nghiên cứu, đào sâu và tự hoàn thiện, tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế như tốc độ chậm, nhầm lẫn hoặc quên từ mới. Bản thân tôi cũng gặp khó khăn tương tự, và D19, khóa học chuẩn bị tốt nghiệp và tìm việc, yêu cầu sinh viên trong khóa học này cải thiện kỹ năng đánh máy tiếng Trung hơn bất kỳ khóa học nào khác trong khóa học này. Vì vậy, tôi quyết định chọn “Nâng cao kỹ năng gõ tiếng Trung cho sinh viên khối D19 chuyên ngành tiếng Trung trường Đại học Thủ Dầu Một” làm đề tài nghiên cứu của mình, nhằm tìm ra những hạn chế của sinh viên về khả năng đánh máy, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng quan trọng này. Để hoàn thành báo cáo này, bài báo sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: thứ nhất là phương pháp nghiên cứu tài liệu, thứ hai là phương pháp phân tích logic, thứ ba là phương pháp quy nạp diễn giải và cuối cùng là phương pháp điều tra bằng bảng câu hỏi.

					Bài viết này được chia làm 4 chương: Chương 1: Mở đầu, Chương 2: Kiến thức cơ bản về bàn phím Pinyin, Chương 3: Phương pháp nâng cao kỹ năng đánh máy tiếng Trung, Chương 4: Khảo sát đánh giá kỹ năng đánh máy tiếng Trung của sinh viên khóa D19 chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một. Qua quá trình nghiên cứu, bài viết tìm hiểu việc sử dụng các kỹ năng đánh máy, đặc biệt là kỹ năng đánh máy tiếng Trung của sinh viên khóa D19 chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một. Thông qua cuộc khảo sát, chúng tôi biết được những khó khăn mà sinh viên gặp phải khi đánh máy tiếng Trung và cả tiếng Việt. Có thể thấy được tầm quan trọng của kỹ năng đánh máy. Đồng thời qua bài viết này chúng tôi đề xuất các phương pháp nâng cao kỹ năng đánh máy tiếng Trung, giúp đánh máy nhanh hơn, trôi chảy hơn, nâng cao hiệu quả học tập và công việc. Dù là đánh máy tiếng Trung hay đánh máy tiếng Việt thì chúng ta đều cần có một quá trình để luyện tập và tiến bộ mỗi ngày.
96	Đại học	Tìm hiểu việc dùng từ thuần Việt và Hán Việt trong tục ngữ Việt Nam hiện nay	Mã Thị Kim Ngân	ThS.Đào Chí Hiếu	Tục ngữ là kết tinh của trí tuệ được nhân dân truyền từ đời này sang đời khác, là sự đúc kết kinh nghiệm sống và tâm nguyện của con người, đồng thời cũng phản ánh sâu sắc màu sắc văn hóa của một dân tộc. Trung Quốc và Việt Nam có lịch sử giao lưu văn hóa lâu đời và quan hệ thân thiết, điều này đã có tác động lẫn nhau đến sự hình thành và phát triển của tục ngữ Việt Nam. Vì vậy, thông qua việc tìm hiểu việc sử dụng từ thuần việt và từ hán việt trong tục ngữ Việt Nam hiện nay, hy vọng sẽ giúp nhiều người hiểu hơn về tục ngữ Việt

					Nam. Bài báo này được chia làm 4 chương. Chương 1: Cơ sở lý luận, phần này trình bày đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu. Chương 2: Chủ yếu giới thiệu khái quát đặc điểm cấu trúc, ngữ nghĩa của tục ngữ; từ thuần Việt và từ Hán Việt; phân biệt tục ngữ và thành ngữ. Chương 3: Trọng tâm của bài viết "tìm hiểu việc sử dụng từ thuần việt và từ hán việt trong tục ngữ Việt Nam hiện nay", trong phần này chúng ta tìm hiểu tình hình sử dụng từ Hán Việt và từ thuần Việt trong tục ngữ Việt trên cứ liệu thu thập tục ngữ Việt Nam, từ đó đưa ra thống kê và nhận xét từ thuần Việt và từ Hán Việt chiếm bao nhiêu phần trăm trong tục ngữ Việt Nam. Chương 4: Kết luận.
97	Đại học	Nghiên cứu tính hiệu quả của việc vận dụng các phương pháp dạy học vào dạy bài tập sắp xếp câu cho học sinh lớp tiếng Trung trường THPT chuyên Hùng Vương (Bình Dương)	Nguyễn Đăng Quang Ngọc	ThS.Đào Chí Hiếu	Trải qua khoảng thời gian thực tập hơn 6 tháng tại trường THPT chuyên Hùng Vương (tỉnh Bình Dương), tôi nhận thấy kỹ năng làm bài tập Sắp xếp câu của các em học sinh lớp tiếng Trung tại trường còn rất thấp, các em cảm thấy đây là dạng bài tập khó, các em chưa có phương hướng chính xác cũng như cơ sở để làm dạng bài tập Sắp xếp câu này. Chính vì vậy, đề tài mà tôi đưa ra nhằm mục đích giải quyết khó khăn của các em học sinh khi làm dạng bài tập này, cho giáo viên lớp tiếng Trung có cơ sở tìm ra phương hướng giảng dạy phù hợp với trình độ học sinh. Bên cạnh đó, qua bài nghiên cứu này các em sẽ có cái nhìn khái quát hơn về từ loại trong tiếng Trung, cũng như vị trí của nó trong câu. Bài báo cáo sử dụng các phương pháp nghiên cứu chính như sau: phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp điều tra khảo sát và phương pháp phân tích kết quả khảo sát. Bài viết gồm 4 chương chính. Chương 1: Khái quát. Trong chương này, tôi đưa ra lý do nghiên cứu vấn đề, cho người

					đọc thấy được tình hình nghiên cứu của các bài báo, luận văn,..liên quan, nêu ra phương pháp nghiên cứu và mục đích nghiên cứu đề tài này. Chương 2: Cơ sở lý luận. Trong chương này, tôi giới thiệu cho người đọc về trường THPT chuyên Hùng Vương, lớp tiếng Trung của trường, và đưa ra khái niệm phương pháp dạy học là gì. Chương 3: Phân tích kết quả khảo sát. Dựa vào 3 bản khảo sát được phát cho 3 khối lớp tiếng Trung tương ứng, tôi đưa ra các kết luận phục vụ cho bài nghiên cứu của mình. Chương 4: Phương pháp dạy học dạng bài tập Sắp xếp câu. Đối với chương này, tôi một lần nữa khẳng định tính quan trọng của việc áp dụng các phương pháp thích hợp vào giảng dạy bài tập Sắp xếp câu. Bên cạnh đó, dựa vào mức độ làm bài và khảo sát ý kiến của học sinh, tôi đã khái quát về các từ loại trong tiếng Trung và vị trí của chúng trong câu, bao gồm: danh từ, động từ, tính từ, số từ, lượng từ, phó từ, đại từ, từ tượng thanh, từ cảm thán, giới từ, liên từ, trợ từ. Sau đó, tác giả dựa vào tình hình làm bài tập của các em học sinh để đưa ra phương pháp dạy học thích hợp. Cuối cùng là bài tập vận dụng.
98	Đại học	Nâng cao kỹ năng viết đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một	Ngô Thủy Tiên	ThS.Đào Chí Hiếu	Học ngoại ngữ nói chung và học tiếng Hán nói riêng, bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết là rất cần thiết, nhưng kỹ năng viết là một trong những kỹ năng khó khăn nhất do thời gian học có hạn. Viết thường là kỹ năng cuối cùng được học sau nghe, nói và đọc, nên đây cũng là kỹ năng khó thành thạo nhất đối với người học nếu không có đủ thời gian để thực hành. Trong bài viết này tôi đi sâu tìm hiểu mục đích, thái độ học tập của sinh viên, đồng thời tìm ra những hạn chế của một số sinh viên khi học tiếng Trung. Đề xuất một số biện pháp

					nâng cao kỹ năng viết của sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại trường Đại học Thủ Dầu Một. Kết quả nghiên cứu sẽ giúp học sinh học hỏi và sửa chữa sai lầm.
99	Đại học	Nghiên cứu về đặc điểm và cách sử dụng của ngôn ngữ trong tiếng Hán hiện đại.	Nguyễn Mậu Nhật Đô	ThS.Đào Chí Hiếu	Ngạn ngữ là bộ phận quan trọng của ngôn ngữ, có lịch sử lâu đời, nội dung phong phú, ngạn ngữ tiếng Hán phản ánh lối tư duy và tâm lý văn hóa độc đáo của người Trung Quốc, đồng thời cũng mang nội hàm văn hóa sâu sắc. Ngạn ngữ là một cách hiệu quả để truyền bá văn hóa Trung Quốc, là cửa sổ quan trọng để người học tiếng Trung hiểu rõ văn hóa Trung Quốc và đóng một vai trò quan trọng trong cách diễn đạt ngôn ngữ. Khi dạy tiếng Trung cho người học tiếng Trung, việc truyền bá và giảng dạy ngạn ngữ có thể nâng cao hiệu quả học tập của người học và giúp họ hiểu rõ hơn về văn hóa Trung Quốc. Hiện nay, các nghiên cứu về ngạn ngữ chủ yếu tập trung vào các bản thể của ngạn ngữ và so sánh văn hóa giữa ngạn ngữ tiếng Hán và ngạn ngữ nước ngoài, ít có công trình nghiên cứu về đặc điểm của ngạn ngữ và cách dùng của ngạn ngữ tiếng Hán. Để phát huy tốt hơn trong việc truyền bá và giảng dạy tiếng Hán, cần nghiên cứu việc sử dụng ngạn ngữ trong giảng dạy tiếng Hán và một số phương pháp giúp người học hiểu rõ hơn về ngạn ngữ tiếng Hán. Báo cáo này nhằm giúp các bạn học sinh đang học tiếng Hán hiểu rõ hơn về đặc điểm, cách dùng của ngạn ngữ Tiếng Hán, từ đó đưa ra các phương pháp giúp người học học tốt ngạn ngữ Tiếng Hán hơn. Để hoàn thành báo cáo này, bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp so sánh, phương pháp phân loại. Chủ yếu sử dụng các

					phương pháp nghiên cứu nêu trên, bài nghiên cứu về đặc điểm và cách dùng của ngôn ngữ tiếng Hán được chia làm hai phần, phần thứ nhất trình bày khái niệm, cấu tạo, phân loại ngôn ngữ tiếng Hán và giải thích sự khác nhau giữa thành ngữ và ngôn ngữ. Phần thứ hai bàn về ý nghĩa của ngôn ngữ tiếng Hán, chỉ ra vị trí và cách dùng của ngôn ngữ tiếng Hán trong câu. Cuối cùng, trên cơ sở phân tích ở trên, tôi sẽ đề xuất một số giải pháp nhằm giúp người học tiếng Hán hiểu rõ và học tốt ngôn ngữ tiếng Hán hơn.
100	Đại học	Những lỗi sai phổ biến khi sử dụng trợ từ ngữ khí tiếng Trung "de, le, ne, ba, ma, a" trong quá trình học	Hồ Thị Minh Thư	ThS.Đào Chí Hiếu	Từ xa xưa, ngôn ngữ đã là một công cụ quan trọng để mọi người giao tiếp trong xã hội, cho dù đó là giao tiếp mặt đối mặt ở thời cổ đại hay liên lạc qua điện thoại cách xa hàng nghìn dặm trong xã hội hiện đại, ngôn ngữ là phương tiện không thể thiếu trong quá trình giao tiếp. Đồng thời, hầu hết các cuộc giao tiếp giữa mọi người đều thể hiện cảm xúc, vì vậy mọi người thường nói thêm ngữ khí. Ngữ khí trong hội thoại trò chuyện chủ yếu được thể hiện nhờ sự trợ giúp của các trợ từ ngữ khí, phó từ ngữ khí và thán từ. Trong tiếng Trung, việc vận dụng các trợ từ ngữ khí có thể thay đổi linh hoạt tùy theo các cung bậc cảm xúc khác nhau mà người ta muốn thể hiện nên việc học các trợ từ ngữ khí là một khó khăn lớn trong quá trình học tiếng Trung của các bạn chuyên ngành tiếng Trung. Bài viết này chủ yếu sẽ lựa chọn một số trợ từ ngữ khí thường được sử dụng trong giao tiếp hàng ngày của người Trung Quốc là "ba, ma, ne, de, ba, a" để nghiên cứu, phân tích và tổng hợp toàn diện và đưa ra một số gợi ý cho việc học tập.
101	Đại học	Nghiên cứu phương pháp học từ đồng âm	Đoàn Minh Trí	ThS.Đào Chí Hiếu	Khi học một ngoại ngữ thì việc gặp phải từ đồng âm là điều không thể tránh

		cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường đại học Thủ Dầu Một-Lấy từ “pinwei 品味” và “pinwei 品位” làm điển hình.			khỏi, để học những từ đồng âm mà không phải là tiếng mẹ đẻ thì đó là một việc rất khó khăn. Chính vì vậy bài nghiên cứu này nhằm đưa ra những quan điểm cá nhân để sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc trường đại học Thủ Dầu Một nâng cao khả năng học từ đồng âm, đồng thời làm tăng thêm nguồn tài liệu về việc học từ đồng âm. Trong đó bài nghiên cứu này lấy từ “品味” và “品位” làm ví dụ điển hình để dẫn chứng cụ thể.
102	Đại học	Nghiên cứu đặc trưng và cách sử dụng động từ li hợp trong tiếng Hán hiện đại	Chu Nữ Cẩm Nhi	ThS.Đào Chí Hiếu	Trong bối cảnh hiện tại, việc học tiếng Trung trở nên phổ biến và số người học tiếng Trung ngày càng gia tăng nhằm phục vụ học tập cũng như đời sống. Bài luận văn nghiên cứu về động từ li hợp và cách sử dụng của động từ này, giúp người đọc hiểu rõ hơn về nội dung cũng như cách sử dụng động từ li hợp một cách chính xác. Chương 1 chủ yếu về phần giới thiệu cho người đọc về nền tảng, ý nghĩa, cũng như tình trạng nghiên cứu. Qua chương hai sẽ nói rõ hơn về khái niệm, cấu tạo và một số loại động từ li hợp thường dùng trong giao tiếp. Chương ba đề cập những đặc điểm lưu ý khi sử dụng động từ li hợp, nhằm để người đọc có thể hiểu rõ hơn về cấu tạo cũng như các trường hợp lưu ý, tránh dùng bị sai từ dẫn đến câu nói sai về ngữ nghĩa. Chương cuối sẽ tổng kết toàn bộ về nội dung luận văn, đem đến một kiến thức mới giúp người đọc hiểu rõ về động từ li hợp này.
103	Đại học	Giải thích và phân biệt các giới từ dễ nhầm lẫn trong tiếng Trung "xiang, chao, wang".	Nguyễn Thị Diệu Nương	ThS.Đào Chí Hiếu	Ngoài các cấu trúc ngữ pháp quan trọng khác, giới từ cũng đóng một vai trò không thể thay thế trong việc xây dựng các quan hệ cú pháp. Giới từ với cách sử dụng linh hoạt và khó phân biệt bởi dễ nhầm lẫn, điều này mang lại nhiều

					khó khăn cho việc học và sử dụng của sinh viên chuyên Ngành Ngôn Ngữ Trung Trường Đại Học Thủ Dầu Một. Các giới từ có ngữ nghĩa tương tự có độ tương đồng cao hơn và khó phân biệt rõ ràng hơn. Bài báo cáo này chọn lọc các giới từ thường dùng "xiang, chao, xiang" để phân tích nhằm giúp các bạn sinh viên phân nào nắm bắt chính xác cách sử dụng giới từ và học tiếng Trung .Bởi vậy dựa theo tình hình thực tế trên, việc sử dụng giới từ của sinh viên Khoa Ngoại Ngữ Ngành Ngôn Ngữ Trung Trường Đại ọc Thủ Dầu Một đang là một vấn đề cần được quan tâm rất nhiều , theo tình hình khảo sát thực tế phần đa sinh viên năm 2, năm 3 đối với giới từ “ chao , xiang, wang “ đang rất mơ hồ. Với mong muốn cùng nhau giải quyết những khó khăn trong việc học tiếng trung và đặc biệt là sử dụng giới từ, em lựa chọn thực hiện bài báo cáo “ giải thích và phân biệt các giới từ dễ nhầm lẫn trong Tiếng Trung “ chao, xiang , wang ”.
104	Đại học	Phân tích so sánh trợ từ ngữ khí trong tiếng hán (de 的、a 啊、ba 吧、ma 吗、ne 呢、le 了、la 啦、ma 嘛) và tiếng việt (chứ /đâu, nhỉ, nhé/chứ, à/ạ, hử /hả, rồi/đấy, mà)	Lê Thị Lâm Trà	ThS.Đào Chí Hiếu	Bài nghiên cứu lấy tiếng Hán làm cơ sở, tiến hành so sánh trợ từ ngữ khí giữa tiếng Hán và tiếng Việt. Mục đích thông qua so sánh có thể tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt về cách dùng và ý nghĩ của trợ từ ngữ khí trong hai ngôn ngữ, từ đó giúp cho người nghiên cứu có thể tiếp thu kiến thức nhanh hơn và tư duy hơn trong quá trình học tiếng Hán. Là một sinh viên chuyên ngữ, việc phân biệt sự giống nhau và khác nhau giữa ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ nước ngoài được học là một điều hết sức quan trọng. Khi có sự đối chiếu cụ thể, rõ ràng hơn sẽ giúp cho sinh viên tránh được những lỗi sai, thông qua đó có thể đạt được khả năng giao tiếp lưu loát hơn, tốt hơn.

105	Đại học	Nghiên cứu so sánh các liên từ: bing, he, er trong tiếng Hán hiện đại.	Trần Yến Nhi	ThS.Đào Chí Hiếu	Trong tiếng Hán hiện đại, ba liên từ “并, 和, 而” thường được sử dụng thường xuyên trong sách vở và văn nói. Ba liên từ này nhìn chung rất đơn giản, nhưng để sử dụng cho chính xác lại là một điều khó khăn. Bởi vì, ba từ này có nghĩa gần như giống nhau, và so với các từ tương tự trong tiếng Việt, nó có cùng nghĩa với từ “và, với, cùng”. ngược lại, do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ trong quá trình học nên chúng ta dịch theo kiểu “từng chữ một” khiến câu văn vô tình bị sai hoặc sai nghĩa.
106	Đại học	Nghiên cứu so sánh từ mượn "halou" và từ gốc tiếng Trung "nihao".	Đoàn Thị Ngọc Lánh	ThS.Đào Chí Hiếu	Bài viết nghiên cứu giới thiệu về bối cảnh nghiên cứu, tình hình nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của đề tài này. Nội dung chính là nói về đặc điểm nguồn gốc và cách sử dụng của từ mượn "Halou" với từ gốc Trung Quốc "Nihao" , so sánh và chỉ ra điểm giống nhau và sự khác biệt giữa hai từ. Bởi vì có sự khác biệt về nguồn gốc, nên cũng có sự khác biệt về cách sử dụng.
107	Đại học	Nghiên cứu đối chiếu chữ “lũ” trong tiếng Trung và chữ " xanh " trong tiếng Việt.	Nguyễn Ngọc Hậu	ThS.Đào Chí Hiếu	Trong bối cảnh ngữ nghĩa ở Việt Nam, từ chỉ màu sắc cũng khá quan trọng giữa hai nước Việt-Trung. Vì vậy, bài báo cáo hôm nay sẽ cho mọi người biết được từ " XANH " trong tiếng Việt mang từ loại gì ? Và nó mang hình ảnh ẩn dụ về điều gì?
108	Đại học	Thực trạng học tiếng Trung tại Trường đại học Thủ Dầu Một .	Phạm Thị Cẩm Nhung	ThS.Đào Chí Hiếu	Những năm gần đây, việc sử dụng tiếng Trung ở Việt Nam có thể nói đã ngày càng phổ biến, đất nước ngày càng phát triển, nhất là việc xúc tiến phát triển kinh tế Việt- Trung nên việc sử dụng tiếng Trung đã phổ biến khắp mọi nơi, đặc biệt là trên địa bàn tỉnh Bình Dương, Tiếng Trung trở thành ngôn ngữ phổ biến nhất chỉ sau tiếng Anh. Và một thực tế nữa cho thấy hầu hết sinh viên

					học tiếng Trung trong các trường đại học chưa ý thức được lợi ích của việc học ngôn ngữ này. Bài báo cáo chủ yếu nêu ra được tầm quan trọng của việc học tiếng trung trong thời đại mới , thực trạng học tiếng Trung tại trường Đại học Thủ Dầu Một, một số tồn tại và hướng giải quyết. Giúp cho những sinh viên trong ngành có cái nhìn tổng quan hơn nữa về chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, vị thế đứng của nó trong xã hội hiện tại và từ đó góp phần tích cực nâng cao hiệu quả học tiếng Trung.
109	Đại học	So sánh phương pháp học tiếng Trung của người tự học và phương pháp học tiếng Trung của sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một.	Trịnh Trọng Tú	ThS.Đào Chí Hiếu	Với sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế trên thế giới , Trung Quốc đang dần khẳng định tầm quan trọng của Tiếng Trung, và hiện nay đây cũng được xem là 1 thứ ngôn ngữ vô cùng hot và được rất nhiều người sử dụng. Giới trẻ bị cuốn hút theo các trend bắt nguồn từ Trung Quốc, cũng có rất nhiều người từ mọi lứa tuổi vì những lý do cá nhân nên cũng tìm đến việc học tập Tiếng Trung. Tuy nhiên học tiếng Trung lại chia thành 2 con đường : "Tự học" và "học dưới sự hướng dẫn của giáo viên". Và bài nghiên cứu này em chủ yếu muốn đi tìm hiểu về cách học của các bạn bên "tự học" và của các bạn "học có giáo viên hướng dẫn" để biết rõ hơn về điểm mạnh của mỗi phương pháp ,cũng như với mỗi cách học khác nhau thì mỗi bên sẽ có điều gì nổi bật hơn. Và bài nghiên cứu này nghiên cứu về 2 kỹ năng chính là NGHE và Nói.
110	Đại học	Nghiên cứu lỗi phát âm tiếng Trung của sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc tại các trường đại học ở miền Nam Việt Nam	Nguyễn Thị Tú Nhi	TS. Phùng Nguyễn Trí Thông	Chúng ta đều biết, sinh viên theo học ngành ngôn ngữ Trung Quốc ở miền Nam nước ta đến từ khắp mọi vùng miền của Tổ Quốc như miền Bắc, miền Trung, miền Nam và miền Tây. Cho nên bài nghiên cứu “Nghiên cứu lỗi phát âm tiếng Trung của sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc tại các trường đại

					học ở miền Nam Việt Nam.” này có thể xem là bài nghiên cứu về mặt phát âm của sinh viên đến từ các trường đại học có ngành ngôn ngữ Trung Quốc ở miền Nam và các trường đại học có ngành ngôn ngữ Trung Quốc trên cả nước.
111	Đại học	Nghiên cứu về ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc đến đời sống người dân Việt Nam.	Đặng Thị Ngọc Trâm	TS. Phùng Nguyễn Trí Thông	Từ xưa đến nay, “số” đã là một khái niệm tương đối quen thuộc. Ban đầu nó chỉ là một ký hiệu đếm, nhưng trong quá trình sử dụng lâu dài, mọi người bắt đầu gán cho nó nhiều ý nghĩa và nội hàm khác nhau. Ở Trung Quốc, mỗi con số đều mang trong mình những ý nghĩa riêng biệt, là một quốc gia có lịch sử lâu đời, các con số luôn tồn tại trong văn hóa, thành ngữ của Trung Quốc theo một cách riêng biệt, những nét đẹp văn hóa Trung Quốc được thể hiện rõ qua góc nhìn đặc biệt của các con số.
112	Đại học	Tìm hiểu về từ vay mượn Ấn Âu trong hai ngôn ngữ Hán - Việt	Phan Thị Huyền Trang	TS. Phùng Nguyễn Trí Thông	Trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc tiếp xúc giữa các ngôn ngữ là điều không tránh khỏi. Vay mượn từ vựng là một sản phẩm của quá trình tiếp xúc này khi có sự trao đổi, tương tác giữa hai hoặc nhiều hơn hai ngôn ngữ. Trên cơ sở lý thuyết vay mượn từ vựng, tìm hiểu nguồn gốc, phân loại, đặc điểm cũng như sự hòa nhập của lớp từ mượn Ấn - Âu trong tiếng Hán và tiếng Việt. Sẽ giúp chúng ta phân biệt được đâu là tiếng mẹ đẻ và đâu là nguồn gốc của các từ nước ngoài, để có thể sử dụng từ ngữ nước ngoài một cách chính xác. Để sử dụng nhưng không lạm dụng và bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt, tiếng Hán. Qua việc tìm các từ mượn Ấn Âu còn giúp đưa ra những trao đổi về mặt tích cực và tiêu cực của từ mượn Ấn Âu trong hai ngôn ngữ Việt-Trung. Hai ngôn ngữ Việt-Trung tiếp nhận lớp từ mượn Ấn Âu chủ yếu là từ gốc Anh, Pháp, Nga, Đức,...Nhưng trong đó số từ gốc Anh và Pháp chiếm số

					lượng lớn hơn cả, đặc biệt vì có số lượng lớn nên dựa vào nó chúng ta cũng sẽ thấy rõ hơn về đặc điểm, hình thức vay mượn và sự biến đổi của lớp từ mượn Ấn Âu khi xuất hiện và trở thành một phần từ vựng của ngôn ngữ mẹ đẻ. Vì vậy, trong nội dung của luận văn, tôi chủ yếu thông qua hai loại ngôn ngữ này để tìm hiểu rõ nhất về đặc điểm lớp từ mượn Ấn Âu trong hai ngôn ngữ Việt-Trung.
113	Đại học	Phân tích lỗi sai khi học viết chữ Hán của sinh viên năm 1-2 tại ĐHTDM	Nguyễn Phương Thủy	TS. Phùng Nguyễn Trí Thông	Trong bài báo cáo này, em sẽ nêu ra các nét chữ, quy tắt bút thuận, bộ thủ. Sau đó đưa ra khảo sát sinh viên năm 1,2,3 lý do tại sao thường viết sai chữ, từ đó đưa ra phân tích các lỗi sinh viên mắc phải. Sau cùng đưa ra những biện pháp giúp sinh viên có thể cải thiện khi viết chữ Hán
114	Đại học	Nghiên cứu so sánh từ "không" trong tiếng Việt và từ "bu" trong tiếng Hán hiện đại.	Nguyễn Thị Yến Nhi	TS. Phùng Nguyễn Trí Thông	Trạng từ phủ định "bu" là một từ phủ định phổ biến và quan trọng trong tiếng Trung. Ý nghĩa và cách sử dụng của trạng từ phủ định "không" trong tiếng Việt tương ứng với trạng từ phủ định "bu" trong tiếng Trung. Nhưng vì chúng là hai loại khác nhau ngôn ngữ nên ngoài việc có nhiều điểm tương đồng về ngữ nghĩa, chức năng cú pháp. Trước tiên, em so sánh từ âm "bu" trong tiếng Hán với từ "không" trong tiếng Việt về ngữ nghĩa, ngữ pháp và cách sử dụng. Để tìm ra những điểm giống nhau và sự khác biệt giữa chúng, rồi phân tích ngữ pháp của cả hai từ “ Bu, Không” Bài báo cáo hy vọng rằng thông qua những nghiên cứu này, một mặt chúng ta có thể hiểu rõ hơn về sự giống và khác nhau giữa trạng từ phủ định “Bu, Không” và cách sử dụng của nó trong tiếng Trung và tiếng Việt.
115	Đại học	Nghiên cứu đối chiếu giữa từ "给" trong tiếng	Phan Thị Kim Tuyết	TS. Phùng Nguyễn Trí	Từ "gei" trong tiếng Hán hiện đại và từ "cho" trong tiếng Việt là một nhóm từ

		Hán hiện đại và từ "cho" trong tiếng Việt		Thông	tương ứng có độ tương đồng cao về nghĩa và cách sử dụng. Hai từ này có tần suất sử dụng cao trong cả tiếng Hán và tiếng Việt, đồng thời nó cũng có cách dùng phong phú. Dù về ý nghĩa hay cách sử dụng, "gei" và "cho" có mức độ tương đồng cao nhưng đồng thời cũng có những điểm khác biệt nhất định. Do đó, hai từ này rất khó học trong ngữ pháp tiếng Hán và tiếng Việt, dễ khiến người học sử dụng sai. Bài viết này cố gắng phân tích so sánh những điểm giống và khác nhau về ý nghĩa và cách sử dụng giữa từ “gei” trong tiếng Hán hiện đại và từ “cho” trong tiếng Việt nhằm cung cấp tài liệu tham khảo cho người học, giúp cho người học cho thể sử dụng đúng hai từ này vào đúng ngữ cảnh để không khiến người khác hiểu sai ý mà mình muốn truyền đạt.
116	Đại học	Phân tích lỗi sai của sinh viên năm ba ngành ngôn ngữ Trung Quốc đhtdm khi sử dụng câu chữ 比	Lê Thị Cẩm Ly	TS. Phùng Nguyễn Trí Thông	Câu chữ "bi" là một trong những cấu trúc câu đặc biệt trong tiếng Hán hiện đại , đặc điểm cấu trúc của câu chữ "bi" cực kỳ đa dạng và phức tạp, người học trong quá trình học nếu không hiểu và không nắm chắc được cách dùng , định nghĩa và cấu trúc của câu chữ này thì rất dễ xuất hiện lỗi sai, vì thế để hiểu sâu hơn cấu trúc câu chữ "bi" và đồng thời giúp sinh viên tìm ra lỗi sai, các nguyên nhân gây ra lỗi sai và tìm cách khắc phục những lỗi sai đó nên tôi đã chọn đề tài" phân tích lỗi sai của sinh viên năm 3 chuyên ngành tiếng trung trường Đại học Thủ Dầu Một" hy vọng có thể một phần nào đó giúp sinh viên trường Đại học Thủ Dầu Một, đặc biệt là sinh viên năm 3 giảm bớt lỗi sai khi sử dụng và giúp họ học câu chữ này tốt hơn và dễ dàng hơn.
117	Đại học	Khảo sát hiệu quả của việc sử dụng hình thức đóng vai (Role-play) trong các tiết học của	Trịnh Thị Mỹ Linh	TS. Phùng Nguyễn Trí Thông	Một lớp học năng động và học có hiệu quả luôn là điều mà bất kỳ giảng viên nào cũng mong muốn và quan tâm. Và hầu hết tất cả các giảng viên luôn có

		sinh viên khóa D19 ngành Ngôn ngữ Trung Quốc- Đại học TDM			gắng tìm và áp dụng những phương pháp và kỹ thuật mới để tạo ra sự hứng thú nhưng phương pháp đó phải đem lại sự hiệu quả cho sinh viên với đúng mục tiêu của môn mà sinh viên đang theo học. Phương pháp đóng vai (role-play) là một trong những hoạt động mà giảng viên thường xuyên áp dụng trong các tiết học. Nhưng trong thực tế, hoạt động đóng vai không thể áp dụng cho tất cả các đối tượng sinh viên và không phải lúc nào cũng mang lại kết quả như mong muốn, rất nhiều sinh viên không nguyện ý tham gia hoạt động đóng vai vì còn gặp phải trở ngại tâm lý, ngại giao tiếp trước đám đông vì rụt rè và vốn từ vựng của bản thân chưa đủ phong phú. Trọng tâm nghiên cứu của bài viết này là tìm hiểu sự đánh giá của sinh viên khóa D19 ngành ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học thủ đầu một đối với việc áp dụng phương pháp đóng vai vào các tiết học, và hiệu quả của phương pháp này mang lại. Mục đích của bài nghiên cứu này là muốn thử biết xem phương pháp đóng vai (role-play) có thật sự là hoạt động luyện tập kỹ năng nói được sinh viên yêu thích hay không. Nhờ đó giảng viên sẽ nắm bắt được tình hình, và có kế hoạch xây dựng phương pháp dạy sau này.
118	Đại học	Nghiên cứu ngữ nghĩa và hàm ý văn hóa của những từ ngữ chỉ tiền bạc trong tiếng Hán hiện đại.(Đối chiếu với từ ngữ tương ứng trong tiếng Việt	Đặng Thị Mỹ Nương	TS. Phùng Nguyễn Trí Thông	Nói đến tiền là nói đến một vật có sức mạnh vạn năng trong đời sống con người. Với sự phát triển của xã hội, nhu cầu sống của con người ngày một tăng cao. Tại sao tiền rất quan trọng trong cuộc sống? Có tiền, chúng ta dễ dàng giải quyết các nhu cầu vật chất và tinh thần. Nó làm cho cuộc sống của chúng ta thoải mái và thuận tiện hơn. Sống trong thế giới với những cánh cửa rộng mở, với sự hội nhập của nền văn hóa các nước, đồng tiền dần chiếm một vị trí

					quan trọng và được coi như chiếc chìa khóa vạn năng giúp con người có tất cả. Nhưng có bao nhiêu người thực sự hiểu nguồn gốc và ý nghĩa của từ tiền. Luận văn này giúp chúng tôi hiểu thêm về khái niệm tiền, nguồn gốc và cách sử dụng các từ liên quan đến tiền, hiểu rõ hơn về ngữ nghĩa và nội hàm văn hóa của các từ tiền. Cuối cùng là so sánh các từ tương ứng với tiếng Việt.
119	Đại học	Nghiên cứu đối chiếu từ "er" trong tiếng Hán hiện đại và từ "mà" trong tiếng Việt	Phạm Thanh Trúc	TS. Phùng Nguyễn Trí Thông	Liên từ “而” trong tiếng Hán hiện đại tương tự như liên từ “mà” trong tiếng Việt, nhưng vẫn có một số điểm khác biệt. Trong quá trình học liên từ “而” trong tiếng Trung, người học đã mắc phải những sai lầm về ngữ nghĩa và cách dùng của từ “而”. Bài báo cáo này nghiên cứu từ “而” trong tiếng trung hiện đại và từ “mà” trong tiếng Việt về cấu trúc, đặc điểm ngữ pháp. Hy vọng thông qua bài báo cáo này có thể giúp người học hiểu rõ và nắm vững hơn về liên từ “而” trong tiếng Hán hiện đại và từ “mà” trong tiếng Việt, giúp người học có thể sử dụng đúng hai từ này và tránh nhầm lẫn trong quá trình học và sử dụng.
120	Đại học	Văn hóa rượu Trung Hoa và các câu thành ngữ thường dùng có liên quan	Lê Thị Ngọc Ánh	TS. Phùng Nguyễn Trí Thông	Trung Quốc là một quốc gia có nền sản xuất và chế biến rượu lâu đời. Trong quá trình sản xuất và sử dụng, người xưa đã nhận biết về tính chất của loại đồ uống đặc biệt này và liên hệ vào đời sống xã hội. Đặc điểm giá trị nhận về rượu phản ánh sinh động trong ngôn ngữ, nhất là qua các câu thành ngữ. Bài viết chủ yếu sử dụng các thủ pháp và phương pháp nghiên cứu như thống kê, miêu tả, phân tích, tiến hành tìm hiểu

					những câu thành ngữ có liên quan về "Rượu", từ đó làm rõ đặc trưng văn hóa rượu Trung Hoa thể hiện qua mối quan hệ giữa hình, âm và nghĩa của các câu thành ngữ, đồng thời khẳng định vai trò của rượu trong đời sống xã hội cũng như khả năng sáng tạo to lớn của người xưa để lại.
121	Đại học	Nghiên cứu so sánh “bang”, “bangzhu”, “bangmang” trong tiếng Hán hiện đại	Bùi Thị Như Hảo	TS. Phùng Nguyễn Trí Thông	Trong tiếng Trung, các cặp từ gần nghĩa, từ đồng nghĩa có nghĩa gần giống nhau gây cho học sinh rất nhiều khó khăn và nhầm lẫn, không biết sử dụng chúng như thế nào cho chính xác. "Bang", "bangzhu" và "bangmang" đều có nghĩa là "giúp đỡ" trong tiếng Trung Quốc, nhưng có sự khác biệt. Vì vậy, báo cáo này tập trung vào sự giống và khác nhau về ngữ nghĩa, cú pháp và ngữ dụng của các từ đồng nghĩa "bang", "bangzhu" và "bangmang". Chương đầu tiên giải thích lý do và mục đích của nghiên cứu này, tình trạng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu. Chương thứ hai phân tích sự khác biệt ngữ pháp giữa "bang", "bangzhu" và "bangmang" trong tiếng Trung hiện đại. Chương thứ ba phân tích các lỗi thường gặp "Bang", "bangzhu" và "bangmang". Chương bốn phân tích so sánh các từ "bang", "bangzhu" và "bangmang" và "giúp đỡ" trong tiếng Việt.
122	Đại học	Nghiên cứu so sánh "ting" và "hen" trong tiếng Hán hiện đại	Đinh Thị Bích Hoa	TS. Phùng Nguyễn Trí Thông	Lấy các trạng từ chỉ mức độ “很” và “挺” trong tiếng Hán hiện đại làm đối tượng nghiên cứu, xuất phát từ thực tế ngôn ngữ học, trên cơ sở khối lượng ngữ liệu lớn, tiến hành nghiên cứu so sánh về cấu trúc, thành phần cú pháp và ngữ nghĩa của cả hai. “很” và “挺” là trạng từ, cả hai đều có thể bổ nghĩa cho tính từ, động từ chỉ trạng thái tinh thần và động từ chỉ sự sẵn sàng. Điểm khác

					biệt là "很" là trạng từ chỉ mức độ, là một hư từ đơn giản, nhưng "挺" ngoài việc làm trạng từ trong các hư từ, mà còn làm thực từ, vì vậy còn có ý nghĩa thực từ riêng.
123	Đại học	Nghiên cứu so sánh “yaoshi” và “ruguo” trong tiếng Hán hiện đại	Trần Thị Ngọc Linh	TS. Phùng Nguyễn Trí Thông	Trong quá trình học tiếng Trung các bạn sẽ gặp rất nhiều khó khăn, bởi vì một số từ có nghĩa giống nhau, nhưng được sử dụng khác nhau trong nhiều trường hợp, chẳng hạn như "ruguo" và "yaoshi". Bài báo cáo này sẽ nghiên cứu so sánh "ruguo" và "yaoshi" trong tiếng Hán hiện đại. Phần đầu tiên là trình bày lý do, ý nghĩa, đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của đề tài. Phần thứ hai là nội dung chính của chương 1 sẽ nói về ý nghĩa và cách sử dụng của "ruguo" và "yaoshi", chương 2 nói về đặc điểm và cấu trúc ngữ pháp, chương 3 là so sánh. Phần ba là đối chiếu từ "ruguo" và "yaoshi" trong từ "nếu" tiếng Việt và phần thứ tư là kết luận. Hy vọng thông qua bài báo cáo này sẽ giúp cho mọi người có thể hiểu được cách dùng của hai từ "ruguo" và "yaoshi".
124	Đại học	Bước đầu tìm hiểu về nghi thức hôn lễ của người Hán và các quán dụng ngữ chúc mừng thường dùng trong hôn lễ	Nguyễn Bích Tuyên	TS. Phùng Nguyễn Trí Thông	Văn hóa là sinh mệnh của một quốc gia, và nghi thức là một trong những biểu tượng chính của tất cả các quốc gia văn minh và là cửa sổ quan trọng của văn hóa quốc gia. Là một quốc gia có nền văn minh lâu đời 5000 năm, Trung Quốc từ xa xưa đã được biết đến như một đất nước của trang phục và nghi thức. Người Hán từ xưa đã rất coi trọng quan hệ hôn nhân và coi hôn nhân như nền tảng của các mối quan hệ con người. Bởi vì vậy nên các nghi thức trong lễ cưới được của lễ cưới được thực hiện một cách nghiêm ngặt theo truyền thống để lại. Vậy theo thời gian thì những phong tục trong lễ cưới đã mất đi những gì? Và còn lại những gì? Từ những phong tục hôn lễ đó tìm hiểu sâu hơn về

					các quán dụng ngữ chúc mừng trong hôn lễ. Những quán dụng ngữ phổ biến và ý nghĩa của chúng.
125	Đại học	Khảo sát việc vận dụng tài nguyên Internet của sinh viên năm ba vào việc học tiếng Trung tại Đại học Thủ Dầu Một	Thái Trần Nhã Trang	TS. Phùng Nguyễn Trí Thông	Chữ Hán bắt nguồn từ Trung Quốc từ thời xa xưa dựa trên việc quan sát đồ vật xung quanh và vẽ thành dạng chữ tượng hình, chữ mang ý nghĩa. Chữ Hán đã trải qua nhiều thời kỳ phát triển. Cho đến ngày nay, chữ Hán đã gần như được hoàn thiện và được sử dụng rộng rãi trên khắp thế giới. Thế nên việc sử dụng chữ Hán trong giao tiếp và sinh hoạt hằng ngày cũng được chú trọng nhiều hơn. Những từ ngữ thường dùng hằng ngày cũng càng được mở rộng. Bài viết này tìm hiểu về một từ được dùng khá phổ biến trong đời sống là "Jia", tìm hiểu về nguồn gốc, quá trình biến đổi, từ loại, các cách đọc, ngữ nghĩa và hàm ý văn hóa cũng như cách dùng của từ "Jia" trong tiếng Hán và tiếng Việt theo lịch sử và hiện đại.
126	Đại học	Nghiên cứu đối chiếu kính ngữ trong tiếng Hán và tiếng Việt	Huỳnh Thị Linh Trang	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Trung Quốc và Việt Nam đều chịu ảnh hưởng của Nho giáo từ thời cổ đại, và "kính ngữ" tồn tại trong cả hai ngôn ngữ. Tần suất sử dụng kính ngữ trong tiếng Hán và tiếng Việt hiện đại khá cao. Những từ kính ngữ thường thể hiện hy vọng rằng bên kia sẽ làm điều gì đó, đặt câu hỏi một cách lịch sự, yêu cầu bên kia làm điều gì đó một cách lịch sự, bày tỏ mong muốn của người nói và bày tỏ mệnh lệnh lịch sự. Luận văn tìm hiểu những điểm giống và khác nhau giữa kính ngữ Trung Quốc và Việt Nam từ các khía cạnh khái niệm và phân loại kính ngữ, từ vựng của kính ngữ và cách diễn đạt của kính ngữ. Luận văn sử dụng phương pháp phân tích thống kê và phương pháp so sánh để phân tích so sánh kính ngữ tiếng Trung và tiếng Việt, từ đó chỉ ra những điểm giống và

					khác nhau giữa hai loại. Luận án được chia thành 5 chương, chương 1 là phần kết luận trình bày về bối cảnh nghiên cứu và ý nghĩa nghiên cứu, thực trạng nghiên cứu, phương pháp, đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu, chương 2 trình bày tóm tắt cơ sở lý luận liên quan làm cơ sở lý luận cho việc điều tra và phân tích. ; chương thứ ba Chương 4 so sánh kính ngữ Trung Quốc và Việt Nam, làm rõ đặc điểm, điểm giống và khác nhau; Chương 4 tìm hiểu việc sử dụng kính ngữ Trung Quốc của sinh viên Việt Nam và phân tích nguyên nhân mắc lỗi; Chương 5 gợi ý dạy và học kính ngữ Trung Quốc cho sinh viên Việt Nam . Phân tích so sánh trên hai phương diện là từ vựng và ngữ pháp. Như vậy có thể thấy, Trung Quốc và Việt Nam đặc biệt coi trọng sự lễ phép, khiêm tốn trong giao tiếp do ảnh hưởng của văn hóa nông nghiệp và đạo đức phong kiến. Cả hai ngôn ngữ đều có một số lượng lớn kính ngữ, và cách sử dụng kính ngữ của Trung Quốc và Việt Nam là tương tự nhau. Trong quá trình học sử dụng tiếng Trung, sinh viên Việt Nam thường gặp rất nhiều khó khăn trong việc sử dụng kính ngữ do bản thân tiếng Trung khó và chuyển âm sang tiếng mẹ đẻ. Luận văn này tiến hành khảo sát bằng bảng câu hỏi về những lỗi mà sinh viên Việt Nam thường mắc phải khi sử dụng kính ngữ hiện đại của Trung Quốc nhằm giúp đỡ người khác giao tiếp tốt hơn và nâng cao kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ của mình. Từ khóa: kính ngữ, so sánh Hán Việt, học kính ngữ.
127	Đại học	Hoạt động kinh tế của người Hoa ở Bình Dương từ năm 1975 đến nay	Lê Hữu Phước	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Hoạt động kinh tế của người Hoa ở Việt Nam nói chung và Bình Dương nói riêng góp phần rất quan trọng trong sự phát triển kinh tế chung của đất nước.

					Tại tỉnh Bình Dương, cộng đồng người Hoa đã thể hiện được vai trò của mình trong lĩnh vực kinh tế. Họ chung sống hoà thuận, cùng làm ăn với người Việt tạo nên tính kết cấu cộng đồng cao. Bài luận này sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về các hoạt động kinh tế chủ yếu của người Hoa trên đất Bình Dương từ năm 1975 đến nay. Bài luận được chia thành bốn chương với nội dung cụ thể bao gồm: chương 1 là phần mở đầu trình bày về bối cảnh nghiên cứu, các phương pháp và ý nghĩa bài nghiên cứu. Chương 2 là tổng quan về quá trình hình thành cộng đồng người Hoa ở Bình Dương. Chương 3 là nội dung phân tích các hoạt động kinh tế của người Hoa Bình Dương bao gồm các ngành thủ công truyền thống và thương mại dịch vụ. Chương 4 tổng kết nội dung bài nghiên cứu.
128	Đại học	Tín ngưỡng thờ bà Thiên Hậu và vai trò của Bà trong đời sống của người hoa Bình Dương	Lê Thị Khánh Trân	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Miếu bà Thiên ở Thủ Dầu Một, Bình Dương, tên tiếng Hán là Thiên cung. Đây là một di tích văn hoá mà cộng đồng người Hoa ở đây đã xây dựng nó làm nơi lưu giữ những giá trị văn hoá truyền thống, Tín ngưỡng thờ Bà Thiên đã tồn tại và gắn bó với những thăng trầm của lịch sử gần một thế kỷ qua. Người Hoa ở Bình Dương đã cố gắng ra sức giữ gìn tín ngưỡng của dân tộc và dung hợp với các cư dân và dân tộc khác để đưa Chùa Bà thành nơi “thăng hoa và trở thành một bộ phận đặc sắc của văn hoá Bình Dương.” việc nghiên cứu về tín ngưỡng thờ Bà Thiên , không chỉ là để hiểu thêm về một trong những tín ngưỡng quan trọng của người Hoa mà còn sẽ có thêm kiến thức hiểu biết về nhận thức và ứng xử của người dân ở Bình Dương trong quá trình tiếp thu tín ngưỡng này và mức độ ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ Bà Thiên trong

					đời sống người dân Bình Dương nói chung và người Hoa nói riêng.
129	Đại học	Hình tượng thiên nhiên trong thơ Lý Bạch và Đỗ Phủ dưới cái nhìn so sánh	Lâm Thị Thà	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Với báo cáo này, chúng tôi muốn cung cấp cho người đọc cái nhìn bao quát nhất về đề tài thiên nhiên trong thơ Lý Bạch và Đỗ Phủ dưới cái nhìn so sánh. Chúng tôi không bàn đến các trường hợp dị biệt, đơn lẻ. Từ đó, có thể liên hệ một số bài thơ miêu tả hình tượng thiên nhiên của hai nhà thơ Lí Bạch và Đỗ Phủ được yêu thích và phổ biến tại Việt Nam. Ngoài ra, chúng tôi còn mở rộng bàn luận và khảo sát việc hiểu biết của sinh viên khoa tiếng Trung của đại học Thủ dầu Một về thơ Đường và hai nhà thơ. Qua đó, người đọc có thể thưởng thức, cảm thụ sâu sắc hơn những vàng thơ hay của hai nhà thơ nổi tiếng và tiêu biểu nhất của thời Đường.
130	Đại học	So sánh cách Việt Nam và Trung Quốc đón Tết Nguyên Đán	Lê Thị Ân	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Trước tiên, luận văn tìm hiểu cội nguồn lịch sử của các hoạt động Tết Nguyên Đán; thứ hai, thông qua so sánh phong tục tổ chức Tết Nguyên Đán giữa Trung Quốc và Việt Nam, phân tích nguyên nhân sâu xa của sự khác biệt; cuối cùng, thông qua so sánh các phong tục và những điều kiêng kỵ đầu năm mới giữa Trung Quốc và Việt Nam. Bài viết mong muốn khai quật và truyền bá giá trị của lễ hội mùa xuân, để nhiều người hiểu hơn về nét đặc sắc của văn hóa lễ hội mùa xuân của Trung Quốc và Việt Nam.
131	Đại học	Nghiên cứu đối chiếu các thành ngữ thời tiết trong tiếng Hán và tiếng Việt	Võ Hạnh Huệ	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Trung Quốc và Việt Nam có núi liền sông, có nền văn hóa tương đồng, hai nước có mối quan hệ hữu nghị truyền thống lâu đời. Ngôn ngữ là một hiện tượng văn hóa đặc biệt nên sự giao lưu văn hóa giữa Trung Quốc và Việt Nam luôn được thể hiện trong các hoạt động giao lưu ngôn ngữ. Ngôn ngữ là công cụ quan trọng để giao tiếp giữa người với người, với xu thế phát triển xã hội

					của Trung Quốc và Việt Nam, ngày càng có nhiều người Việt học tiếng Trung và người Trung Quốc học tiếng Việt. Vì vậy, việc giảng dạy và nghiên cứu tiếng Hán và tiếng Việt ngày càng được quan tâm. Thành ngữ là một hiện tượng ngôn ngữ đặc biệt, chứa đựng những nét đặc sắc văn hóa dân tộc phong phú. Bởi vì thành ngữ có thể phản ánh các đặc điểm của văn hóa dân tộc, chúng ta có thể hiểu được thế giới quan, kinh nghiệm sống, văn minh tinh thần và văn hóa lịch sử của một quốc gia thông qua thành ngữ. Thành ngữ là một bộ phận của từ vựng ngôn ngữ, thành ngữ có một số lượng lớn trong hệ thống từ vựng của tiếng Hán và tiếng Việt. Thành ngữ là một loại cụm từ cố định, có cấu trúc cố định, giàu ý nghĩa và được ứng dụng rộng rãi. Trong những năm gần đây, việc nghiên cứu bản thể học thành ngữ và so sánh thành ngữ đã có nhiều kết quả phong phú, đồng thời cũng có nhiều kết quả nghiên cứu đối chiếu thành ngữ Hán Việt. Tuy nhiên, các kết quả nghiên cứu so sánh thành ngữ Hán - Việt liên quan đến thời tiết còn khá hiếm. Vì vậy, dưới sự hướng dẫn của các lý thuyết liên quan về ngôn ngữ học so sánh, ngôn ngữ học tri nhận và ngôn ngữ học văn hóa, bài viết này tiến hành so sánh cấu trúc, ngữ nghĩa và ẩn dụ của các thành ngữ thời tiết trong tiếng Hán và tiếng Việt. Bài viết sử dụng phương pháp thống kê, trên cơ sở xác định rõ khái niệm “thành ngữ thời tiết”, bài viết sử dụng “Từ điển thành ngữ”, “Từ điển Hán ngữ hiện đại”, “Từ điển thành ngữ đa chức năng” và “Từ điển thành ngữ tục ngữ Hoa ngữ”. Việt” (Từ điển thành ngữ và thông tục Hán-Việt) là ngữ liệu chính. Sau đó, chúng tôi phân tích, so sánh cấu trúc bên trong của thành ngữ thời tiết
--	--	--	--	--	---

					Trung Quốc và Việt Nam. Giải thích ngữ nghĩa, cấu trúc, ý nghĩa văn hóa và các đặc điểm khác của thành ngữ thời tiết trong tiếng Trung và tiếng Việt, đồng thời chỉ ra những điểm giống và khác nhau giữa chúng. Thảo luận và đề xuất phương thức dịch của thành ngữ thời tiết. Tìm hiểu thêm về thành ngữ Hán Việt, đặc biệt là thành ngữ thời tiết và khắc sâu kiến thức về thành ngữ. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án là trình bày cơ sở lý luận có liên quan đến đề tài, tìm hiểu đặc điểm của thành ngữ thời tiết Trung Quốc và Việt Nam về cấu trúc, ngữ nghĩa, chức năng ngữ pháp, nội hàm văn hóa, đồng thời làm rõ những điểm giống và khác nhau giữa hai loại thành ngữ này trong những khía cạnh này. Giải thích sự nhập môn của dịch thuật và phương pháp dịch của các thành ngữ tiếng Hán và tiếng Việt liên quan đến thời tiết, và đưa ra các ví dụ cụ thể. Dựa trên phương pháp phân tích cấu trúc ngữ pháp tiếng Hán hiện đại, sự hợp lý về cấu trúc của từng loại thành ngữ được phân tích. Ngoài ra, bài báo này so sánh ngữ nghĩa của các thành ngữ thời tiết trong tiếng Trung Quốc và tiếng Việt, đồng thời tổng kết mối quan hệ tương ứng giữa các thành ngữ thời tiết trong hai ngôn ngữ.
132	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm yếu hậu ngữ trong tiếng Trung Quốc	Hồ Thị Thu Thủy	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Yết Ngữ là một dạng ngôn ngữ đặc biệt do nhân dân lao động Trung Quốc sáng tạo ra trong đời sống hàng ngày và là kết tinh trí tuệ tập thể của người Hán. Là một hiện tượng ngôn ngữ độc đáo trong tiếng Trung Quốc, nó có cấu trúc ngắn gọn, ngôn ngữ sống động và các đơn vị lời nói hài hước. Nó đóng một vai trò rất quan trọng trong giao tiếp hàng ngày của mọi người và được đông đảo công chúng yêu thích. Nội dung của yết ngữ phản ánh văn hóa dân

					tộc phong phú của người dân. Đặc điểm của Xiehouyu là hình ảnh sống động, cụ thể, đầy trí tưởng tượng, óc hài hước và sự châm biếm mạnh mẽ. Sử dụng thích hợp của câu chuyện ngụ ngôn có thể tăng cường sự lây nhiễm của ngôn ngữ. bài báo cáo nhằm mục đích giúp người học có thể hiểu ý nghĩa của ýt ngữ không những có thể cải thiện khả năng diễn đạt bằng tiếng Trung mà còn nâng cao hiểu biết của chúng ta về văn hóa của dân tộc Hán đồng thời Phân biệt thành ngữ, quán ngữ, tục ngữ ýt ngữ của Trung Quốc và Việt Nam
133	Đại học	Nghiên cứu về sự ảnh hưởng của phim Trung Quốc đến văn hóa Việt Nam	Đinh Thị Thanh Thủy	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Từ lâu Trung Quốc đã có ảnh hưởng rất lớn đến toàn bộ cuộc sông của người Việt Nam, trong sự chịu ảnh hưởng đó Việt Nam cũng có những giai đoạn chịu ảnh hưởng bởi đối đầu văn hóa (đó là những lần xâm lược và tham vọng chiếm Việt Nam) cho đến chịu ảnh hưởng của việc đối thoại văn hóa học hỏi những cái tốt của nhau. Qua hàng nghìn năm lịch sử dù bị bao lần nằm dưới sự đô hộ cai trị, rồi đến nền độc lập, đất nước Việt Nam vẫn giữ được bản sắc riêng của mình. Trong thời kỳ hiện đại ngày nay, việc xâm lấn văn hóa không còn con đường của sự bạo lực, đô hộ, chiến tranh với vũ khí, vũ lực chèn ép mà việc xâm lấn văn hóa được chú trọng và đẩy mạnh ở vũ khí sức mạnh mềm văn hóa. Trong vũ khí mềm của sức mạnh này thì không thể không nói tới lĩnh vực phim, điện ảnh được coi là một trong những mũi nhọn mà hiện nay Trung Quốc rất tập trung quan tâm như mạnh tay đầu tư điện ảnh ở thị trường Hollywood, xây dựng các kênh các chiến lược quảng bá phim trên không gian

					mạng, đầu tư các bộ phim lớn với kinh phí khổng lồ, mà gần đây nhất có cách hay được gọi trên mạng dùng từ "phong sát" để thanh lọc giới nghệ thuật thứ 07 và đưa sự quản lý hệ thống thị trường showbiz vào sự quản lý nhà nước nhằm mục đích định hướng theo cách mà chính quyền Trung Quốc mong muốn. Với sự thay đổi về chiến lược văn hóa như vậy thì dưới góc nhìn phim, điện ảnh truyền hình thì văn hóa người Việt Nam đang chịu ảnh hưởng như thế nào, việc ảnh hưởng ấy liệu có làm mất đi bản sắc của người Việt hay không?.. Nhà nước Việt Nam cần phải có biện pháp và cách thức như thế nào để phù hợp với thời cuộc, những đổi sách của Việt Nam hiện nay về công nghiệp phim, truyền hình đang được nhà nước chủ trương và định hướng như thế nào.
134	Đại học	Tư tưởng giáo dục của Khổng Tử và Thái Nguyên Bồi và sự ảnh hưởng đến giáo dục Việt Nam.	Lê Thị Nhi	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Trung Quốc không chỉ ảnh hưởng đến kinh tế, xã hội Việt Nam chúng ta và nền giáo dục cũng không ngoại lệ, nền giáo dục Việt Nam ngày càng phát triển, các nhà giáo ngày càng nhiều. Nhưng chúng ta không thể phủ nhận rằng những tư tưởng giáo dục trên thế giới đều có ảnh hưởng đến nền giáo dục Việt Nam chúng ta. Đặc biệt là các nhà giáo dục Trung Quốc: Kongzi Nhưng tôi không chỉ nghiên cứu tư tưởng giáo dục của Kongzi mà còn nghiên cứu một tư tưởng giáo dục khác đối lập với Kongzi: Cai Yuanpei - tư tưởng giáo dục của ông vẫn được sử dụng ở Việt Nam ngày nay.
135	Đại học	Nghiên cứu đối chiếu từ 当 trong tiếng Hán hiện đại và từ tương ứng trong tiếng Việt.	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	“当” là một từ phổ biến trong tiếng Trung hiện đại, các từ ghép với “当” không chỉ nhiều mà còn đa dạng về ngữ nghĩa và cấu trúc. Hầu hết những người học tiếng Trung thường sử dụng nghĩa cơ bản của “当”, nhưng họ

					không hiểu hết nghĩa gốc và nghĩa mở rộng của “当” . Luận án chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích so sánh, thống kê để hiểu sâu hơn về nghĩa của từ “当” trong tiếng Hán hiện đại, cũng như cấu trúc và đặc điểm ngữ nghĩa của các từ tạo nên “当” , chỉ ra rằng “当” là một từ đa nghĩa, đa âm tiết. So sánh với các từ tương ứng trong tiếng Việt tìm ra điểm giống và khác nhau.
136	Đại học	Phân tích những lỗi sai thường gặp khi sử dụng động từ ngữ khí “了” và trợ từ động thái “了” trong tiếng Hán hiện đại của sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc - trường đại học TDM	Phan Thị Nguyệt	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Trong quá trình học tiếng Hán đối với học sinh gặp khó khăn nhất đó là điểm ngữ pháp. Trong đó có một từ mà từ khi sơ cấp chúng ta đã gặp phải nhưng rất dễ sử dụng sai đó là câu chữ “了”. Ai cũng nghĩ từ “了” rất dễ sử dụng không cần chú ý nhưng chính vì sự bỏ qua đó mà dẫn đến hiện nay có nhiều học sinh thường sử dụng sai trợ từ “了”. Hiện tại ở Việt Nam tài liệu về câu chữ “了” vẫn còn hạn chế, không có nhiều. Chính vì vậy tôi quyết định làm bài nghiên cứu này lấy sinh viên năm ba chuyên ngành Hán ngữ trường đại học Thủ Dầu Một làm đối tượng, mục đích của bài báo cáo là phân tích những điểm mà sinh viên Việt Nam thường xuyên gặp phải khi sử dụng trợ từ “了”, cung cấp thêm tài liệu tham khảo cho học sinh khi học tiếng Hán.
137	Đại học	Thông qua chữ Hán có bộ 女 tìm hiểu quan niệm trọng nam khinh nữ trong xã hội phong kiến trung quốc.	Lê Thị Tuyết Anh	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Trọng nam khinh nữ trong xã hội phong kiến Trung Quốc đã khiến cuộc đời của người phụ nữ phải chịu nhiều gian khổ, đau đớn. Đặc biệt, chúng được đưa vào chữ viết thông qua chữ Nữ để lột tả, chỉ trích những người phụ nữ thấp kém lúc bấy giờ. Tuy xã hội bây giờ đã phát triển những ở vài nơi vẫn

					còn tư tưởng trọng nam khinh nữ này khiến cho bao gia đình phải chịu khổ, áp bức. Vì thế tôi chọn đề tài này để lột tả và phản ánh tư tưởng trọng nam khinh nữ này.
138	Đại học	Nghiên cứu về việc học tiếng Trung qua nghe Podcast của sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc Trường Đại học Thủ Dầu Một	Võ Ngọc Liên	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Tên đề tài : Nghiên cứu việc học tiếng Trung qua podcast của sinh viên ngành tiếng Trung Trường Đại học Thủ Dầu Một Với sự phát triển của nền kinh tế thế giới, sự phát triển của văn hóa và giáo dục, ngôn ngữ ngày nay đã trở thành một trong những công cụ giao tiếp quan trọng nhất và là một kỹ năng mà con người phải nắm vững. Podcast dựa trên tiềm năng truyền tải Internet trong thời đại ngày nay, và người học có nhiều lựa chọn hơn để nghe các chương trình khác nhau từ khắp nơi trên thế giới và có thể tiếp thu ngôn ngữ hoặc kiến thức mới có liên quan theo cách thuận tiện hơn. Trên mạng, các nguồn Podcast liên quan đến việc học và dạy ngôn ngữ ngày càng trở nên phong phú và đa dạng. Trong bối cảnh này, tôi cũng đã xem một số Podcast liên quan đến việc học tiếng Trung, điều này khiến tôi tò mò về ảnh hưởng của podcast đối với việc học tiếng Trung. Do đó, tôi quyết định thực hiện đề tài “Nghiên cứu việc học tiếng Trung qua podcast của sinh viên ngành tiếng Trung Trường Đại học Thủ Dầu Một”. Podcast được cho là một công cụ tuyệt vời để giúp sinh viên cải thiện kỹ năng nghe hiểu của mình. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy việc giảng dạy tích hợp podcast tiếng Trung có thể cải thiện kết quả học tập, kích thích động lực nghe tiếng Trung và tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của sinh viên. Kỹ năng nghe được dạy bằng Podcast giúp cải thiện kỹ năng nghe hiểu của sinh viên vì công nghệ này cung cấp cho người học kho

					ngữ liệu đa dạng và xác thực, kích thích hứng thú học tập của sinh viên. thúc đẩy động lực nghe tiếng Trung và khuyến khích sinh viên học tập.
139	Đại học	Phân tích đối chiếu 并和而 trong tiếng Hán hiện đại với từ ngữ tương ứng trong tiếng Việt	Nguyễn Thị Liên	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Trong quá trình học tiếng Trung, tôi nhận thấy khó khăn mà những người học tiếng Trung thường gặp phải đó là việc sử dụng các liên từ trong tiếng Trung. Trong tiếng Trung Quốc hiện đại, "Bing", "He" và "Er" là ba liên từ mà chúng ta sử dụng thường xuyên trong văn viết và trong văn nói. Ba liên từ này nói chung là đơn giản, nhưng khó sử dụng một cách chính xác. Vì nghĩa của ba từ này gần giống nhau, và so với các từ tương ứng trong tiếng Việt, nó gần giống nghĩa nhau. Chính vì vậy, nhiều người đã mắc phải những sai lầm khi tìm hiểu, nghiên cứu và dịch ba liên từ này. Xuất phát từ thực tế trên, tôi quyết định chọn “Phân tích so sánh các từ “Bing”, “He” và “Er” trong tiếng Hán hiện đại với từ ngữ tương ứng trong tiếng Việt” làm đề tài luận văn tốt nghiệp của mình.
140	Đại học	Phân tích lỗi sai thường gặp trong việc sử dụng động từ ly hợp của sinh viên năm ba ĐHTDM	Nguyễn Phan Thanh Huyền	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Đối với việc học ngoại ngữ, thì ngữ pháp là cực kỳ quan trọng. Như chúng ta đều biết, ngữ pháp tiếng Hán rất phức tạp, đặc biệt là cách sử dụng của động từ ly hợp hơn nữa đây cũng là một điểm ngữ pháp khó, sinh viên có xu hướng xem những từ này như một động từ thường để sử dụng. Vì vậy, họ mắc phải những lỗi sai như: “结婚她 cưới cô ấy, 见面他 gặp anh ấy ...”. Chính vì lý do này em chọn đề tài “PHÂN TÍCH LỖI SAI THƯỜNG GẶP TRONG VIỆC SỬ DỤNG ĐỘNG TỪ LY HỢP CỦA SINH VIÊN NĂM BA NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT” bài báo nghiên cứu những lỗi sai thường gặp khi sử dụng động từ ly hợp của sinh

					viên và góp phần nâng cao hiệu quả học tiếng Hán cho sinh viên trước hết phương diện từ li hợp.
141	Đại học	Phân tích so sánh "xiang" và "yao" trong tiếng Trung hiện đại và từ tương ứng trong tiếng Việt	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Phân tích và so sánh từ luôn được coi là đề tài phổ biến trong việc học ngoại ngữ . Loại đề tài này cung cấp những tài liệu kiến thức cụ thể rõ ràng cho việc học và dạy tiếng Trung . Diễn hình khi sử dụng từ “想”và “要” người học gặp không ít sự nhầm lẫn, không biết sử dụng tốt nghĩa của nó. Khi người nước ngoài đến Việt Nam học tiếng Việt, thì chắc hẳn cũng sẽ gặp nhiều nhầm lẫn khi sử dụng từ “muốn” . Để giúp đỡ người học và dạy tiếng trung giải quyết vấn đề này, Trong bài này tôi chọn " 想" và " 要" trong tiếng Hán hiện đại và " muốn " trong tiếng Việt làm đối tượng phân tích và so sánh . Cả ba từ này , thường dễ bị nhầm lẫn bởi chúng tương đồng nghĩa , và một số cách dùng của chúng tương đồng . Nội dung bài này chủ yếu đi sâu vào phân tích và so sánh về ngữ nghĩa , ngữ pháp và cách dùng của " 想 " , " 要”, " muốn " . Tôi hy vọng thông qua bài báo cáo này người học có thể chỉ ra và hiểu rõ nguyên nhân lỗi sai , cách sử dụng của ba từ " 想 " , " 要”, " muốn " . Đồng thời kết quả nghiên cứu này sẽ có phần giúp ích cho việc học và dạy tiếng Trung.
142	Đại học	现在汉语”老” 与越南语“ cũ” , "già “ , " rất", " luôn luôn "对比研究	Phạm Ngọc Thoa	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	"Lao" là một ký tự tiếng Trung tiêu chuẩn cấp một của Trung Quốc. Ký tự này lần đầu tiên xuất hiện trong các văn khắc bằng xương của nhà tiên tri thời nhà Thương, ký tự cổ xưa của nó giống hình ảnh một ông già tóc dài cầm gậy. "Lao" ban đầu có nghĩa là một người lớn tuổi. Nó còn được mở rộng để chỉ

					một thời gian dài, từ đó kéo theo một loạt ý nghĩa như lâu dài, xưa cũ, luôn luôn, nhiều biến cố và thành thạo. Nó cũng đề cập đến mức độ sâu sắc, và dưới chiêu bài đề cập đến cực kỳ, rất. Cái cuối cùng cũng được gọi là cũ. "Lao" cũng được sử dụng như một tiền tố của một số từ. Việc phân tích đối chiếu từ “Lao” trong tiếng Hán và các từ tương ứng trong tiếng Việt sẽ giúp chúng ta hiểu sâu hơn những điểm giống và khác nhau giữa hệ thống tiếng Hán và tiếng Việt. Người học ngôn ngữ thứ hai cần hiểu rõ và phân biệt giữa hai từ có nghĩa giống nhau và họ cần hiểu rõ hơn về sự phát triển và tiến hóa của từ. Hy vọng sẽ cung cấp một số giúp đỡ cho những người học tiếng Trung Quốc. Bài luận văn được chia thành năm chương: Chương đầu tiên là phần giới thiệu, bao gồm bối cảnh nghiên cứu và ý nghĩa nghiên cứu, tình hình nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu. Chương Hai: Khái niệm đa nghĩa. Chương thứ ba là tổng quan về "Lao" trong tiếng Hán hiện đại. Chương 4 là phân tích so sánh các từ Hán Việt hiện đại “Lao” và “CŨ”, “RẤT”, “GIÀ”, “LUÔN LUÔN”. Chương 5 phân tích so sánh cách dùng từ “Lao” trong tiếng Hán hiện đại và tiếng Việt “CŨ”, “RẤT”, “GIÀ”, “LUÔN LUÔN”.
143	Đại học	Phân tích đối chiếu động từ "đi" trong tiếng Việt với động từ tương đương trong tiếng Hán hiện đại.	Phạm Thị Mỹ Hoa	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Động từ “đi” trong tiếng Việt và động từ tương ứng trong tiếng Hán hiện đại đều là từ vựng cơ bản và đều chiếm vị trí tương đối quan trọng trong hệ thống ngôn ngữ của mình. Việc phân tích so sánh động từ “đi” trong tiếng Việt với các động từ tương ứng trong tiếng Hán hiện đại sẽ giúp chúng ta hiểu sâu hơn những điểm tương đồng và dị biệt giữa hệ thống của tiếng Hán và tiếng Việt. Đối với người học tiếng Trung, từ đa nghĩa là một điểm khó, nhất là khi học

					sinh Việt Nam học tiếng Trung, họ thường nhầm lẫn giữa các từ đa nghĩa trong tiếng Trung hoặc bị ảnh hưởng bởi tiếng mẹ đẻ.
144	Đại học	Phân tích lỗi sai thường gặp khi sử dụng hình thức trùng điệp của sinh viên chuyên ngành tiếng Trung trường Đại học Thủ Dầu Một	Sỹ Công Bình	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Trong quá trình học tập tiếng trung em nhận thấy rằng học ngữ pháp rất quan trọng , và điểm ngữ pháp em cảm thấy khó hiểu nhất đó là hình thức trùng điệp , và em nhận thấy rằng các bạn sinh viên cũng mắc lỗi trong việc sử dụng điểm ngữ pháp này. cho nên em lựa chọn đề tài này để nghiên cứu phân tích chỉ rõ ra những lỗi các bạn sinh viên mắc phải từ đó tìm ra những biện pháp , phương pháp học tập để cải thiện được trình độ tiếng trung và sử dụng đúng ngữ pháp này
145	Đại học	Nghiên cứu so sánh từ tượng thanh trong tiếng Hán hiện đại và tiếng Việt.	Đậu Thị Thủy	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Từ tượng thanh là những từ miêu tả âm thanh của sự vật, sự việc , con người , âm thanh tự nhiên. Từ tượng thanh Trung Quốc Các từ được hình thành bằng cách bắt chước âm thanh trong tự nhiên. là từ mô phỏng âm thanh, vì vậy việc sử dụng từ tượng thanh đúng cách sẽ giúp ngôn ngữ trở nên sinh động và ấn tượng hơn. Trong tiếng Việt, từ tượng thanh là từ bắt chước âm thanh tự nhiên và con người. Tiếng Trung và tiếng Việt đều có từ tượng thanh giống nhau, cả tiếng Trung và tiếng Việt đều có những từ tượng thanh nhiều màu sắc, và cả hai đều có lịch sử lâu đời, có đặc điểm riêng và độc đáo. Mặc dù từ tượng thanh tiếng Hán và tiếng Việt có những điểm tương đồng về ngữ nghĩa, ngữ pháp và cấu trúc. Nhưng đồng thời cũng có một số điểm khác biệt.
146	Đại học	Nghiên cứu lời mắng chửi trong tiếng Hán	Ứng Trung Bình	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Mặc dù từ tượng thanh tiếng Hán và tiếng Việt có những điểm tương đồng về

		hiện đại		Kim	ngữ nghĩa, ngữ pháp và cấu trúc. Nhưng đồng thời cũng có một số điểm khác biệt.
147	Đại học	Khảo sát những phương pháp học tiếng Trung nhằm nâng cao hiệu quả học tập cho sinh viên năm nhất ngành ngôn ngữ Trung Quốc trình độ Đại học tại khoa Ngoại ngữ trường ĐH Thủ Dầu Một	Huỳnh Thị Minh Thắng	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Bài báo cáo này chủ yếu phân tích việc sử dụng các chiến lược trong ba giai đoạn viết ngôn ngữ Trung Quốc của sinh viên năm nhất trường đại học Thủ Dầu Một: trước khi viết, trong khi viết và sau khi viết, phân tích tần suất học sinh sử dụng các chiến lược cụ thể trong từng giai đoạn và phân tích các chiến lược viết phổ biến. được sử dụng trong từng giai đoạn So sánh với các chiến lược viết ít được sử dụng hơn. Đồng thời phân tích sự khác biệt trong việc sử dụng các chiến lược viết giữa những người viết đạt điểm cao và những người viết đạt điểm thấp, để hiểu được mối tương quan giữa các chiến lược viết và hiệu suất viết . Ngoài ra, theo các yếu tố cá nhân như giới tính, độ tuổi và thời gian học tiếng Trung, sự khác biệt trong các chiến lược viết tiếng Trung của sinh viên được phân tích. Cuối cùng, dựa trên các kết quả nghiên cứu và phỏng vấn trước đây, bài viết này phân tích những vấn đề tồn tại trong việc sử dụng các chiến lược viết tiếng Trung của sinh viên và đưa ra một số gợi ý có mục tiêu về việc sử dụng các chiến lược viết của sinh viên trong viết ngôn ngữ Trung Quốc từ quan điểm của giáo viên và sinh viên.
148	Đại học	Nghiên cứu đối chiếu từ “首”(shao) trong tiếng Hán hiện đại và từ tương ứng trong tiếng Việt	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Khi sử dụng tiếng Việt, thông thường xảy ra nghĩa biến thể dẫn đến tạo thành một từ nhiều nghĩa. Trong các trường hợp khác nhau sẽ có cách sử dụng khác nhau, do đó hiện tượng này đặc biệt phổ biến trong tiếng Việt. So sánh với tiếng Hán, thì trong tiếng Hán cũng có một số từ cùng một từ nhưng lại có

					nhiều nghĩa khác nhau, làm cho người học đặc biệt là người nước ngoài học tiếng Hán rất khó hiểu và sử dụng tốt nó. Điển hình khi sử dụng từ “shou”, người học gặp không ít sự nhầm lẫn, không biết sử dụng tốt nghĩa của nó. Khi người nước ngoài đến Việt Nam học tiếng Việt, thì chắc hẳn cũng sẽ gặp nhiều nhầm lẫn khi sử dụng từ “shou”. Để giúp đỡ người học giải quyết vấn đề này, bài nghiên cứu “ Đối chiếu ý nghĩa của từ “shou” trong tiếng Hán với từ tương ứng trong tiếng Việt”, chỉ ra những điểm khác nhau về ngữ nghĩa của hai từ trên, từ đó sẽ làm cho chúng ta hiểu rõ hơn ý nghĩa, giúp cho người học, và từ đó cung cấp cho người học tài liệu tham khảo có ích.
149	Đại học	Các đặc điểm về hình thể chữ hán có bộ nhân trong quá trình phát triển.	Lê Thị Quỳnh Anh	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	• Vì đối tượng nghiên cứu của tôi là nghiên cứu về đặc điểm tiến hóa của chữ Xin nên qua quá trình tìm hiểu nguồn gốc của chữ Hán, tôi dựa vào đó để tìm ra cội nguồn của chữ Xin. Từ đó, tôi dần dần đi sâu nghiên cứu chữ Hán, đặc biệt là chữ Xin và từng thời kỳ lịch sử. • Chữ viết trước hết là từ văn tự bằng xương cốt đến chữ viết thông thường, từ nét phức tạp đến nét đơn giản, từ nét khó nhớ đến dễ nhớ, quan trọng nhất là nghĩa của chữ Hán ngày càng phong phú ý nghĩa hơn trước với sự đầy đủ . Sau đó là tính linh hoạt của phong chữ của từ "xin". • Nghiên cứu sâu về văn hóa Hán tự phong phú ẩn sau chữ Hán sẽ làm cho việc nghiên cứu chữ Hán tràn đầy sức sống, nâng cao giá trị và ý nghĩa của nghiên cứu lịch sử về văn hóa chữ Hán, cho chúng ta hiểu văn hóa chữ Hán rộng lớn và sâu sắc của Trung Quốc .
150	Đại học	Trợ từ ngữ khí trong tiếng Trung và một số	Phạm Thị Thu Thúy	TS. Nguyễn Thụy Mai Hân	Đối với những người học, nghiên cứu về ngoại ngữ là tiếng Trung thì sẽ có

		khó khăn trong việc dịch trợ từ ngữ khí		muôn hình vạn tượng các vấn đề thu hút mọi người đến tìm hiểu và nghiên cứu, và Trợ từ ngữ khí trong tiếng Trung cũng là một trong những chủ đề rất thu hút mọi người đến nghiên cứu và tìm hiểu chúng. Trợ từ ngữ khí trong tiếng Trung giúp người sử dụng thể hiện ngữ khí, ngữ điệu, tình cảm một cách rõ ràng cũng làm cho câu uyển chuyển mang hồn sắc, không bị cứng nhắc. Mỗi một loại trợ từ ngữ khí sẽ mang theo một đặc điểm công dụng khác nhau theo từng hoàn cảnh, do sự đa dạng đó người sử dụng cũng gặp ít nhiều những khó khăn trong quá trình dịch .Chính vì thế bản thân tôi đã viết nên đề tài “Trợ từ ngữ khí trong tiếng Trung và một số vấn đề khó khăn trong việc dịch trợ từ ngữ khí” . Ở chương I tôi sẽ tập trung nêu ra các vấn đề như: lý do chọn đề tài, ý nghĩa của đề tài này thể hiện, các phương pháp nghiên cứu chính mà bài nghiên cứu này sẽ dựa vào, cũng như nói chỉ rõ phạm vi nghiên cứu sẽ là tập trung chủ yếu vào một số trợ từ ngữ khí tiếng trung thường dùng “吧, 吗, 呢, 了, 啊, 的” , và đối tượng khảo sát chủ yếu là sinh viên năm 4 ngành ngôn ngữ Trung của trường đại học Thủ Dầu Một về những khó khăn khi dịch trợ từ ngữ khí tiếng trung.Tiếp nối đó ở chương II tôi sẽ dựa vào những bài nghiên cứu của các tác giả trước để nêu ra định nghĩa, cũng như chỉ ra một số phương pháp của các tác giả trước dùng để phân loại trợ từ ngữ khí, để rồi đúc kết cho mọi người có thể tìm thấy một phương pháp phù hợp với bản thân. Sau đó ta sẽ tìm hiểu công dụng của 6 loại từ ngữ khí thường dùng nhất “吧, 吗, 呢, 了, 啊, 的”.cuối cùng ở chương III ,dựa vào qua quá trình làm bảng
--	--	---	--	---

					câu hỏi khảo sát thực tế đối tượng chủ yếu là sinh viên năm 4 ngành ngôn ngữ Trung của trường đại học Thủ Dầu Một về những vấn đề khó khăn thường gặp khi dịch trợ từ ngữ khí tiếng trung để rút kết ra những khó khăn mà mọi người hay gặp phải trong lúc dịch trợ từ ngữ khí ,tôi cũng sẽ dựa vào bài khảo sát này để đưa ra những giải pháp phù hợp để quá trình dịch trợ từ ngữ khí tiếng trung sẽ đơn giản hóa , chuẩn xác hơn .
151	Đại học	Nghiên cứu các phương pháp học môn nghe- nói tiếng Trung Quốc hiệu quả cho người mới bắt đầu.	Trần Mỹ Hương Trầm	TS.Nguyễn Thụy Mai Hân	Sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế Trung Quốc ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế thế giới. Hầu hết mọi người đều muốn đi đầu và chạy theo xu hướng, vì vậy ngày càng có nhiều người học tiếng Trung. Điều quan trọng nhất trong việc học một ngôn ngữ mới là khả năng giao tiếp nhuần nhuyễn. Phần lớn sinh viên ngày nay ngại giao tiếp hơn, phần vì sợ phát âm sai, thiếu tự tin trong giao tiếp, thiếu môi trường để thực hành, ... Nghiên cứu này sẽ nêu ra các phương pháp học nghe nói tiếng Trung dành cho người mới bắt đầu để sinh viên lựa chọn được phương pháp đúng và phù hợp để đạt hiệu quả cao nhất. Ngoài phần tóm tắt và kết luận, luận văn chia nội dung nghiên cứu thành ba phần. Chương 1 là phần mở đầu, nói rõ lý do, ý nghĩa chọn đề tài; tổng quan nghiên cứu; lý luận cơ bản; cuối cùng là phương pháp và phạm vi nghiên cứu của đề tài. Nội dung chính của chương 2 là các phương pháp học nghe nói tiếng Trung, trong chương này tôi giải thích về các ưu và nhược điểm của từng phương pháp học. Chương 3 là các khó khăn và lời kiến nghị.
152	Đại học	Ý nghĩa của từ "hỷ" trong tiếng trung và ý	Nguyễn Thị Hải	TS.Nguyễn Thụy Mai Hân	Chữ Hán là một trong những ngôn ngữ có thời gian sử dụng lâu nhất, không

		nghĩa văn hoá của nó.			gian sử dụng rộng nhất và số lượng người dùng lớn nhất thế giới, việc sáng tạo và ứng dụng chữ Hán không chỉ thúc đẩy sự phát triển của văn hóa Trung Quốc mà còn có ý nghĩa sâu sắc. Mục đích nghiên cứu của luận văn này là làm rõ cơ cấu, lịch sử hình thành và ý nghĩa của chữ “Xi”, sau khi phân tích một số nội dung trên, chúng tôi sẽ tiếp tục bàn về ý nghĩa của chữ “Xi” trong văn hóa, từ đó chỉ ra những vai trò của chữ "Xi" trong hệ thống chữ Hán, có thể Chia sẻ với các bạn báo cáo nghiên cứu về ý nghĩa chữ "Xi" và ý nghĩa văn hóa của chữ "Xi" trong tiếng Trung
153	Đại học	Nghiên cứu từ chỉ vị trí trong tiếng Hán (so sánh với tiếng Việt)	Trương Ngọc Ánh	TS.Nguyễn Thụy Mai Hân	-Tổng kết lại những đặc điểm ngữ pháp, ngữ nghĩa của các từ chỉ vị trí trong tiếng Hán. -Tìm hiểu một số đặc điểm của các từ chỉ vị trí tương ứng trong tiếng Việt. - So sánh một số đặc điểm của từ chỉ vị trí giữa tiếng Hán và tiếng Việt, và rút ra những điểm giống nhau và khác nhau giữa tiếng Hán và tiếng Việt.
154	Đại học	So sánh đại từ nhân xưng Tiếng Trung hiện đại “ 我、你 “ và đại từ nhân xưng Tiếng Việt hiện đại	Nguyễn Thị Thanh Phương	TS.Nguyễn Thụy Mai Hân	Trong xã hội hiện đại, việc học tập một ngôn ngữ mới đã trở thành một kỹ năng cơ bản của người trẻ tuổi. chúng ta có thể nắm vững đại từ nhân xưng tiếng Anh và tiếng Trung, trong khi đó người nước ngoài rất khó nắm bắt cách dùng đại từ nhân xưng tiếng việt. Trong bài này sẽ giúp sinh viên Trung quốc nắm vững đại từ nhân xưng tiếng Việt, đồng thời giúp sinh viên hiểu rõ hơn sự giống và khác nhau của đại từ nhân từ Tiếng Việt Và Tiếng Trung, giúp cho quá trình học tập và giảng dạy không xảy ra nhầm lẫn. Ngoài việc nghiên cứu nghĩa, từ loại, ngữ pháp của đại từ nhân xưng “tao,

					mày” trong tiếng Hán hiện đại và tiếng Việt hiện đại, bài viết này còn so sánh chi tiết sự giống và khác nhau của 2 đại từ nhân xưng thông qua số lượng, sắc thái tình cảm, phạm vi sử dụng. Bài viết này được chia thành ba chương, chương đầu tiên là giới thiệu, chương thứ hai là tổng quan về đại từ nhân xưng tiếng Trung và tiếng Việt, và chương thứ ba là phân tích so sánh(điểm giống và điểm khác nhau). Chương đầu tiên trình bày lý do, phương pháp nghiên cứu, tình trạng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu, tổng quan tài liệu, nguồn tài liệu. Nội dung chính của chương hai là khái quát về 3 đại từ nhân xưng trong tiếng Trung và tiếng Việt, đồng thời tìm hiểu chức năng của từng bộ phận. Chương 3 là nội dung cơ bản của luận văn, tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa đại từ nhân xưng tiếng Trung “Tôi (我), bạn(你) và đại từ nhân xưng tiếng Việt.
155	Đại học	Phân tích cấu trúc và đặc điểm sử dụng câu chữ 把 trong tiếng Hán	Trần Thị Thuý	TS.Nguyễn Thụy Mai Hân	Nội dung nghiên cứu của luận án là đi sâu tìm hiểu đặc điểm cấu tạo, ngữ nghĩa và cách sử dụng câu bửa trong tiếng Hán hiện đại, đồng thời chỉ ra những điểm giống và khác nhau giữa câu bửa và câu bề. câu trong tiếng Hán hiện đại, nhằm cung cấp cho người học tiếng Hán Việt Nam tham khảo. Luận văn này sẽ thực hiện các nhiệm vụ sau: (1) Nghiên cứu cấu trúc câu và cách dùng từ “ba” trong tiếng Hán hiện đại, làm rõ đặc điểm của từ này;

					(2) So sánh câu “把” trong tiếng Hán với câu “被”, chỉ ra những điểm giống và khác nhau giữa hai câu.
156	Đại học	Nghiên cứu về các câu giả thuyết và câu điều kiện phổ biến trong tiếng Trung	Nguyễn Ngọc Triệu Vy	TS.Nguyễn Thụy Mai Hân	Tầm quan trọng của việc học hỏi và nghiên cứu về lĩnh vực tiếng Trung đang ngày càng được khẳng định, bằng chứng chính xác nhất đó chính là số lượng người theo học mỗi ngày một tăng. Ở Việt Nam nói riêng và trên thế giới nói chung, tiếng Trung hiện nay đã và đang là thứ tiếng luôn thuộc top đầu để đưa ra lựa chọn cho việc học ngoại ngữ thứ hai (sau tiếng Anh). Tuy nhiên để học được và giao tiếp tốt tiếng Trung chúng ta cần thời gian để học tập và thực hành. Bên cạnh đó, ngoài việc phát âm chuẩn thì ngữ pháp cũng sẽ khiến nhiều người học tiếng Trung phải đau đầu. Trải qua hơn 3 năm học tập tại Trường Đại học Thủ Dầu Một khoa Ngoại Ngữ chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc nhận thấy ngoài những cấu trúc ngữ pháp quan trọng khác thì câu điều kiện và câu giả thiết cũng là một trong những cấu trúc thường được sử dụng trong học tập và giao tiếp. Dựa trên thực tế ấy, bài báo cáo “Nghiên cứu về câu giả thiết và câu điều kiện phổ biến trong tiếng Trung” với mong muốn tìm hiểu những mẫu câu, cấu trúc thường dùng trong học tập lẫn giao tiếp tiếng Trung và giải quyết được những khó khăn khi học và sử dụng những câu điều kiện và câu giả thiết này.
157	Đại học	So sánh từ chỉ màu sắc trong tiếng Việt và tiếng Trung.	Lê Thị Diễm Quỳnh	TS.Nguyễn Thụy Mai Hân	Trong ngôn ngữ học hiện đại, việc nghiên cứu ngôn ngữ không chỉ dừng ở bản thể ngôn ngữ mà đã tiến tới những nhân tố bên ngoài ảnh hưởng trực tiếp đến bản thể ngôn ngữ và mối quan hệ giữa chúng với nhau. Việc tồn tại của màu

					sắc là khách quan, nhưng khái quát về từ chỉ màu sắc trong các ngôn ngữ khác nhau thì có khác biệt. Trong quá trình phát triển lịch sử lâu dài của dân tộc Hán và dân tộc Việt, nhận thức, thái độ cũng như những phong tục liên quan tới màu sắc của hai dân tộc này đã có biến đổi rất nhiều, những biến đổi này thể hiện ở sự nảy sinh và phát triển của từ chỉ màu sắc liên quan với các yếu tố chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật, xã hội văn hoá v.v....Về mặt cấu trúc từ ngữ màu sắc giữa 2 tiếng Việt và Trung cũng hoàn toàn khác nhau và mang nhiều hàm nghĩa sâu xa. Chính vì vậy, em muốn thông qua bài báo cáo này làm rõ hơn về từ ngữ chỉ màu sắc giữa 2 thứ tiếng và thấy được sự khác và giống nhau giữa chúng về mặt cấu trúc lẫn ý nghĩa.
158	Đại học	Tình hình sử dụng thành ngữ Trung Quốc trong học tập và giao tiếp của sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một	Lê Bảo Ngân	TS.Nguyễn Thụy Mai Hân	"Thành ngữ là một điểm đặc sắc trong văn hóa truyền thống Trung Quốc, chúng có ý nghĩa sâu sắc, cấu trúc và cách diễn đạt cố định, biểu đạt ý nghĩa nhất định. Thành ngữ tiếng Hán vốn là một hiện tượng ngôn ngữ đặc biệt, có ý nghĩa, hình thức cấu tạo, công năng cú pháp...vô cùng phức tạp, với khối lượng kiến thức nhiều như thế trong thời gian học có hạn, người dạy khó có thể truyền tải và người học cũng khó có thể tiếp thu hết được. Lý do quan trọng hơn cả là: hiện nay kiến thức về thành ngữ được dạy qua những giáo trình trung gian như Ngữ pháp, Từ vựng, Thương mại chứ không phải là giáo trình chuyên về thành ngữ, điều này làm cho vốn hiểu biết của người học về thành ngữ bị hạn chế. Bài tiểu luận chủ yếu tìm hiểu về tình hình sử dụng thành ngữ Trung Quốc trong học tập và giao tiếp của sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc trường

					Đại học Thủ Dầu Một. Đồng thời tìm ra nguyên nhân dẫn đến việc sử dụng sai thành ngữ và đưa ra giải pháp giúp nâng cao việc dạy và học thành ngữ."
159	Đại học	Phân tích đặc điểm ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng của hai từ "吗" và "吧".	Nguyễn Thị Hồng	TS. Nguyễn Thụy Mai Hân	phân tích đặc điểm ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng của hai từ "ma" và "ba". Giúp các bạn hiểu rõ hơn về cấu trúc, cách thức cũng như cách sử dụng đúng và chính xác nhất phương pháp. Nhằm giúp các bạn khắc phục những khó khăn trong quá trình sử dụng và hiểu rõ hơn về quy tắc của hai ngữ pháp trên.
160	Đại học	Đặc điểm và cách dùng của cấu trúc câu so sánh "比" và "没有" trong tiếng Trung.	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	TS. Nguyễn Thụy Mai Hân	Có rất nhiều cách để biểu thị câu so sánh trong tiếng Trung, có thể dùng so sánh hơn, kém, ngang bằng hoặc so sánh nhất. Nắm vững cách sử dụng các cấu trúc là điều cần thiết khi học ngoại ngữ. Vì vậy Báo cáo nghiên cứu phân tích đặc điểm và cách dùng cấu trúc câu so sánh "比" và "meiyou" trong tiếng Trung. Giúp hiểu rõ cấu trúc so sánh trên tránh nhầm lẫn, thuận lợi hơn trong quá trình học tập và giao tiếp.
161	Đại học	Đặc điểm và cách dùng của 对, 对于, 关于	Lê Thị Thúy Kiều	TS. Nguyễn Thụy Mai Hân	Ngoài ra, hiện nay ngày càng có nhiều công ty, doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư vào thị trường Việt Nam. Đây chắc chắn là một cơ hội tốt cho các học giả học tiếng Trung Quốc. Tuy nhiên, để có thể tự tin giao tiếp với người Trung Quốc và phiên dịch chính xác, chúng ta cần hiểu nghĩa và cách sử dụng của từng từ. Đặc biệt là những từ đồng nghĩa như "对、对于、关于". Nhiều học sinh năm nhất và người mới bắt đầu hầu như không thể phân biệt được sự khác biệt giữa ba từ này và khi nào chúng có thể và không thể được sử dụng. Điều này khiến không ít người gặp khó khăn trong giao tiếp, gây ra rào cản tâm lý: ngại giao tiếp với người Trung Quốc. Ngoài ra, các bạn đã hoặc đang thi HSK cũng sẽ gặp phải trường hợp tương tự.

					Bài nghiên cứu nhằm giúp các bạn sinh viên tiếng Trung nắm bắt tốt hơn ngữ nghĩa, ngữ pháp và ngữ dụng thông thường của "对", 对于, 关于 ". Tránh mắc những lỗi không đáng có và tự tin giao tiếp.
162	Đại học	Nghiên cứu so sánh câu bị động trong tiếng Hán hiện đại và tiếng Việt.	Nguyễn Thị Kiều Trinh	TS.Nguyễn Thụy Mai Hân	Trong những năm gần đây việc nghiên cứu so sánh hai ngôn ngữ đối lập đã nhận được rất nhiều sự quan tâm và đã trở thành một đề tài phát triển mạnh mẽ trong ngôn ngữ học hiện đại. Sở dĩ như vậy vì nó đáp ứng được yêu cầu vận dụng kiến thức ngôn ngữ một cách rộng rãi vào thực tế. Hơn nữa, ở Việt Nam hiện nay, có rất nhiều người học tiếng Trung và cho rằng tiếng Trung và tiếng Việt có điểm tương đồng. Để giúp người học tiếng Trung hiểu rõ hơn về câu bị động và dễ dàng sử dụng, tôi đã thực hiện một nghiên cứu so sánh giữa câu bị động trong tiếng Trung hiện đại và tiếng Việt. Từ đó giúp người học phân biệt và dễ dàng áp dụng hơn vào việc học tiếng Trung, bài nghiên cứu này cung cấp lý thuyết chung, trình bày cấu trúc điển hình của câu bị động trong tiếng Hán và tiếng Việt ngoài ra còn chỉ ra những điểm giống và khác nhau giữa câu bị động tiếng Hán và tiếng Việt về ngữ pháp và ý nghĩa.
163	Đại học	So sánh từ "gen" trong tiếng Hán và từ "với" trong tiếng Việt.	Nguyễn Thị Ngọc Anh	TS.Nguyễn Thụy Mai Hân	Giới từ là một loại từ được sử dụng phổ biến trong văn nói và văn viết. Trong tiếng Trung có rất nhiều giới từ được kể đến như giới từ chỉ phương hướng, giới từ chỉ thời gian,... Trong đó em đã lựa chọn ra giới từ “gen” để tiến hành so sánh với giới từ “với” của Tiếng Việt. Thông qua bài báo cáo, em muốn làm rõ sự giống và khác nhau của hai từ này, nhằm giúp mọi người hiểu rõ hơn về cách dùng “gen” và “với”. Đồng thời sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt chúng chính xác.

164	Đại học	Nghiên cứu số từ “yi” trong tiếng Hán hiện đại (đối chiếu với tiếng Việt)	Nguyễn Thị Mỹ Quanh	TS.Nguyễn Thụy Mai Hân	Trong xã hội hiện đại, cuộc sống của con người gắn liền với những con số, cùng với sự phát triển của xã hội, những con số cũng ngày càng đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của con người. Dù là ở quốc gia nào, dù người ta sử dụng ngôn ngữ gì thì những con số đều sẽ xuất hiện trong cuộc sống của chúng ta, nhưng điều thú vị nhất là những con số này lại có ý nghĩa phong phú trong cuộc sống. Trong thực tế, chữ số “một”, “yi” trong tiếng Hán Việt có nhiều cách dùng mới và lan truyền nhanh chóng trong xã hội. Con số có nhiều đặc điểm như đóng vai trò chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ... và có thể kết hợp với nhiều từ loại như danh từ, động từ. Trong đó, số “yi” của tiếng Trung Quốc và số “một” của tiếng Việt là những con số tiêu biểu nhất trong hệ thống con số của hai ngôn ngữ này, ngoài đặc điểm là con số chung, hai con số này còn phản ánh rõ nét đặc điểm của mỗi quốc gia. Bài báo này nghiên cứu so sánh ngữ nghĩa, chức năng cú pháp và ý nghĩa của số “một” trong tiếng Hán và số “một” trong tiếng Việt. Qua những nghiên cứu này, một mặt giúp chúng ta hiểu rõ hơn về những điểm giống và khác nhau về ngữ nghĩa và đặc điểm ngữ pháp của con số trong tiếng Hán và tiếng Việt, mặt khác cung cấp thêm một số tài liệu tham khảo cho người Việt Nam học tập và nghiên cứu tiếng Hán và người Trung Quốc học tập và nghiên cứu tiếng Việt. Nội dung chính của bài viết này được chia thành hai phần: Phần thứ nhất: đặc điểm của chữ số Hán tự hiện đại “一”. Phần thứ hai: so sánh giữa chữ số Hán hiện đại “一” và từ tương ứng “một” trong tiếng Việt.
165	Đại học	Nghiên cứu về các cặp	Đỗ Thị Khánh	TS.Nguyễn	Tất cả các ngôn ngữ trên thế giới đều có các cặp từ trái nghĩa, đều mang hàm ý

		từ trái nghĩa "dui-cuo", "hei-bai", "da-xiao" trong tiếng Trung và tiếng Việt.	Huyền	Thụy Mai Hân	phủ định và có ý nghĩa hoàn toàn khác với từ còn lại. Tiếng Hán là một ngôn ngữ đa dạng và phong phú về ngữ pháp, cũng giống như tiếng Việt, các cặp trái nghĩa là một trong những yếu tố tạo nên nét đẹp riêng cho ngôn ngữ của mình. Các từ trái nghĩa không đơn giản chỉ dùng trong văn nói của cuộc sống hằng ngày, mà chúng còn được dùng trong văn viết, thơ ca, ca dao tục ngữ. Thông qua bài nghiên cứu này, tôi muốn đưa ra trái nghĩa cặp từ trái nghĩa “dui - cuo” để làm rõ và cho mọi người hiểu hơn về ngữ pháp cũng như đặc điểm và nét đẹp của chúng.
166	Đại học	Một số phương pháp học từ vựng hiệu quả cho sinh viên năm nhất trường đại học Thủ Dầu Một.	Châu Thị Thuỳ Dung	TS.Nguyễn Thụy Mai Hân	Như chúng ta đã biết, khi học một ngôn ngữ nào đó, người ta phải nắm vững vốn từ vựng của ngôn ngữ đó. Đối với các bạn sinh viên muốn học tốt tiếng Trung thì nắm vững từ vựng tiếng Trung rõ ràng là con đường duy nhất. Việc học thuộc kiến thức từ vựng tiếng Trung là điểm mấu chốt trong toàn bộ quá trình học tiếng Trung của sinh viên Việt Nam. Báo cáo này được thực hiện trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết học tiếng Hán như một ngôn ngữ thứ hai và chiến lược học từ vựng, việc sử dụng các chiến lược học tập trong việc học từ vựng tiếng Trung Quốc và hiệu quả học tập của họ.
167	Đại học	Tình hình hiểu và sử dụng quán dụng ngữ của sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Ngọc Lan	TS.Nguyễn Thụy Mai Hân	Quán dụng ngữ được xem là một phần quan trọng trong tiếng Trung được người Trun Quốc sử dụng rộng rãi trong cuộc sống hằng ngày. Quán dụng ngữ có từ ngữ đơn giản dễ dùng, kết cấu lại linh hoạt, mang đậm nét của văn nói. Hơn nữa khả năng diễn đạt của quán dụng ngữ khá phong phú, đa dạng nên được sử dụng khá rộng rãi trong cuộc sống hằng ngày. Nhưng vì sự đa dạng của quán dụng ngữ từ đó gây cho người mới bắt đầu học nhiều khó khăn và

					khó hiểu. Luận văn chủ yếu nói về tình hình hiểu và sử dụng quán dụng ngữ của sinh viên ngành ngôn ngữ trung tại trường Đại học Thủ Dầu Một dưới các góc độ khác nhau: khái niệm về quán dụng ngữ, sự khác nhau giữa quán dụng ngữ và thành ngữ, quán dụng ngữ thường dùng, khảo sát về trình độ sử dụng quán dụng ngữ của sinh viên năm tư của ngành ngôn ngữ Trung Quốc tại trường Đại học Thủ Dầu Một, lỗi sai và phương pháp khắc phục khi sử dụng quán dụng ngữ.
168	Đại học	Phân tích so sánh "shēng" trong tiếng Trung hiện đại và "sinh" trong tiếng Việt	Lê Hồ Thúy Vi	TS.Nguyễn Thụy Mai Hân	Tiến hành nghiên cứu sâu về chữ Hán “生” của ngôn ngữ Trung Quốc hiện đại, và chia nội dung nghiên cứu thành bốn phần. Thông qua các thông tin trên, chương một là giải thích lý do và mục đích nghiên cứu của tác giả, phương pháp thực nghiệm, tình hình nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu. Mục đích của bài viết này là phân tích, so sánh sự giống và khác nhau giữa cách dùng chữ “生” trong tiếng Hán và chữ “sinh” trong tiếng Việt. Nội dung chính của chương hai là phân tích ngữ nghĩa và đặc điểm của "生" trong tiếng Trung Quốc, đồng thời phân tích các đặc điểm ngữ pháp và ngữ nghĩa của "生" trong tiếng Trung Quốc hiện đại. Bài viết này chỉ ra ý nghĩa biểu đạt của từ “生” và các thành phần có thể dùng như danh từ, động từ, tính từ, trạng ngữ trong câu. Tác giả cũng phân tích chữ Hán “生” trong thành ngữ. Trong chương ba, nội dung chính là ý nghĩa ngữ pháp của từ “sinh” trong

					tiếng Việt, ý nghĩa biểu hiện và khả năng sử dụng của danh từ hoặc động từ trong câu. Chương bốn nghiên cứu so sánh chữ “生” trong tiếng Hán hiện đại và chữ “sinh” trong tiếng Việt, và phân tích so sánh từ khía cạnh ngữ pháp. Do có sự khác biệt về ngữ pháp, cách dùng và cấu trúc nên tác giả tiến hành phân tích và chỉ ra rằng điểm khác biệt giữa hai loại này dễ nhận ra nhất là ở ngữ pháp. Bài viết này đề cập đến thực tế là có rất nhiều cách sử dụng trong câu, thông qua bài viết này, hầu hết các sinh viên có thể hiểu sâu về “生” của tiếng Trung Quốc hiện đại, điều này rất có lợi cho việc học tiếng Trung. Những kiến thức thu được qua quá trình nghiên cứu môn học này rất quan trọng, có giá trị kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn giúp sinh viên thuận lợi trong quá trình học tiếng Trung.
169	Đại học	Nghiên cứu về liên từ 并, 和, 而 trong tiếng Hán hiện đại.	Nguyễn Thị Kim Loan	TS. Nguyễn Thụy Mai Hân	Tiếng Trung là ngôn ngữ phân tích, thiếu biến đổi hình thái theo nghĩa chặt, tiếng Trung không có các dấu hiệu hình thái và biến tố như các ngôn ngữ phương Tây. Điều đó có nghĩa là, trong ngôn ngữ của các nhóm dân tộc khác, những thay đổi hình thái của từ nội dung có thể được sử dụng để biểu thị ý nghĩa ngữ pháp và hoàn thành nhiệm vụ, trong khi tiếng Trung Quốc thường sử dụng các từ chức năng khác nhau để hoàn thành. Như vậy, so với các ngôn ngữ của các dân tộc khác, hư từ trong tiếng Trung chịu nhiều nhiệm vụ ngữ pháp nặng nề hơn và đóng vai trò ngữ pháp quan trọng hơn. Có thể thấy, muốn phát hiện thấu đáo các quy luật ngữ pháp tiếng Hán, chúng ta phải chú ý

					nguyên cứu hư từ tiếng Hán. Liên từ là một phần quan trọng của trọng của các từ chức năng tiếng Trung. Nếu bạn muốn khám phá các quy luật ngữ pháp tiếng Trung, bạn phải học liên từ. Kể từ những năm 1980, nhóm nghiên cứu về liên từ đã không ngừng phát triển và nghiên cứu về liên từ cũng ngày càng phong phú và sâu sắc hơn. "和", "而", "并" là một từ kết hợp thường được sử dụng trong tiếng Trung Quốc. Nội dung chính của bài viết này là nghiên cứu chức năng, đặc điểm cách dùng và ba liên từ “和”, “而”, “并”
170	Đại học	Tìm hiểu về phương pháp và kỹ năng học chữ Hán hiệu quả cho sinh viên năm nhất trường đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Minh Khánh	TS.Nguyễn Thụy Mai Hân	Dựa trên lý thuyết về việc học tiếng Trung như một ngôn ngữ thứ hai và nghiên cứu các chiến lược học tiếng Trung, bài viết này sử dụng phương pháp phân tích so sánh ngôn ngữ, điều tra bảng câu hỏi và quan sát phỏng vấn để nghiên cứu sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Tulongmu. Bài viết này cố gắng khám phá và tìm hiểu thực trạng việc học tiếng Trung Quốc của sinh viên Việt Nam, bao gồm đặc điểm việc học tiếng mẹ đẻ của sinh viên Việt Nam tại Trung Quốc, việc sử dụng các chiến lược học tập và hiệu quả của việc học tiếng Trung Quốc, đồng thời cố gắng phác thảo tình hình chung. của sinh viên Việt Nam học tập Trung Quốc trên đất nước của họ. Trên cơ sở đó, một số đề xuất về việc dạy chữ Hán ở Việt Nam được đề xuất.
171	Đại học	Thành ngữ nói về tính cách con người trong tiếng hán (liên hệ với thành ngữ tiếng việt)	Dương Nguyễn Hoàng Lam	TS.Nguyễn Thụy Mai Hân	Về thành ngữ, từ trước đến nay đã có rất nhiều bài viết, công trình nghiên cứu. Xuất phát từ các góc độ, khuynh hướng và phương pháp tiếp cận khác nhau, những bài viết, những công trình đó cung cấp cái nhìn mới mẻ, đa diện hơn về thành ngữ. Có thể nói, thành ngữ là mảnh đất đã được cày xới nhiều và cũng

					đã thu được nhiều thành tựu. Bài nghiên cứu được viết ra nhằm mục đích nêu ra được sự tương đồng về thành ngữ của tiếng Hán với tiếng Việt khi đề cập đến tính cách của con người. Với mục đích là thông qua khảo sát các thành ngữ nói về tính cách con người trong tiếng Hán có liên hệ với các thành ngữ cùng loại trong tiếng Việt nhằm tìm hiểu những điểm tương đồng và khác biệt của các thành ngữ này ở hai ngôn ngữ, qua đó góp phần vào việc nghiên cứu thành ngữ và các đặc trưng của ngôn ngữ và văn hóa của hai dân tộc Trung Hoa và Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu được đề cập trong bài nghiên cứu này là nghiên cứu cấu tạo và biểu đạt ý nghĩa qua đó liên hệ thành ngữ của hai nước với nhau. Từ đó rút ra được nhiều kết luận như số lượng cấu tạo thì thành ngữ nói về tính cách con người trong tiếng Việt phong phú hơn; Nhưng về loại hình cấu trúc thành ngữ nói về tính cách con người trong tiếng Hán lại phong phú hơn hoặc nghĩa của thành ngữ nói về tính cách con người trong tiếng Hán và tiếng Việt đều có quan hệ mật thiết với cấu trúc ngữ pháp của thành ngữ.
172	Đại học	Phân tích đối chiếu chỉ tố chủ đề trong tiếng Hán và tiếng Việt lấy “啊”, “嘛”, “吧”, “呢”, " thì", "là", "mà" làm ví dụ.	Trần Anh Xuân	TS.Nguyễn Thụy Mai Hân	Luận văn này : Phân tích đối chiếu chỉ tố chủ đề trong tiếng Hán và tiếng Việt lấy “啊”, “嘛”, “吧”, “呢”, " thì", "là", "mà" làm ví dụ. Chủ yếu đào sâu sự khác nhau của hai ngôn ngữ này về chỉ tố chủ đề. Luận văn này chỉ ra ý nghĩa và mục đích nghiên cứu của đề tài, thực trạng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu của chỉ tố chủ đề trong tiếng Hán và tiếng Việt.
173	Đại học	So sánh cấu trúc câu chữ 被 trong tiếng Hán và "bị", "được" trong tiếng Việt.	Nguyễn Thị Hoàn	TS.Nguyễn Thụy Mai Hân	Trong bài luận văn, em đã sử dụng các phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp để phân tích và so sánh điểm giống và khác của câu chữ "bị" và câu chữ "bị, được" ở các phương diện như: hình thức câu, ngữ nghĩa và cách dùng. Hi

					vọng thông qua bài nghiên cứu này sẽ góp phần giúp ích cho các bạn học tiếng Trung tránh những sai sót khi sử dụng và phiên dịch câu chữ "bei". Luận văn gồm 4 chương: Chương 1: phần mở đầu, chương 2: điểm giống nhau của câu chữ "bei" và câu chữ "bị, được", chương 3: điểm khác nhau của câu chữ "bei" và câu chữ "bị, được", chương 4: kết luận
174	Đại học	Nghiên cứu về phương pháp dạy nói tiếng Hán sơ cấp cho học sinh tiểu học - trường hợp của trường tiểu học quốc tế Việt Hoa	Nguyễn Thị Cẩm Giang	TS. Nguyễn Thụy Mai Hân	Hiện nay Việt Nam đang trên con đường phát triển và hội nhập quốc tế nên ngoại ngữ cũng ngày càng phát triển đặc biệt là tiếng Hoa. Tại Việt Nam, đặc biệt là tỉnh Bình Dương, tiếng Hoa dần trở thành một trong những ngoại ngữ quan trọng. Ngày càng có nhiều phụ huynh cho con học tiếng Hoa ngay từ khi còn nhỏ. Đối tượng khảo sát của bài báo này chủ yếu là giáo viên và học sinh trường Quốc tế Việt Hoa tỉnh Bình Dương. Thông qua đội ngũ giáo viên và học sinh tiểu học, bài viết này giúp các bậc phụ huynh hoặc các bộ phận liên quan hiểu được phương pháp dạy khẩu ngữ tiếng Hoa cho học sinh tiểu học của Trường Quốc tế Việt Hoa, nắm được những kiến thức cơ bản về giáo dục ngôn ngữ cho học sinh tiểu học, đồng thời cung cấp cho các bạn dữ liệu về các khía cạnh khác nhau của phương pháp dạy học nói tiếng Trung cho học sinh tiểu học.
175	Đại học	Khảo sát phân tích kỹ năng thuyết trình bằng tiếng trung của sinh viên năm ba ngành ngôn ngữ trung đại học Thủ Dầu Một.	Lâm Tâm Như	ThS. Bùi Đức Anh	Kỹ năng thuyết trình đóng vai trò quan trọng trong quá trình học tập cũng như làm việc sau này của sinh viên. Ở Trường Đại Học Thủ Dầu Một chuyên ngành Ngôn ngữ Trung, sinh viên được tạo cho nhiều cơ hội để tiến hành làm thuyết trình ở lớp. Đề tài này tập trung nghiên cứu kỹ năng thuyết trình của sinh viên năm thứ ba của khoa tiếng Trung. Những khó khăn mà sinh viên gặp

					phải trong quá trình thuyết trình cũng như nguyện vọng của sinh viên để có được một bài thuyết trình tốt hơn cũng được thảo luận trong đề tài này. Ngoài ra, một số kiến nghị nhằm giúp nâng cao kỹ năng thuyết trình của sinh viên cũng được nêu ra ở bài nghiên cứu này.
176	Đại học	Nghiên cứu bổ ngữ xu hướng và bổ ngữ số lượng trong tiếng Hán hiện đại	Phan Quỳnh Phương	ThS. Bùi Đức Anh	Bổ ngữ có quan hệ ngữ nghĩa phong phú, chức năng ngữ pháp phức tạp và là một bộ phận không thể thiếu của tiếng Hán và luôn là một trong những trọng tâm nghiên cứu của ngữ pháp tiếng Hán hiện đại. Đối với học sinh Việt Nam, bổ ngữ là một điểm khó trong quá trình học tiếng Trung. Là một phần quan trọng của hệ thống bổ ngữ, bổ ngữ xu hướng và bổ ngữ số lượng được sử dụng rộng rãi do nhu cầu giao tiếp. Nhưng học sinh Việt Nam ở giai đoạn đầu gặp khó khăn đáng kể trong việc học và sử dụng cấu trúc này. Bài luận này sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về bổ ngữ xu hướng và bổ ngữ số lượng, từ đó tìm ra cách học hiệu quả nhất.
177	Đại học	Ảnh hưởng của từ Hán Việt trong việc học tiếng Trung đối với sinh viên năm nhất chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Thị Ngọc Lan	ThS. Bùi Đức Anh	Do yếu tố địa lý, lịch sử, văn hoá; tiếng Việt và tiếng Trung có mối quan hệ mật thiết, khăng khít với nhau. Nhiều tài liệu nghiên cứu cho rằng: trong tiếng Việt có hơn 60% là từ Hán Việt. Những từ Hán Việt này đã tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt học tiếng Trung, ví dụ như làm tăng khả năng ghi nhớ và nắm bắt ý nghĩa của từ. Tuy nhiên, do sự vận động, thay đổi không ngừng của ngôn ngữ đã khiến cho một bộ phận từ có sự chuyển di, vì vậy gây không ít khó khăn cho người học. Bài nghiên cứu này chủ yếu phân tích những ảnh hưởng của từ Hán Việt đối với sinh viên năm nhất chuyên ngành ngôn ngữ Trung trường Đại học Thủ Dầu Một qua đó đề ra biện pháp khắc phục đối với

					những ảnh hưởng tiêu cực.
178	Đại học	Phân tích ý nghĩa từ "把" trong tiếng Hán hiện đại và cách biểu đạt tương ứng trong tiếng Việt	Đỗ Thị Hồng Thùy	ThS. Bùi Đức Anh	Câu chữ "ba" trong tiếng Trung luôn là một trong những đề tài nhận được sự quan tâm các học giả và chuyên gia quan tâm trong việc nghiên cứu ngữ pháp tiếng Trung. Bắt đầu từ những năm 1920, các học giả trong và ngoài nước đã tiến hành nghiên cứu sâu rộng về khối cấu trúc ngữ pháp này dưới nhiều góc độ khác nhau và thu được nhiều kết quả có giá trị. Bài báo cáo này nghiên cứu nội dung sau: sơ lược về câu chữ “ba”, đề cập đến ngữ pháp và ngữ nghĩa; so sánh điểm giống và khác nhau giữa chữ “ba” trong tiếng Hán hiện đại và tiếng Việt.
179	Đại học	Hình tượng Cửu Vĩ Hồ trong các tác phẩm văn học cổ điển Trung Hoa	Trần Thị Tâm Anh	ThS. Bùi Đức Anh	Truyền thuyết về văn học cổ điển Trung Quốc tất nhiên rất phong phú, nhưng chỉ có một số ít được lưu truyền cho đến ngày nay. Văn học Trung Quốc không chỉ nổi tiếng với lịch sử lâu đời, nội hàm phong phú và lịch sử sâu sắc, mà còn được người Trung Quốc và người nước ngoài đánh giá cao về những đặc điểm độc đáo, bao gồm cả tính văn học sâu sắc. Đối với tất cả các tác phẩm văn học huyền bí đều phải nhắc đến hình tượng hồ ly chín đuôi – một trong những hình tượng linh vật mang tính tâm linh và vô cùng huyền bí trong văn hóa Trung Hoa. Hình ảnh cáo chín đuôi đã rất phổ biến trong thần thoại Trung Quốc từ thời cổ đại và được cho là có từ thời Thiên Tàn vào khoảng thời nhà Chu trong lịch sử Trung Quốc. Với sự phổ biến rộng rãi của nghệ thuật và các yếu tố văn hóa dân gian, những truyền thuyết về hồ ly chín đuôi cũng được thêm dệt nên. Bài viết này chủ yếu thu thập dữ liệu thông qua tìm kiếm tài liệu và đọc tài liệu, phân tích tài liệu và tổng hợp các tài liệu có sẵn để

					lấy ý kiến cá nhân và thu được sự khác biệt trong sự phát triển của nội hàm văn học trong các thời đại khác nhau thông qua điều tra thực địa.
180	Đại học		Nguyễn Thị Quyên	ThS. Bùi Đức Anh	Bổ ngữ trong tiếng Hán hiện đại là phần giải thích bổ sung sau động từ và tính từ đóng vai trò là một phần của vị ngữ. Sau đó, nó bổ sung hành vi hành động, kết quả của sự thay đổi trạng thái, khả năng, mức độ, xu hướng, thời gian, địa điểm và số lượng sau động từ và tính từ. Các bổ ngữ có thể có sau động từ và tính từ. Bao gồm de/bu+phần bổ ngữ kết quả/phần bổ ngữ xu hướng, de, bu+le hoặc de/bude. Trong quá trình sử dụng các bổ ngữ, chúng ta nên chú ý đến sáu đặc điểm. Đặc điểm ngữ nghĩa của các bổ ngữ có thể có, nghĩa chủ động đầu tiên và nghĩa bị động, nghĩa được biểu thị bởi thành phần chiếm ưu thế nằm trước thành phần chủ ngữ là nghĩa chủ động và nghĩa được biểu thị bởi thành phần chiếm ưu thế nằm sau thành phần bệnh nhân là nghĩa bị động. "V+de+C" thường được sử dụng theo nghĩa chủ động và rất ít được sử dụng theo nghĩa bị động. "V+de" cũng được dùng với nghĩa chủ động và bị động. Không giống như "V+de" thường được dùng với nghĩa chủ động, "V+de" thường được dùng với nghĩa bị động và hiếm khi được dùng với nghĩa chủ động. Ý nghĩa tích cực thứ hai và ý nghĩa tiêu cực. Hầu hết "V+de+C" đều mang ý nghĩa tích cực và rất ít mang ý nghĩa tiêu cực. Bởi vì nhìn chung, mọi người luôn hy vọng rằng những kết quả hay xu hướng tốt sẽ xảy ra. "V+ deliao" cũng chủ yếu là tích

					cực và rất ít tiêu cực. "V+de" chủ yếu được sử dụng theo nghĩa tích cực và rất ít được sử dụng theo nghĩa tiêu cực.
181	Đại học	Phân tích đối chiếu từ vị giác "tán" trong tiếng Hán hiện đại và từ "ngọt" trong tiếng Việt	Trần Thị Thanh Huyền	ThS. Bùi Đức Anh	Ngôn ngữ là công cụ giao tiếp của con người, ngôn ngữ thể hiện nét đặc trưng của một quốc gia, một dân tộc. Mọi thứ trong xã hội đều được thể hiện thông qua ngôn ngữ. Ngàn năm trở lại đây, con người thường dùng ẩn dụ để thể hiện cảm xúc, tình cảm hay kinh nghiệm của mình. Đây cũng là chủ đề được nhiều học giả chọn làm đề tài nghiên cứu. Ẩm thực cũng là một trong mảng được nhiều học giả quan tâm. đặc biệt là từ vị giác. Thông qua vị giác, con người thể hiện được cảm giác, tình cảm, trạng thái của bản thân. Em chọn đề tài nghiên cứu đối chiếu từ vị giác "tán" trong tiếng hán hiện đại và "ngọt" trong tiếng việt. Thông qua phân tích so sánh đối chiếu, người học đối với 2 từ "tán" và "ngọt" sẽ có sự hiểu rõ hơn, hiểu được đặc trưng của 2 từ đó, tránh xảy ra sai sót nhầm lẫn trong giao tiếp.
182	Đại học	So sánh đối chiếu từ "làm" trong tiếng Việt dịch sang tiếng Trung "gao, zuo, gan, nong, ban"	Trịnh Nguyễn Hương Giang	ThS. Bùi Đức Anh	Đặc điểm ngữ nghĩa của các bộ ngữ có thể có, nghĩa chủ động đầu tiên và nghĩa bị động, nghĩa được biểu thị bởi thành phần chiếm ưu thế nằm trước thành phần chủ ngữ là nghĩa chủ động và nghĩa được biểu thị bởi thành phần chiếm ưu thế nằm sau thành phần bệnh nhân là nghĩa bị động . "V+de+C" thường được sử dụng theo nghĩa chủ động và rất ít được sử dụng theo nghĩa bị động. "V+de" cũng được dùng với nghĩa chủ động và bị động. Không giống như "V+de" thường được dùng với nghĩa chủ động, "V+de" thường được dùng với nghĩa bị động và hiếm khi được dùng với nghĩa chủ động. Ý nghĩa tích cực thứ hai và ý nghĩa tiêu cực. Hầu hết "V+de+C" đều mang ý nghĩa tích cực và

					rất ít mang ý nghĩa tiêu cực. Bởi vì nhìn chung, mọi người luôn hy vọng rằng những kết quả hay xu hướng tốt sẽ xảy ra. "V+ deliao" cũng chủ yếu là tích cực và rất ít tiêu cực. "V+de" chủ yếu được sử dụng theo nghĩa tích cực và rất ít được sử dụng theo nghĩa tiêu cực.
183	Đại học	Phân tích lỗi sai khi sử dụng trợ từ kết cấu "的" trong tiếng Hán hiện đại của sinh viên khoa ngoại ngữ tại trường Đại học Thủ Dầu Một.	Nguyễn Thị Tiên	ThS. Bùi Đức Anh	Những năm trở lại đây, tiếng Trung đã không còn là ngôn ngữ quá xa lạ với mọi người. Vì thế, việc học tiếng trung cũng trở nên phổ biến. Với nhiều bạn, ngữ pháp là phần gây khó khăn cho việc học tập nhiều nhất. Thế nên, trong bài báo cáo này, chúng ta cùng nhau phân tích một số lỗi sai khi dùng ngữ pháp, và đặc biệt là trợ từ kết cấu "de" của sinh viên trường Đại học Thủ Dầu Một.
184	Đại học	Phân tích những lỗi sai thường gặp của sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Trường ĐH Thủ Dầu Một khi sử dụng chữ "“被”" trong tiếng Hán	Trịnh Thị Kim Hoa	ThS. Bùi Đức Anh	“bei” trong tiếng Trung hiện đại là một mẫu câu rất phức tạp và đặc trưng, luôn được các nhà nghiên cứu ngữ pháp coi trọng. Dù xét về cấu trúc, ngữ dụng, ngữ nghĩa thì “bei” trong tiếng Trung luôn là trọng tâm của việc giảng dạy, đồng thời cũng là trọng tâm và khó của người học tiếng Trung. Trong quá trình học, tác giả nhận thấy học sinh rất dễ mắc các lỗi khác nhau khi sử dụng từ “bei”. Bài luận văn này phân tích khái niệm về câu chữ “bei” tổng hợp các dạng lỗi sai phổ biến mà sinh viên mắc phải trong việc sử dụng câu chữ " bei " và từ đó đề ra những kiến nghị giải pháp mang tính tham khảo đối với việc việc học tập của sinh viên. Tôi hy vọng sẽ tìm ra các chiến lược phù hợp để học các câu chữ "bei" tốt hơn. Trong quá trình học tập, sinh viên có thể hiểu đầy đủ các đặc điểm ngữ pháp của câu "bei" để có thể tránh mắc những lỗi sai thường gặp khi sử dụng câu "bei".
185	Đại học	Nghiên cứu ý nghĩa văn	Võ Thị Thúy	ThS. Bùi Đức	Cả Trung Quốc và Việt Nam đều có lịch sử lâu đời và nền văn hóa huy hoàng,

		hóa của một số từ chỉ màu sắc "vàng, đỏ, trắng" trong tiếng Hán hiện đại (so sánh với từ chỉ màu sắc tương ứng trong tiếng Việt)	Hiền	Anh	thừa hưởng ngôn ngữ riêng, sau quá trình phát triển và biến đổi không ngừng, họ có một kho tàng ngôn ngữ phong phú. Văn hóa chứa đựng trong ngôn từ màu sắc không chỉ say mà còn có ý nghĩa văn hóa quan trọng đối với một số dân tộc, tôn giáo cụ thể. Một số lượng lớn các từ chỉ màu trong tiếng Hán và tiếng Việt có những điểm giống và khác nhau về ngữ nghĩa, ý nghĩa biểu tượng và nội hàm văn hóa, trong quá trình phát triển không ngừng, chúng đã trở thành một bộ phận quan trọng trong văn hóa truyền thống của Trung Quốc và Việt Nam. Bài báo này sẽ thực hiện một nghiên cứu so sánh về nhận thức văn hóa của các từ màu trong tiếng Hán và tiếng Việt - vàng, đỏ và trắng. Nội dung gồm bốn chương: Chương Một Giới thiệu Chương 2 So sánh nhận thức văn hóa giữa "Đỏ" trong tiếng Trung và "Khởi" và "HỒNG" trong tiếng Việt Chương 3 So sánh nhận thức văn hóa giữa "Bàì" trong tiếng Trung và "TRẮNG" trong tiếng Việt Chương 4 So sánh nhận thức văn hóa giữa "Huang" trong tiếng Trung và "VÀNG" trong tiếng Việt
186	Đại học	Nghiên cứu một số phương pháp tự học ngữ pháp hiệu quả của sinh viên năm ba chuyên ngữ trường Đại học Thủ Dầu Một	Lư Thị Lan Anh	ThS. Bùi Đức Anh	Khi học tiếng Trung Quốc thì đều quan trọng hàng đầu khi giao tiếp là chuẩn ngữ pháp, vì chỉ cần nhầm lẫn về vị trí của từ trong câu là câu đó sẽ bị thay đổi về nghĩa hoặc thậm chí sẽ thành câu sai. Hiện nay, các trường đại học đang thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ.

					Vì vậy, học theo tín chỉ đòi hỏi người học phải tích cực sử dụng thời gian của bạn một cách chủ động. Một số sinh viên đại học chưa hiểu rõ hoàn cảnh của mình, chưa có phương pháp học tập hợp lý, đa số sinh viên đại học luôn dựa vào giáo viên của họ. Theo khảo sát, hầu hết sinh viên đại học học ngữ pháp tiếng Trung là một trong những môn học cực khó. Cho nên đã chọn đề tài " Nghiên cứu một số phương pháp tự học ngữ pháp hiệu quả của sinh viên năm ba chuyên ngữ trường Đại học Thủ Dầu Một " để nghiên cứu. Nội dung gồm sáu chương : Chương Một: Giới thiệu Chương 2: khái niệm về ngữ pháp tiếng Trung hiện đại Chương 3: Cơ sở lý luận của phương pháp tự học Chương 4: Tự học ngữ pháp của sinh viên năm 3 Đại học TDM Chương 5: Giới thiệu một số phương pháp tự học hiệu quả Chương 6: Vai trò của việc tự học ngữ pháp
187	Đại học	Nghiên cứu động cơ học tiếng Hán của sinh viên năm nhất ngành ngôn ngữ Trung Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Thị Trúc Linh	ThS. Bùi Đức Anh	Động cơ học tập ngoại ngữ là một trong những yếu tố quan trọng để học tốt một ngoại ngữ . Nghiên cứu này chọn đối tượng khảo sát là sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc của trường Đại học Thủ Dầu Một để tìm hiểu động cơ học tập ngoại ngữ và các yếu tố ảnh hưởng thông qua phương pháp khảo sát bằng bảng câu hỏi. đề tài chia thành ba chương, chương đầu chủ yếu trình bày lý do chọn đề tài, tổng quan về hình thức nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu . Chương hai mô tả động cơ học tiếng Trung của sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Thủ Dầu Một ,

					đồng thời nêu ra lý do , tầm quan trọng và động cơ học tiếng Trung Chương Ba tóm tắt nội dung phân tích trên và đưa ra một số kiến nghị. kết quả bài nghiên cứu này hy vọng rằng có thể cung cấp tài liệu tham khảo và góp ý cho việc phát triển dạy và học ngôn ngữ Trung Quốc ở trường Đại học Thủ Dầu Một.
188	Đại học	Khảo sát những từ ngữ có liên quan đến động tác của tay người trong tiếng Hán hiện đại (so sánh với từ ngữ tương đương trong tiếng Việt)	Dương Linh Đan	ThS. Bùi Đức Anh	Nếu chúng ta có thể hiểu sâu sắc các ý nghĩa khác nhau của các từ liên quan đến chuyển động của bàn tay con người, thì không chỉ làm giàu vốn từ vựng của mình mà còn hiểu sâu hơn về văn hóa dân tộc, từ đó sử dụng các từ chính xác trong giao tiếp. Báo cáo này nghiên cứu các từ liên quan đến bàn tay con người trong tiếng Hán hiện đại, bao gồm ba phương diện của cấu trúc chữ Hán, ngữ nghĩa và ý nghĩa văn hóa. Đồng thời, so sánh các kết quả nghiên cứu hiện có về các động từ chỉ hành động cơ thể người tương ứng trong tiếng Việt mà chưa đi sâu tìm hiểu, liên quan đến chuyển động tay của con người, cung cấp tư liệu tham khảo cho người Việt học tiếng Trung.
189	Đại học	So sánh ngôn ngữ tiếng Trung và tiếng Việt được sử dụng trong mua bán trực tuyến	Lưu Đức Trinh	ThS. Bùi Đức Anh	Với sự phổ biến của internet ,mua sắm trực tuyến đã đóng một phần quan trọng trong cuộc sống hàng ngày của người dân,mua sắm trực tuyến phát triển ở hầu hết các quốc gia trên thế giới và do đó sinh ra rất nhiều ngôn ngữ mới khi mua sắm trực tuyến. Khóa luận này sẽ nghiên cứu và so sánh ngôn ngữ mới trong mua sắm trực tuyến ở Trung Quốc và Việt Nam.
190	Đại học	Nghiên cứu đối chiếu từ " 香 “ trong tiếng hán hiện đại và từ tương ứng	Nguyễn Thuỳ Trang	ThS. Bùi Đức Anh	Trong quá trình nghiên cứu, tôi nhận thấy từ " xiang" trong tiếng Việt và tiếng Hán về cơ bản có những điểm giống nhau: “hương thơm”.Sau khi phân

		trong tiếng Việt			tích so sánh "xiang" trong tiếng Hán hiện đại với "huang" trong tiếng Việt, và chỉ ra sự khác biệt giữa nghĩa cơ bản và nghĩa mở rộng của những từ này khi chúng được sử dụng trong các phương ngữ khác nhau. Bài viết được nghiên cứu trong một khoảng thời gian ngắn. Hy vọng sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích và có ý nghĩa cho các bài nghiên cứu sáng tạo khác.
191	Đại học	Tìm hiểu hiện tượng đồng âm trong Tiếng Hán hiện đại và Tiếng Việt hiện đại - Lấy từ "dong" làm điển hình	Nguyễn Thị Mai Hương	ThS. Bùi Đức Anh	Chữ là một công cụ quan trọng để con người giao tiếp với nhau trong cuộc sống. Trải qua hàng nghìn năm xây dựng và phát triển, cho tới ngày nay Tiếng Việt và tiếng Trung là một trong những ngôn ngữ Phong phú nhất trên thế giới với sự giao thoa về Văn Hóa và sự vay mượn trong từ ngữ, hơn thế nữa 2 ngôn ngữ này đều là những ngôn ngữ có thanh điệu. Cho nên hiện tượng đồng âm và giống nhau giữa 2 ngôn ngữ này là không thể tránh khỏi. Để làm rõ hơn về điều này chúng ta sẽ tìm hiểu về sự đồng âm trong tiếng Hán hiện đại và Tiếng Việt Hiện đại tiêu biểu là từ "dōng" trong tiếng Hán và " đông" trong tiếng Việt (ý nghĩa, kết cấu từ, cách sử dụng).
192	Đại học	Đặc điểm tên người Hán hiện nay (đối chiếu tên người Việt)	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	ThS. Bùi Đức Anh	Những cơ sở lý luận liên quan đến tên người. Trình bày những khái niệm cơ bản cũng như các lý luận về tên riêng (tên người): danh xưng học, sự phân loại tên riêng, lý luận ngôn ngữ học xã hội liên quan đến tên riêng (tên người). Đặc điểm tên người Hán hiện nay(đối chiếu với người Việt). Trình bày đặc điểm cấu trúc của tên người, phân loại tên người theo lứa tuổi, giới tính, chỉ ra sự giống nhau và khác nhau giữa tên người Hán và người Việt.
193	Đại học	Bước đầu tìm hiểu hình ảnh con rùa trong văn hóa Trung Quốc qua tác phẩm văn học Trung	Phạm Thị Ngọc Trinh	ThS. Bùi Đức Anh	Là một trong tứ linh, rùa có một vị trí quan trọng trong lịch sử văn hóa và văn học Trung Quốc. Ý nghĩa của rùa đã trải qua những thay đổi to lớn trong nền

		Hoa			văn minh năm nghìn năm của Trung Quốc và nó được mọi người vô cùng tôn thờ vì rùa là biểu tượng của sự hỗ trợ và ổn định trên thế giới. Mặt khác, nó trở thành đối tượng của sự nhạo báng và thậm chí khinh thường. Rùa và khôn cũng đã trở thành những từ chửi thề, và thật sai lầm khi lưng rùa phải bị xúc phạm hàng ngàn năm. Bài viết này chủ yếu thu thập dữ liệu, phân tích tư liệu và tổng hợp các hình ảnh rùa qua các loại hình văn học để mọi người có cách nhìn sâu hơn.
194	Đại học	Nghiên cứu phân tích những khác biệt của các từ “小吃”, “点心” và “零食”	Mai Thị Cẩm Thu	ThS. Bùi Đức Anh	Bài nghiên cứu phân tích những khác biệt của các từ “小吃”, “点心” và “零食” dựa trên hai tiêu chí phối hợp của từ và đặc trưng nghĩa của từ. Từ “小吃” mang các đặc trưng nghĩa [+ đặc sắc địa phương], [+ rẻ], [+ ngon], [+ làm bán tại chỗ], thường phối hợp với các từ chỉ địa danh, các từ chỉ sự đặc trưng, truyền thống, các từ chỉ đơn vị/ nơi kinh doanh, các lượng từ “顿”, “份”, “盘”, “种”. Từ “点心” mang các đặc trưng nghĩa [+ ngọt], [+ làm từ bột], [+ nhỏ nhắn, tinh tế], [+ làm quà tặng], thường phối hợp với các từ chỉ phong cách của một vùng, miền có dạng “X 式”, các từ chỉ đơn vị/ nơi kinh doanh, các từ chỉ vật đựng có dạng hình hộp/ dạng gói, các lượng từ “块”, “斤”, “盒”, “匣”. Từ “零食” mang các đặc trưng nghĩa [+ giải trí, tiêu khiển], [- mục đích ăn no], thường phối hợp với các từ biểu thị sửa chữa, khuyên ngăn, cấm cản; các

					từ biểu thị hành động vượt quá số lượng cho phép; các lượng từ “把”, “盘”, “包”.
195	Đại học	Khảo sát những lỗi sai trong việc sử dụng động từ năng nguyện “能”, “会”, “可以” (neng, hui, keyi) của sinh viên ngôn ngữ trung ĐH TDM	Nguyễn Trần Thảo Ly	ThS. Bùi Đức Anh	Đối với những người học tiếng trung nói chung và sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc nói riêng thì việc có được một kiến thức vững chắc về phân biệt để cách sử dụng đúng đắn của một cấu trúc nào đó là việc rất quan trọng, vì nó ảnh hưởng đến cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết của chúng ta. Hiện tại có rất nhiều người đang đối mặt với vấn đề này, nó trở nên rất khó khăn. Đặc biệt là phân biệt những lỗi sai trong cách sử dụng động từ năng nguyện ”能”, ”会”, ”可以”. Xem qua thì thấy nó khá đơn giản và dễ sử dụng nhưng thực chất nó không hề đơn giản như thế, nhiều người vẫn không biết chọn từ nào cho đúng hoặc không phân biệt được nghĩa chính xác của mỗi từ và mỗi trường hợp mà chúng có thể được sử dụng. Trong báo cáo này, sẽ phân biệt những lỗi sai trong việc sử dụng động từ năng nguyện “néng”, “hui”, “kěyǐ”. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu trước đây, hình thức phiếu khảo sát đã được sử dụng từ đó thu thập và tổng hợp được những lỗi sai thường gặp, từ đó tìm ra được nguyên nhân và đưa ra một số giải pháp trong việc phân biệt cách dùng của động từ năng nguyện “néng”, “hui”, “kěyǐ”.
196	Đại học	So sánh 靠 和 凭 trong tiếng Hán hiện đại với từ ngữ tương ứng trong	Bùi Thị Mỹ Duyên	ThS. Bùi Đức Anh	“Phân tích và so sánh từ” luôn được coi là một vấn đề phổ biến trong việc học ngoại ngữ. Việc đưa ra những vấn đề quan điểm như vậy có thể cung cấp một

		tiếng Việt			sự trợ giúp nhất định trong việc học và dạy tiếng Trung Quốc. Người học ngôn ngữ thứ hai cần hiểu rõ và phân biệt hai từ có cùng nghĩa, và họ cần hiểu rõ hơn về sự phát triển và tiến hóa của từ. Trong bài báo này, chúng tôi chọn “kao”, “ping” trong tiếng Trung và “dựa” trong tiếng Việt làm đối tượng phân tích, so sánh, từ này thường bị nhầm lẫn. Bài báo cáo này bao gồm ba phần: Chương I: Giới thiệu Chương Hai: So sánh giữa "kao" và "ping" trong tiếng Hán hiện đại và từ tương đương trong tiếng Việt
--	--	------------	--	--	---

Bình Dương, ngày 15 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Quốc Cường